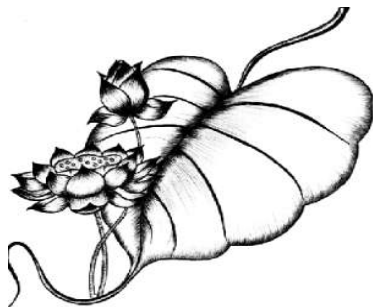


**Chú Giải**  
**Kinh Phật Thuyết**  
**Đại Thừa Vô Lượng Thọ**  
**Trang Nghiêm Thanh Tịnh**  
**Bình Đăng Giác**



Dịch theo bản in lần thứ nhất của Hoa Tạng Phật  
Giáo Đồ Thư Quán, Đài Bắc, tháng 2, năm Dân  
Quốc 81 - 1992

**Bồ tát giới đệ tử Vạn Thành Hạ Liên Cư hội tập  
và kính chia thành chương mục**

**Chú giải: Kim Cang thừa tam muội da giới đệ  
tử Hoàng Niệm Tổ**

**Bửu Quang Tự đệ tử Như Hoà kính dịch  
sang Việt ngữ**

## Mục Lục

Đôi lời bày tỏ -----	8
Lời Giới Thiệu -----	13

### Quyển thứ nhất

Lời nói đầu-----	20
------------------	----

### Khái yếu

Giáo khởi nhân duyên-----	33
Thể tánh của kinh-----	46
Tông thú của kinh này -----	52
Phương tiện lực dụng-----	76
Các căn khí được kinh này hóa độ-----	84
Tặng giáo sở nhiếp -----	97
Bộ loại sai biệt-----	128
Dịch, hội hiệu, thích-----	133
Tổng thích kinh đề -----	156

### Phần giải thích kinh nghĩa, tự phần, thông tự

Phẩm 1. Pháp hội thánh chúng -----	176
Phẩm 2. Đức tuân Phổ Hiền-----	208
Phẩm 3. Đại Giáo duyên khởi-----	297

### Quyển thứ hai

#### Chánh tông phần

Phẩm 4. Pháp Tạng nhân địa -----	341
Phẩm 5. Chí tâm tinh tấn -----	385

<b>Phẩm 6. Phát đại thệ nguyện</b> -----	<b>415</b>
<b>Phẩm 7. Ất thành Chánh Giác:</b> -----	<b>564</b>
<b>Phẩm 8. Tích Công Lũy Đức</b> -----	<b>600</b>
<b>Phẩm 9. Viên mãn thành tựu</b> -----	<b>649</b>
<b>Phẩm 10. Điều phát nguyện thành Phật</b> -----	<b>678</b>

### Quyển thứ ba

<b>Phẩm 11. Quốc giới nghiêm tịnh</b> -----	<b>691</b>
<b>Phẩm 12. Quang minh chiếu khắp</b> -----	<b>720</b>
<b>Phẩm 13. Thọ chúng vô lượng</b> -----	<b>744</b>
<b>Phẩm 14. Cây báu khắp cõi nước</b> -----	<b>750</b>
<b>Phẩm 15. Bồ Đề đạo tràng</b> -----	<b>755</b>
<b>Phẩm 16. Nhà, viện, lầu, quán</b> -----	<b>772</b>
<b>Phẩm 17. Công đức của ao</b> -----	<b>779</b>
<b>Phẩm 18. Siêu thế hy hữu</b> -----	<b>802</b>
<b>Phẩm 19. Thọ dụng đầy đủ</b> -----	<b>807</b>
<b>Phẩm 20. Gió đức mưa hoa</b> -----	<b>817</b>
<b>Phẩm 21. Hoa sen báu và quang minh của Phật</b> ----	<b>826</b>
<b>Phẩm 22. Quyết chứng cực quả</b> -----	<b>831</b>
<b>Phẩm 23. Mười phương Phật ngợi khen</b> -----	<b>842</b>
<b>Phẩm 24. Ba bậc vãng sanh</b> -----	<b>855</b>
<b>Phẩm 25. Chánh nhân vãng sanh:</b> -----	<b>957</b>
<b>Phẩm 26. Lễ Cúng Thỉnh Pháp</b> -----	<b>974</b>
<b>Phẩm 27. Khen ngợi Phật đức</b> -----	<b>1003</b>
<b>Phẩm 28. Đại Sĩ thần quang</b> -----	<b>1010</b>
<b>Phẩm 29. Nguyện Lực Hoàng Thâm</b> -----	<b>1017</b>

### Quyển thứ tư

<b>Phẩm 30. Bồ Tát tu trì</b> -----	<b>1027</b>
<b>Phẩm 31. Chơn thật công đức</b> -----	<b>1064</b>
<b>Phẩm 32. Thọ lạc vô cực</b> -----	<b>1089</b>

<b>Phẩm 33. Khuyến dụ sách tấn</b> -----	1124
<b>Phẩm 34. Tâm được khai minh</b> -----	1146
<b>Phẩm 35. Trước thế ác khổ</b> -----	1165
<b>Phẩm 36. Trùng trùng hồi miễn</b> -----	1211
<b>Phẩm 37. Như kẻ nghèo được cửa báu</b> -----	1223
<b>Phẩm 38. Lễ Phật hiện quang</b> -----	1238
<b>Phẩm 39. Ngài Từ Thị thuật lại những ...</b> -----	1259
<b>Phẩm 40. Biên địa, nghi thành</b> -----	1265
<b>Phẩm 41. Hoặc tận kiến Phật</b> -----	1285
<b>Phẩm 42. Bồ Tát vãng sanh</b> -----	1306
<b>Phẩm 43. Chẳng phải là Tiểu thừa</b> -----	1316

### **Lưu thông phần**

<b>Phẩm 44. Thọ ký Bồ Đề</b> -----	1324
<b>Phẩm 45. Riêng lưu lại kinh này</b> -----	1338
<b>Phẩm 46. Siêng tu giữ vững</b> -----	1355
<b>Phẩm 47. Phước huệ mới được nghe</b> -----	1373
<b>Phẩm 48. Nghe kinh được lợi ích</b> -----	1389
<b>Lời sau cùng</b> -----	1404
<b>PHỤ LỤC 1:</b> -----	1408
<b>PHỤ LỤC 2:</b> -----	1412
<b>Lược Sử Ngài U Khê</b> -----	1417
<b>MƯỜI ĐIỀU TÂM NIỆM</b> -----	1422

## Đôi lời bày tỏ

*Trong ba bộ kinh căn bản của Tịnh tông, kinh Vô Lượng Thọ giảng chi tiết nhất về nhân địa, quả đức của đấng giáo chủ cõi Cực Lạc cũng như giảng rõ về bốn mươi tám nguyện vĩ đại của đấng Đại Từ Bi Phụ, cực lực xiển dương pháp môn trì danh Niệm Phật. Theo cư sĩ Hồng Nhơn, kinh này được chú giải rất nhiều, nhưng hoặc là vì những bản chú giải kinh này chưa hề được dịch ra tiếng Việt, hoặc rất có thể là do kiến văn quá hủ lậu, nên mặt nhân chưa hề được đọc những bản dịch ấy.*

*Từ lúc mới bắt đầu tập tễnh theo đòi Tịnh nghiệp, mặt nhân vẫn mong mỗi sẽ được đọc một bản chú giải thật tường tận về kinh Vô Lượng Thọ như các tác phẩm A Di Đà Kinh Yếu Giải và A Di Đà Kinh Sớ Sao, nhưng niềm mơ ước ấy tưởng chừng như không bao giờ trở thành hiện thực.*

*Cho đến khi hội Trung Hoa Điện Tử Phật Đảnh (CBETA) đăng tải các kinh văn trong Đại Tạng trên Internet, mặt nhân đã háo hức tìm đọc các bản chú giải Đại kinh trong Đại Tạng. Tiếc thay, trong Đại Tạng, trước sau chỉ có bốn bản chú giải kinh này, nhưng nặng về tính cách giải thích kinh theo kiểu khoa chú và có những phần mặt*

*nhân mong mỗi được chư tổ giảng rộng thêm thì lại chỉ giảng lược qua. Chẳng hạn, bản Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ của ngài Tịnh Ảnh Huệ Viên chỉ phân loại 48 nguyện của Phật Di Đà và chỉ giảng sơ về một hai nguyện được coi là chính yếu. Có những đoạn kinh vẫn chỉ nêu đại ý và giảng lướt qua, không chú trọng đến phân tích tỉ mỉ ý nghĩa từng câu như cách chư Tổ Liên Trì, Linh Phong đã giảng kinh Di Đà.*

*Tính đến nay, những bản chú giải của các vị khác như Huệ Cảnh, Bành Tế Thanh, Thích Đạo Ân, mặt nhân vẫn chưa hề có phước duyên được đọc. Tác phẩm Kinh Vô Lượng Thọ Giảng Yếu do cư sĩ Hồng Nhơn dịch tuy đã tổng hợp được những ý kiến chú giải của các vị cổ đức, nhưng vẫn chỉ chú trọng đến ý chính của từng đoạn kinh; phần trọng yếu của kinh Vô Lượng Thọ là bốn mươi tám nguyện của đấng Từ Phụ lại chỉ trích dẫn chánh kinh, không giảng gì cả. Bởi thế, mặt nhân vẫn cứ ao ước sẽ được đọc một tác phẩm chú giải kinh Vô Lượng Thọ thật chi tiết, thật tường tận.*

*Mãi đến cuối năm 1995, nhờ chút phước thừa, mặt nhân đọc được bản chú giải kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ do Hoa Tạng Phật Giáo Đồ Thư Quán ấn hành với tựa đề: Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm*



*Thanh Tịnh Bình Đăng Giác Kinh Giải. Dĩ nhiên, xét về mọi mặt, tác phẩm này không thể nào sánh kịp với hai bản chú giải trên quý Di Đà Yếu Giải và Di Đà Số Sao của cổ đức, nhưng so với những bản chú giải kinh Vô Lượng Thọ trong Đại Tạng; bản chú giải của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ rất tỉ mỉ, tổng hợp nhiều lời giải thích của chư tôn cổ đức Trung Hoa, Nhật Bản.*

*Hoàng lão cư sĩ cũng khéo trích dẫn những đoạn kinh luận khiến cho người đọc hiểu được tường tận kinh Vô Lượng Thọ. Với mỗi lời nguyện, Hoàng cư sĩ đều chú giải tỉ mỉ nguyên do. Đến phần nói về chánh báo, y báo trang nghiêm Cực Lạc, Hoàng cư sĩ giảng tỉ mỉ những thứ trang nghiêm ấy do từng bốn nguyện nào kết thành.*

*Điểm đặc biệt hơn nữa là Hoàng cư sĩ đã khéo dung hội những quan điểm khác nhau của Thiên, Tịnh, Mật khiến cho người đọc thấy rõ pháp vị dung thông, nhất như giữa các pháp môn, làm nổi bật bản hoài vĩ đại của chư Phật: khai, thị ngộ nhập tri kiến Phật cho chúng sanh. Ngoài ra, đối với những từ ngữ Phật học chuyên biệt được dùng trong bản kinh này, Hoàng lão cư sĩ cũng chẳng tiếc công chú giải tường tận. Vì lẽ ấy, trong lời giới thiệu, Hòa Thượng Tịnh Không đã nhiệt liệt ca ngợi công trình tâm huyết này của Hoàng lão cư sĩ.*

*Được đọc một tác phẩm giá trị như thế, mặt nhân thường cầu nguyện bản chú giải sẽ được một vị thạc đức quảng văn phiên dịch sang Việt ngữ. Nhưng chờ mãi năm này qua tháng khác, quang âm mòn mỏi vẫn không thấy bản chú giải này được ai phiên dịch. Vì lòng tiếc pháp, tham pháp và với tâm niệm chia sẻ pháp lạc cùng các liên hữu đồng tu Tịnh Độ, mặt nhân đã đánh liều chuyển ngữ tác phẩm này sang tiếng Việt dù trình độ thế học lẫn đạo học hết sức kém cỏi. Mặt nhân chỉ hy vọng việc làm liều lĩnh của mình sẽ khiến cho những bậc thức giả chú ý đến tác phẩm giá trị này và sẽ bỏ công chỉ điểm, hoàn chỉnh bản dịch này hoặc dịch lại hoàn toàn.*

*Do trình độ Hán văn quá kém cỏi cũng như hiểu biết về thế học lẫn Phật học quá hạn hẹp, bản dịch nháp này không tránh khỏi những sai lầm, thiếu sót. Ngưỡng mong chư tôn đức, thức giả thương xót chỉ dạy và phủ chính cho.*

*Nếu như việc làm liều lĩnh này có đem lại chút lợi lạc nào cho các vị đồng tu Tịnh nghiệp thì trên là xin đem công đức ấy hồi hướng đến bốn sư Thượng Tọa <sup>thượng</sup> Giải <sup>hạ</sup> Thắng, tọa chủ chùa Bửu Quang, Sài Gòn và các vị ân sư hoàng truyền Tịnh tông: cố Hòa Thượng <sup>thượng</sup> Thiên <sup>hạ</sup> Tâm, Đại Lão Hòa Thượng <sup>thượng</sup> Trí <sup>hạ</sup> Tịnh, Đại Lão Hòa*

*Thượng* <sup>thượng</sup> *Tịnh* <sup>hạ</sup> *Không*, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cùng các liên hữu thuộc Tịnh Tông Học Hội Đài Loan đã phát tâm ấn thí tác phẩm vô giá này khiến cho mặt nhân có cơ duyên được đọc; dưới thì xin phổ nguyện pháp giới chúng sanh đều được vãng sanh Cực Lạc, viên thành chánh quả.

Xin chân thành cảm tạ các vị đạo hữu Từ Hy, Huệ Trang, Không Châu, Tâm Từ đã nhiều lần khuyến khích, sách tấn mặt nhân cố gắng hoàn thành việc chuyển ngữ. Trân trọng cảm tạ các đạo hữu Minh Lập, Huệ Trang, Vạn Từ và Minh Tiến đã bỏ công duyệt bản thảo tỉ mỉ và góp ý sửa chữa. Đạo hữu Vạn Từ còn bỏ công tra cứu các tài liệu để tìm ra niên đại của các dịch giả năm bản dịch kinh Vô Lượng Thọ cũng như lược sử ngài U Khê (tác giả cuốn Viên Trung Sao thường được Hoàng lão cư sĩ nhắc tới nhiều lần trong bản chú giải này) Chân thành cảm ơn đạo hữu Minh Tiến đã dành rất nhiều thời gian layout và chủ trọng yếu việc ấn hành. Nguyện hồng ân Tam Bảo thường gia hộ cho các vị thiện tri thức trên thân tâm luôn an lạc, đạo hạnh tăng tấn, một hậu cùng được hội ngộ chốn Liên Đài.

Mùa An Cư năm 2002, Bửu Quang tự đệ tử  
Như Hòa kính ghi

## Lời Giới Thiệu

Hòa Thượng Thích Tịnh Không

Mùa Thu năm Bính Dần, tôi thường qua lại cả hai miền Đông Tây nước Mỹ hoằng pháp, viếng thăm cả mười thành phố lớn. Trong số kiêu bào, có không ít vị tin tưởng vào cõi Tịnh Độ của Phật Di Đà, phát nguyện tu hành đúng như kinh giáo. Tôi mừng vui vô lượng, biết họ thiện căn phước đức thật chẳng thể tính kể. Viếng thành phố Lạc Sơn (Los Angeles), gặp anh em nhà họ Hoắc thưa: ‘Nhân mừng thọ bát tuần của cha con, chúng con muốn in kinh để chúc thọ có được không?’

Tôi đáp: ‘Thật là thuần hiếu. Việc lành ấy hơn cả việc tu tập thân hữu chúc tụng, nâng chén chúc thọ nữa; vì đem Thọ kinh này trao cho mọi người thì sẽ được hưởng vô lượng thọ’. Tôi lại bảo: ‘Mùa Xuân năm nay, Tuyết sư (cư sĩ Lý Bình Nam, thầy của Hòa Thượng Tịnh Không) quy Tây, tôi muốn báo ân pháp nhũ của thầy, tính giảng bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của Đại Sĩ Hạ Liên Cư. Thầy tôi trước đây hay giảng kinh này ở Đài Trung, từng đích thân ghi chú trên lề sách, duyệt kỹ lời đề tựa

của hai vị Mai, Hoàng (Mai Quang Hy và Hoàng Niệm Tổ) cũng như lời bạt của cụ Niệm Tổ; nồng nhiệt khen hay. Thầy bảo mười bốn khoản ca ngợi kinh Vô Lượng Thọ trong bài Hợp Tán đã nêu trọn bản hoài của chư Phật, đích thật là cả một tấm lòng tha thiết. Mở sách ra đọc, buồn vui lẫn lộn!’

Anh em họ Hoắc phát tâm xin ấn tống hai ngàn bộ, tôi lãnh ấn tống tám ngàn bộ, lại hứa sẽ tận lực tuyên dương nhằm kết thắng duyên khiến muôn người sanh Tây.

Giữa Xuân năm Đinh Mão, kinh Vô Lượng Thọ in xong, thí khắp trong ngoài nước, lưu truyền rộng rãi. Chỉ nguyện Phật thanh rền vang khắp tam thiên đại thiên thế giới, chín phẩm sen gieo khắp biển khổ. Đầu tháng Tư, hội Phật Giáo Hoa Thịnh Đốn thành lập, các liên hữu suy cử tôi làm Hội Trưởng, xin giảng đại ý kinh Vô Lượng Thọ. Những vị đồng tu từ Hoa Tạng Tinh xá đến báo họ đã lễ thỉnh cụ Hoàng Niệm Tổ sang Mỹ hoàng pháp, tôi khen ngợi: ‘Cụ Hoàng là truyền nhân của Liên Đại Sĩ (cụ Hạ Liên Cư). Cõi này may mắn sao cảm được điềm lành ứng hiện, thật sung sướng quá!’.

Tôi lại dặn dò đại chúng phải khéo thờ kính pháp sư, phải trân quý thắng duyên hy hữu này. Tháng Tám, trong khóa tu học Hạ Linh Doanh tại chùa Trang Nghiêm ở Nữ Ước, tôi giảng Phổ

Hiền Nguyện Vương. Đến ngày mãn khóa, tôi qua Hoa Thịnh Đốn rồi trở về Đạt Lạp Tư (Dallas). Tháng Chín bay về Đài Bắc giảng Đại kinh. Trước khi lên đường, tôi được cụ Hoàng trao cho một bộ sách lớn. Mở ra xem, đây chính là bản chú giải kinh Vô Lượng Thọ, ắt cụ đã phải tốn công nhọc sức nhiều lắm mới hoàn thành nổi. Dem về đọc liền một mạch.

Đọc xong, xếp sách thờ dài tụt như:

‘Nay là thời chánh pháp suy vi rồi; thiếu người đề xướng, hội bản của cụ Hạ Liên Cư tuy đã lưu hành nhưng vẫn chưa đủ, còn nhiều người chưa được thấy nghe. Tôi đã mấy phen xướng xuất ấn hành nhưng vẫn chưa có đủ để mỗi người được có một cuốn.

Huống hồ là kẻ giảng kinh này đã ít, người chú giải kinh này càng ít! Thường chỉ thấy lưu hành những bản như Tiên Chú của cư sĩ Đinh Phước Bảo, Nghĩa Sớ của ngài Cát Tạng đời Đường, Nghĩa Sớ của ngài Huệ Viễn đời Tùy mà thôi. So trong ba bản trên, bản của ngài Huệ Viễn minh bạch, tường tận nhất. Tiếc là vẫn từ gián ước khiến cho người thời nay khó lòng nghiên cứu, học hỏi.

Từ trước, tôi từng nghĩ bản kinh bậc nhất trọng yếu hy hữu này thật là lời giảng xứng tánh đến cùng cực của Như Lai, là pháp thức hóa độ sẵn có của chúng sanh, là liễu nghĩa Nhất Thừa, là tổng trì môn của vạn hạnh, là cương lĩnh của mọi kinh Tịnh Độ, là chỗ quy hướng của giáo pháp toàn bộ Đại Tạng, là đại kinh căn bản của ba kinh Tịnh Độ. Mãi vẫn chưa thấy có bậc hiền đức đương thời chú giải, thường ăn năn, tiếc nuôi thời gian dần trôi, nào ngờ ngày nay có được bản Chú Giải này, thật là điềm chánh pháp lại được hưng khởi đầy ư, là do phước đức nhân duyên của chúng sanh cảm thành đầy chãng!”

Đọc lại lượt nữa, càng thấy lời chú giải kinh tường tận, tỉ mỉ, giảng nghĩa tinh yếu, xác đáng, dẫn chứng rộng rãi. Lời văn thành thực khuyên lơn hành nhân phải coi việc sắm sửa tư lương Tịnh nghiệp là nhiệm vụ cấp bách, đã cảm động người đọc sâu xa.

Ôi chao! Pháp môn Tịnh Độ cực khó tin mà cực dễ hành, thật khó giảng rõ nghĩa kinh. Nay đã có được bản hội tập kinh như thế, lại có bản chú giải kinh như thế thì thật là đã sẵn phương tiện hỗ trợ làm sáng tỏ nghĩa kinh. Việc hoằng giảng tuyên dương càng dễ dàng hơn!

Tôi nay tuổi đã hoa giáp (sáu mươi), tin tưởng sâu xa pháp môn Tịnh Độ là pháp môn độ sanh,

thành Phật bậc nhất của hết thầy chư Phật. Kẻ có chí hướng Đại Thừa ắt phải đọc, người phổ độ hữu tình phải hoằng truyền bản kinh này, phải phát nguyện đến tột đời vị lai đọc tụng, khuyên lơn, sách tấn vầy. Bởi thế, tôi sốt sắng nhận trách nhiệm lưu thông, xin ấn hành mười ngàn bộ. Nhận trách nhiệm xướng xuất, tha thiết nguyện cầu thực hiện bốn nguyện của cụ Niệm Tổ: các nơi nghe tiếng đua theo, kẻ in vô lượng, người đọc vô lượng, người phát tâm được hưởng lợi ích cũng vô lượng, thí trọn pháp giới để vãn hồi kiếp vắn.

Trong lời bạt, cụ Niệm Tổ có nói:

“Kinh này in thêm một bộ, người trì tụng tăng thêm một người thì giảm thiểu được một phần nghiệp lực, vãn hồi được một phần kiếp vắn thế gian.

Ngưỡng mong những bậc trưởng đức hoằng pháp, bậc hiền đức hàng lo âu cho đời sẽ hợp lực đề xướng, phổ biến, tuyên truyền khiến cho bộ kinh chiếu chơn đạt tục, sự lý viên dung này, bộ bảo điển gồm thâm phạm thánh, tánh đức tu đức bất nhị này được quang minh rạng rỡ, khiến cho Phật nhật luôn rạng ngời, tai họa dần tiêu tan, hỗ trợ kỳ cương đạo đức. Thật là vị tướng vĩ đại có hiệu lực chẳng thể thí dụ nổi!



Trong những kẻ sách bình trị từ cội gốc không chi hay hơn nổi kinh này, trong những yếu quyết cứu đời cũng không chi vượt nổi kinh này. Các vị tuổi tác, thạc đức trọng vọng đều cùng nhận xét như thế, xin chớ xem thường vậy!”

Hay sao lời nhận xét ấy! Thật là chẳng thể nghĩ bàn. Những người góp sức biên tập, hiệu đính bản chú giải này gồm các vị: Giản Phong Văn, Diêm Thụy Nhan, Nguyễn Quý Lương, Lý Diễm Trung, Trịnh Quang Huệ v.v... sau khi hiệu đính hoàn tất bản chú giải đã lãnh hội sâu xa những điều khai thị trong bản Chú Giải. Ai nấy đều phát đại tâm, nguyện suốt cuộc đời chuyên tâm hoằng truyền.

Các vị Giản, Diêm v.v... đều đã tốt nghiệp đại học, tin tưởng mình có duyên thù thắng đối với bản chú giải này nên xin tôi dạy kinh này và học thêm các kinh luận Tịnh Độ khác để tư lương tu tập càng được thêm rộng lớn. Tôi khen ngợi chẳng cùng, chẳng dám nài có học vấn thô lậu để từ khước lời thỉnh cầu.

Nguyện những vị đồng tu tâm đồng Phật, nguyện giống như Phật, hiểu biết giống như Phật, hạnh giống như Phật, đều được chư Phật hộ niệm, được hết thấy Bồ Tát ủng hộ, đều đắc thượng phẩm thượng sanh thì mới chẳng cô phụ nỗi khổ tâm hội

tập, chú giải của hai vị Đại Sĩ Hạ Liên Cư và Hoàng Niệm Tổ.

Cụ Hoàng chẳng nề hà sức học tôi kém cỏi, bảo viết lời tựa, vì nghĩa chẳng dám chối từ, đành xin thuật lại nhân duyên thù thắng để thừa chuyển cùng các thiện tín mà thôi.

**Ngày Chư Phật Hoan Hỷ (Vu Lan) năm  
Mậu Thìn (1988)**

**Tịnh nghiệp học nhân Thích Tịnh Không  
kính ghi tại Hội Phật Giáo Hoa Thịnh Đốn**

## Lời nói đầu

Pháp môn Tịnh độ là Nhất Thừa liễu nghĩa, vạn thiện đồng quy, thích ứng khắp ba căn, thâm trọn phạm thánh, thoát khỏi ba cõi theo chiều ngang (hoành siêu tam giới), nhanh chóng bước lên bốn cõi Tịnh Độ, cực viên, cực đốn, là pháp môn vi diệu chẳng thể nghĩ bàn. Kinh Vô Lượng Thọ là kinh lãnh đạo trọng yếu của các kinh Tịnh Độ. Các bậc đại đức trong Tịnh tông thường gọi là kinh này là kinh Tịnh Độ bậc nhất.

Quyển Phật thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh là do thầy tôi: lão cư sĩ Hạ Liên Cư, hội tập năm bản dịch gốc đời Hán, Ngụy, Ngô, Đường, Tống của kinh Vô Lượng Thọ, chọn hết điểm tinh yếu, thâm trọn các điểm mâu nhiệm soạn thành kinh này, hiện đang được công nhận là bản kinh Vô Lượng Thọ hoàn thiện nhất.

Kinh Vô Lượng Thọ là cương yếu của Tịnh tông. Cư sĩ Bàn Thiệu Thăng đời Thanh khen rằng: *“Kinh Vô Lượng Thọ là Viên giáo xứng tánh của Như Lai, là cách thức hóa độ chúng sanh về cái họ vốn sẵn có”*.

Thầy Thích Đạo Ân người Nhật cũng khen kinh này như sau: *‘Chánh thuyết của đức Như Lai*

*xuất thế, kinh điển màu nhiệm kỳ đặc tối thắng, lời giảng cùng cực về Nhất Thừa cứu cánh, lời vàng khiến chóng chứng viên dung, lời thành thật của mười phương Như Lai, là giáo pháp chọn thật dành cho kẻ mà thời tiết, căn cơ đã chín muồi’.*

Cậu tôi là lão cư sĩ Mai Quang Hy cũng ngợi khen: ‘*Kinh Vô Lượng Thọ là lời giảng xứng tánh đến cùng cực của Như Lai, là cách thức giáo hóa chúng sanh về cái họ sẵn có, là Nhất Thừa liễu nghĩa, là pháp môn tổng hợp vạn thiện, là cương yếu của hơn trăm mấy mươi kinh Tịnh Độ, là chỉ quy của cả Đại Tạng giáo’.*

Các bậc hiền đức đã nồng nhiệt khen ngợi kinh này như trên là vì pháp môn Trì Danh Niệm Phật rất viên mãn, thẳng chóng, là phương tiện rất ráo nhất siêu trực nhập, viên đốn cùng cực. Dùng biển nguyện Nhất Thừa của đức Di Đà, sáu chữ hồng danh của quả giác rất ráo để làm cái tâm phát khởi cầu thành Phật quả cho bọn chúng sanh ta. Dùng quả làm nhân: nhân quả đồng thời, từ quả khởi tu, nên tu cũng chính là quả. Tâm tu cầu thành Phật chính là cái tâm thành Phật chẳng thể nghĩ bàn. Vì vậy, sách Di Đà Yếu Giải viết:

*“Một câu A Di Đà Phật chính là pháp để đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của đức Bổn Sư Thích Ca trong đời ác ngũ trược, nay đem toàn*

*thể Quả Giác này trao cho chúng sanh trước ác. Đó là cảnh giới sở hành của chư Phật, chỉ Phật với Phật mới hiểu cùng tận nỗi, chẳng phải là điều cứu giới dùng tự lực tin hiểu được nỗi”.*

Lại viết: “*Đem pháp giới thể làm thành thân và cõi của Phật Di Đà. Cũng do chính toàn bộ cái thể ấy làm thành danh hiệu Di Đà. Vì vậy, danh hiệu Di Đà chính là bốn giác lý tánh của chúng sanh’.*

Đủ thấy rằng: kinh này thật là lời giảng xứng tánh đến cùng cực của đấng đại từ bi phụ Như Lai Thế Tôn, là kho tàng bí mật của chư Phật đem phơi bày trọn vẹn ra hết. Và lại, pháp môn Niệm Phật đây cũng chính là cách thức để giáo hóa chúng sanh về cái họ vốn sẵn có. Đúng như sách Yếu Giải đã nói, một câu Phật hiệu này chính là bốn giác lý tánh của chúng sanh. Nên biết: Cái tâm niệm Phật ngay hiện tại của ta chính là Quả Giác của Như Lai. Do đó, Quán kinh dạy: ‘*Tâm này là Phật*’. Tâm này trì danh thì chính là ‘*tâm này làm Phật*’. Vốn **đã** là Phật, nay lại **làm** Phật. Vì vậy, ngay lập tức **là** Phật: thẳng chóng thỏa đáng, phương tiện rất ráo, kỳ đặc, thù thắng chẳng thể nghĩ bàn.

Hơn nữa, trong các kinh Tịnh Độ, chỉ có kinh này có đủ trọn vẹn cả Viên lãn Diệu: Dùng “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*” làm tông, lấy đại nguyện mười niệm ắt vãng sanh của Phật Di Đà

làm gốc, giảng tỉ mỉ chánh nhân vãng sanh của ba bậc, bao trọn khắp các loài thánh phàm trong chín giới, dạy rõ pháp Trì Danh Niệm Phật, trực chỉ con đường vãng sanh quy nguyên. Vì vậy, kinh này được xem là kinh bậc nhất của Tịnh Tông.

Khổ nổi, kinh điển quý báu thù thắng bậc nhất của Tịnh tông này lại bị chìm lấp trong Đại Tạng Trung Hoa đến hơn ngàn năm.

Xét đến nguyên nhân, cũng bởi kinh này có đến năm bản dịch gốc: các bản dịch hoặc rộng hoặc lược sai biệt khá lớn. Nêu một ví dụ: về đại nguyện của đức Di Đà, trong hai bản dịch Đường, Ngụy có bốn mươi tám nguyện, nhưng hai bản dịch đời Ngô, Hán chỉ có hăm bốn, bản dịch đời Tống lại là băm sáu nguyện. Điều này khiến cho kẻ sơ tâm học Phật nếu chuyên trì một bản dịch thì khó bề hiểu rõ ý chỉ sâu xa. Nếu đọc đủ cả năm bản lại càng gian nan. Vì vậy, đa số bỏ kinh này, dồn sức vào nghiên cứu kinh A Di Đà.

Đầu đời Thanh, cư sĩ Bành Thiệu Thăng nói: *‘Kinh này ít được xiển dương thì thật do chúng ta thiếu cội lành’*. Thật đúng như vậy! Thế nên, các đại cư sĩ: Vương Nhật Hưu đời Tống, Bành Thiệu Thăng, Ngụy Thừa Quán đời Thanh đều vì hoằng dương kinh này mà mỗi vị trước sau soạn ra hội bản và tiết bản<sup>(1)</sup>

Cư sĩ Vương Nhật Hưu đòi Tống từng viết cuốn Long Thư Tịnh Độ Văn được bốn biển khen ngợi, truyền tụng tới nay. Ông Vương khi lâm chung đứng ngay ngắn vãng sanh, đủ chứng minh cư sĩ thật là bậc hạnh giải đều ưu việt, là bậc tại gia đại đức thù thắng hy hữu của Tịnh Tông Trung Hoa.

Ông Vương tiếc nuôi bảo điền bị bụi phủ, bèn hội tập bốn bản dịch các đời Hán, Ngụy, Ngô, Tống của kinh Vô Lượng Thọ, soạn thành một bản, đặt tên là Đại A Di Đà kinh. Bản của ông Vương ra đời được cả nước khen là tiện lợi, được các tông lâm lấy làm khóa bản (2), lưu truyền phổ biến còn hơn cả bản dịch gốc. Cần Long Đại Tạng Kinh của Trung Hoa và Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng của Nhật đều thu nhập bản hội tập của Vương vào Đại Tạng.

Liên Trì đại sư nói: *‘Bản hội tập của ông Vương so sánh với năm bản dịch thì giản dị, rõ ràng, hiện đang phổ biến, lợi ích rất lớn’*. Lại nói: *‘Do bốn của họ Vương phổ biến trong đời, người ta quen xem’*. Vì thế, trong tác phẩm Di Đà Sớ Sao, mỗi khi dẫn chứng kinh Vô Lượng Thọ, đa phần ngài trích dẫn từ bản của ông Vương. Cận đại, Ân Quang đại sư khi viết lời tựa cho lần in lại bản Viên Trung Sao, cũng khen bản của ông Vương là: *‘Văn nghĩa tường tận, lưu thông khắp nơi’*.

Bản hội tập của ông Vương tuy có công rất lớn đối với Tịnh tông, nhưng có quá nhiều điểm sai sót. Ngọc trắng có vết, hiền giả xót xa. Liên Trì đại sư chê rằng: “Sao phần trước, viết thêm phần sau”, ‘Phần lấy, phần bỏ chưa trọn vẹn’. Bành Thiệu Thặng cư sĩ chê là: ‘Lộn xộn, trái nghịch nhau, chẳng phù hợp với ý chỉ viên dung’. Bút giả nay dựa theo lời phê của các bậc cổ đức, trộm nêu ra ba khuyết điểm của ông Vương:

- Một, bản hội tập của ông Vương chỉ dựa theo bốn bản, chưa dùng bản dịch đời Đường. Bản dịch đời Đường mang tên Vô Lượng Thọ Như Lai Hội trích từ kinh Đại Bảo Tích do đại sư Bồ Đề Lưu Chí dịch, lời văn có nhiều điểm áo diệu, tinh yếu mà các bản dịch khác không có.

- Hai, phần lấy, phần bỏ chưa trọn vẹn: chọn phần rườm rà, bỏ phần trọng yếu, biến sâu thành cạn. Chẳng hạn như, Liên Trì đại sư quả rằng: ‘Như ba bậc vãng sanh, bản dịch đời Ngụy đều nói là phát Bồ Đề tâm, mà bản họ Vương chỉ nói là bậc trung phát Bồ Đề tâm. Bậc hạ bảo chẳng phát, bậc thượng lại chẳng nói, thành ra cao thấp chẳng thứ tự. Vì vậy, bảo là chưa trọn vẹn’. Do câu trên, thấy rằng ‘bậc thượng chẳng nói’ là bỏ chỗ trọng yếu, ‘bậc hạ lại nói chẳng phát’ chính là biến sâu thành



cạn. Vì vậy, Liên Trì đại sư cùng ông Bành quở trách.

- Ba, tự ý thêm văn, nghiêm nhiên tự sáng tác. Họ Vương hay dùng lời văn mình sáng tác ra để diễn thuật nghĩa của bản dịch gốc. Vì vậy, Liên Trì đại sư quở rằng: “*Sao phần trước, thêm phần sau, chưa theo đúng phép dịch thuật*”. Ngài trách ông Vương sao dẫn kinh văn nơi phần trước, rồi tiếp đó, chép thêm lời văn ông tự soạn. Nếu đã là hội tập, cần phải dựa theo bản dịch gốc, muôn phần chẳng được dùng câu nào ngoài bản dịch gốc. Vì ông tự tiện thêm câu văn nên Tổ trách họ Vương ‘*chưa theo đúng phép dịch thuật*’. Thấy được những khuyết điểm trên của họ Vương không có nghĩa là chẳng nên hội tập, mà chỉ để thấy rằng hội bản của ông ta có nhiều tí vết.

Cư sĩ Bành Thiệu Thăng cảm khái trước lỗi lầm của hội bản họ Vương, bèn dùng bản dịch đời Ngụy chia thành từng mục, tạo thành bản kinh Vô Lượng Thọ thứ bảy, nhưng bản này chỉ là tiết bản của bản dịch đời Ngụy.

Vì thế, cuối đời Thanh, cư sĩ Ngụy Thừa Quán (tự là Mặc Thâm) nhằm cứu văn khuyết điểm của ông Long Thư (hiệu của ông Vương Nhật Hưu) bèn dùng cả năm bản dịch gốc hội tập thành một bản. Ban đầu đặt tên là kinh Vô Lượng Thọ, sau ông Chánh Định Vương Canh Tâm đổi thành Ma

Ha A Di Đà kinh. Lời văn bản hội tập của ông Ngụy giản dị, trong sáng, chọn lọc, thích đáng, vượt xa bản họ Vương, nhưng vẫn vướng căn bệnh thêm văn chưa hoàn toàn dứt hết được. Do đó, bản của họ Ngụy cũng chưa tận thiện.

Tiên sư là cư sĩ Hạ Liên Cư: bi, trí cùng đủ, thông suốt cả Tông lẫn Giáo, viên dung Hiền, Mật, Thiên, Tịnh nhất tâm, chuyên hoằng dương trì danh niệm Phật nhiếp vạn đức. Do hoằng dương Tịnh tông nên ngài mong mỗi bản kinh đệ nhất của Tịnh Tông này sẽ được vệt bụi tỏa sáng, nguyện ước bản kinh vô thượng này nhiều ích đời sau, bèn kế tục tiền hiền, tiến hành hội tập lần nữa, vứt bỏ vạn duyên đóng cửa ba năm, tịnh đàn kết giới, lắng tâm tồn chí, sửa bản thảo mười lần mới hoàn tất.

Đầu tiên, được vị lão pháp sư thấu triệt cả Tông lẫn Giáo là Huệ Minh, tay cầm hội bản chụp hình trước Phật điện để chứng minh. Kế đó, vị đại đức trong Luật tông là Từ Hàng lão pháp sư chuyên giảng kinh này ở Tế Nam, đích thân phân khoa, giảng giải. Cậu tôi là Mai lão cư sĩ cũng giảng kinh này trên đài phát thanh trung ương, khen là hội bản tốt nhất. Sau đây, trong phần lời tựa của kinh, ông còn viết:

*‘Tinh đáng, minh xác, hiển nhiên có căn cứ.  
Không một nghĩa nào chẳng lấy từ bản dịch gốc.*

*Không một câu nào vượt ngoài bản gốc. Làm rõ ràng những chỗ khó khăn, thô tháp, tối nghĩa. Với chỗ phiền phức rườm rà làm cho đơn giản gọn gàng. Chỗ lộn xộn, lồi thoi biến thành nghiêm chỉnh. Chỗ thiếu sót làm cho viên dung. Chỗ tốt đẹp đều được đầy đủ, không sự thực nào chẳng được thấu lấy trọn vẹn. Tuy muốn chê là bản chẳng hay cũng vô phương’.*

Vì vậy, từ khi hội bản của tiên sư ra đời đến nay, chẳng có chân mà đi khắp chốn. Các bậc tôn túc Phật giáo cho rằng hội bản này: văn giản dị, nghĩa phong phú, câu cú lưu loát, nghĩa lý viên dung, nên nó được giảng thuyết, tán dương, lưu truyền cả trong nước lẫn hải ngoại. Người thấy kẻ nghe hoan hỉ tín thọ, trì tụng, ấn hành liên tục chẳng dứt.

Gần đây, hội bản này được giới học Phật hải ngoại đưa vào Tục Tạng trong lần ấn hành mới nhất. Mừng được thấy quang minh của Đại kinh thường chiếu thế gian, cái nguyện thù thắng hội tập của tiên hiền may đã viên thành. Bản kinh Vô Lượng Thọ hoàn thiện nhất nay đã hiện diện, ấy thật là đại sự nhân duyên hy hữu khó gặp vậy.

Niệm Tổ tôi là phàm phu đầy dẫy phiền não, trót được tiên sư giao phó đại sự chú giải hoàng dương kinh này. Tôi tuy trước đã phát đại tâm, nhưng chướng sâu huệ cạn, phải vâng lãnh sứ mạng

nặng nề này thật hoảng hốt tội bực! May được từng theo học dưới giảng tòa của thầy, đích thân nghe toàn bộ kinh này. Trong hai mươi năm hầu hạ, từng được nghe điểm huyền áo của các tông Thiên, Tịnh, Mật, hiểu thô thiển thâm tâm hội tập Đại kinh của tiên sư. Đầu thập niên sáu mươi, từng thử viết đề cương huyền nghĩa kinh này, trình lên thầy duyệt, may được ân khả, nhưng trong cơn kiếp nạn cách mạng Văn Hóa, bản thảo ấy bị hủy mất chẳng còn chút gì.

Tôi giờ đây tuổi đã ngoài bảy mươi, lại lắm bệnh cũ, then chưa báo ơn sâu, sợ vô thường chợt đến, nên gắng gượng tẩm thân già bệnh, kế tục hoảng thê truyền đăng, đem thân tâm này cúng dường Tam Bảo, đóng cửa tạ khách, toàn lực chú giải kinh, mong báo một trong muôn phần ân sâu của tiên sư cùng mười phương tam thế thượng sư Tam Bảo cùng pháp giới chúng sanh.

Thêm nữa, kinh này thù thắng ở chỗ khế lý, khế cơ. Lý là thật tế lý thể, cũng tức là Chơn Như Thật Tướng, bản tế chơn thật. Khế lý là vì kinh này vốn trụ nơi chơn thật huệ để khai hóa hiển thị chơn thật tế cùng ban cái lợi chơn thật, thuần nhất chơn thật. Kinh này còn được xưng tụng là Trung Bản Hoa Nghiêm kinh: hết thấy sự lý được giảng trong kinh này đều là nhất chơn pháp giới sự lý vô ngại,

sự sự vô ngại của kinh Hoa Nghiêm. Lý thể bí mật, sâu thẳm của kinh Hoa Nghiêm hiện diện trong kinh này nên nói là khế lý.

Về khế cơ, chỉ riêng mình kinh này là thù thắng. Pháp môn Trì Danh của kinh này thích hợp khắp cả ba căn, thâm trọn phạm thánh. Kẻ thượng thượng căn thật rất thích hợp gánh vác toàn thể kinh này, kẻ hạ hạ căn cũng có thể do kinh này đắc độ. Trên thì như Pháp Thân Đại Sĩ: Văn Thù, Phổ Hiền cũng đều phát nguyện vãng sanh. Dưới đến ngũ nghịch, thập ác lâm chung niệm Phật cũng đều tùy nguyện vãng sanh. Vượt ngang khỏi ba cõi, chứng trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ, chóng sát cánh cùng Quán Âm, Thế Chí, mới thấy phương tiện rất ráo của pháp môn này thật thích ứng khắp mọi căn cơ.

Hơn nữa, Khế Cơ còn có nghĩa là khéo khế hợp với căn cơ, thời đại. Như Lai rử lòng từ riêng lưu lại kinh này một trăm năm nữa sau khi các kinh khác diệt hết, đúng là ngụ ý: kinh này phù hợp xã hội hiện tại và tương lai.

Hiện tại, khoa học phát triển, nhân loại càng cần phải có đầy đủ tri thức rộng rãi. Xã hội tiến bộ, trách nhiệm mỗi người phải gánh vác càng tăng thêm. Vì vậy, ai nấy đều phải học rộng, đa năng, cúc cung tận tụy tham gia kiến thiết, tạo phước cho nhân dân, thực hiện nhân gian Tịnh Độ. Cận đại,

đại sư Thái Hư đề xướng nhân gian Tịnh Độ, từng dẫn chứng kinh Vô Lượng Thọ. Ấy là bởi kinh này soi chiếu cả pháp thế gian lẫn xuất thế gian, dạy rõ hai đế: Chơn, Tục.

Điểm mấu nhiệm của Tịnh tông là **‘chẳng lia Phật pháp mà hành thế pháp, chẳng bỏ thế pháp mà chứng Phật pháp’**. Bởi pháp Trì Danh thật là tiện lợi, tu chỗ nào cũng được, nào phải ẩn cư rừng núi, lúc nào cũng niệm được, chẳng phiền bề quan, ngôi yên, chỉ cần phát khởi cái tâm rộng lớn, một bề chuyên niệm, chí ít mười niệm, một niệm cũng được vãng sanh, chẳng trở ngại công việc thế gian, vẫn như cũ mà chóng thoát sanh tử. Lại có thể tự giác, giác tha, rộng độ chúng sanh đời vị lai. Đây cũng là ta, người cùng lợi, tạo phước cho xã hội ngay trong hiện tại.

Vì vậy, kinh dạy: *‘Đời tương lai kinh đạo diệt hết, ta do từ bi xót thương, riêng lưu lại kinh này tồn tại trăm năm. Nếu có chúng sanh gặp được kinh này, tùy lòng mong cầu đều đắc độ’*.

Rõ ràng kinh này phù hợp tình huống thực tế của xã hội, chiếu cả Chơn lẫn Tục, viên dung cả Sự lẫn Lý, thâm phạm lẫn thánh, tâm, Phật chẳng hai. Vì vậy, chỉ mình kinh này có thể trường tồn trong đời vị lai. Rõ ràng kinh này chẳng những là cương yếu của các kinh Tịnh Độ mà còn là chỉ quy cho

giáo pháp của cả Đại Tạng, thật vì hết thầy hữu tình cõi này, phương khác, hiện tại, tương lai được lia khổ hưởng vui, tốt cùng pháp yếu Bồ Đề.

Vì vậy, Niệm Tổ tôi nghĩ ân mong báo đáp, phát tâm vô thượng, kính cẩn chú giải kinh này để tiếp nối Phật huệ mạng. Kính mong hai giới tăng tục, thập phương Như Lai, thượng sư, bổn tôn, kim cang hộ pháp từ ân chở che, oai đức thâm gia hộ. Mong bản chú thích này sẽ khế hợp thánh tâm, rộng khởi phát niềm tin cho mọi người. Hễ ai thấy nghe đều vào được biển nguyện nhất thừa của Phật Di Đà.

### A. Khái yếu

Giải thích kinh này dựa theo quy cách của tông Hoa Nghiêm và khuôn mẫu A Di Đà Sớ Sao, chia tổng quát thành mười môn: Một, giáo khởi nhân duyên; hai: thể tánh kinh này; ba: tông thú của bộ kinh; bốn: phương tiện lực dụng, năm: căn khí được hóa độ; sáu: tạng giáo sở nhiếp; bảy: bộ loại sai biệt; tám: dịch, hội hiệu, thích; chín: tông thích danh đề; mười: phần giải thích chính ý nghĩa của kinh.

Chín môn đầu luận về cương yếu, tông thú, bộ loại của toàn kinh, có điểm đại đồng tiểu dị với ngũ trùng huyền nghĩa của Tông Thiên Thai. Tuy về mặt rộng, lược, lấy, bỏ có chút sai khác, nhưng nói

chung: trước hết, tổng luận để phát huy rõ ràng điểm cương yếu của kinh, khiến cho người đọc trước hết nhận thức tổng thể, sau mới nghiên cứu kinh văn. Cái lưới trương lên thì các mắt lưới mở ra, lãnh hội dễ dàng. Điều này cũng giống như trong các sách vở cận đại luôn có phần khái luận đặt ở đầu. Ở đây tôi gọi là khái yếu, là phần thứ hai [của bản chú giải].

## 1. Giáo khởi nhân duyên

Giáo khởi nhân duyên là nói về nhân duyên hưng khởi đại giáo. Trước hết, trình bày sự hưng khởi của Phật giáo và pháp môn Tịnh Độ, rồi mới thuật rõ nhân duyên hưng khởi kinh này.

Phàm hết thảy pháp chẳng ngoài nhân duyên. Nhân duyên hưng khởi đại giáo vô lượng, mà vô lượng nhân duyên lại chỉ là một đại sự nhân duyên. Kinh Pháp Hoa dạy: *‘Chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên mà thị hiện xuất hiện trong đời’*. *‘Chỉ là đem tri kiến Phật chỉ bày, giác ngộ chúng sanh’*.

Phẩm Khởi Tín kinh Hoa Nghiêm chép:

*‘Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác tánh khởi chánh pháp chẳng nghĩ bàn. Vì có sao? Do*



*chẳng phải vì chút ít nhân duyên mà thành Đẳng Chánh Giác xuất hiện trong thế gian. Ngài do mười thứ vô lượng vô số trăm ngàn a tăng kỳ nhân duyên mà thành Đẳng Chánh Giác xuất hiện trong đời, cho đến rộng nói vô lượng nhân duyên như thế chỉ vì một đại sự nhân duyên. Đại sự nhân duyên gì? Chỉ là vì muốn khai thị tri kiến Phật cho chúng sanh’.*

Kinh Hoa Nghiêm là pháp được đức Thế Tôn giảng đầu tiên. Kinh Pháp Hoa là giáo pháp cuối cùng. Từ đầu đến cuối chỉ vì đại sự nhân duyên sau đây: **muốn cho chúng sanh khai, thị, ngộ nhập tri kiến của Phật**, cũng có nghĩa là: muốn cho hết thảy chúng sanh hiểu rõ bản tâm, đạt được tri kiến giống với tri kiến của Phật, cùng thành Chánh Giác.

Nhân duyên hưng khởi kinh này cũng thế. Kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ (tức kinh Di Đà bản dịch đời Đường) viết: *‘Ta thấy đại sự nhân duyên lợi ích an lạc như thế nên nói lời thành thật, chắc chắn’*, đủ thấy chỗ hưng khởi của pháp môn Tịnh Độ giống hệt như của kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa: đều cùng là đại sự nhân duyên cả. Vì sao? Sách A Di Đà Sớ Sao viết:

*‘Nay chỉ nhất tâm trì danh liền được bất thoái. Ấy là trực chỉ tự tâm, phạm phu thành Phật một cách rốt ráo. Nếu tin chắc chắn như vậy, nào cần phải trải khắp ba thừa, trải qua nhiều kiếp.*

*Chẳng vượt khỏi một niệm chứng nhập Bồ Đề thật nhanh chóng, đấy chẳng phải là đại sự sao?'*

Đủ thấy Tịnh Tông đúng là pháp trực chỉ đốn chứng: lấy tâm niệm Phật nhập Phật tri kiến. Sự hưng khởi của Tịnh tông đúng là do đại sự nhân duyên này. Phần kế sẽ giảng rõ nhân duyên hưng khởi kinh này.

### **1.1. Xứng tánh cực đàm, Như Lai chánh thuyết**

Hoa Nghiêm, Pháp Hoa đều là giáo pháp Viên Đốn xứng tánh, nhưng chỗ quy thú của chúng lại thuộc trong kinh này. Ngẫu Ích đại sư khen kinh này như sau:

*'Dứt bất đối đãi một cách viên dung chẳng thể nghĩ bàn. Áo tạng của Hoa Nghiêm, bí tủy của Pháp Hoa, tâm yếu của hết thảy chư Phật, chỉ nam cho muôn hạnh Bồ Tát đều chẳng ra khỏi kinh này.'*

Do vậy, kinh này được xưng tụng là lời bàn luận xứng tánh đến mức cùng cực (xứng tánh cực đàm)

Thêm nữa, trong tác phẩm Vô Lượng Thọ Kinh Bình Giải, thầy Đạo Ân người Nhật nhận định:

*‘Hiện tại nay là đời ngũ trược, lúc tạo ác; cho nên khó tu một thứ thánh đạo bởi vì sẽ gặp nhiều chướng nạn. Chỉ riêng pháp môn này: chí viên, cực đốn, lại còn giản dị, thẳng chóng. Chánh thuyết xuất thế nằm riêng một mình trong kinh này. Cả một đời thuyết pháp quy về kinh này, như các dòng nước xuôi về bể cả.*

*Do vậy, bảo rằng: trăm vạn a tăng kỳ nhân duyên phát khởi kinh Hoa Nghiêm, một đại sự nhân duyên thành kinh Pháp Hoa cũng chỉ là nguồn gốc của pháp này’.*

Có nghĩa là: cả hai kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa chỉ là pháp dẫn đường cho kinh này. Kinh này thật là chỗ chỉ quy của cả Đại Tạng giáo. Cuối kinh Hoa Nghiêm, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Đại Sĩ dẫn về Cực Lạc, đủ để chứng minh [cho nhận định trên].

Thánh giáo như chiêm đàn, miếng nào cũng thơm. Pháp nào cũng viên đốn, vốn chẳng cao hạ; chỉ vì chúng sanh cấu nặng chướng sâu, tâm thô trí hèn, đói gặp cỗ vua mà chẳng dám ăn. Chỉ một pháp Trì Danh trong kinh này mới là đạo dễ hành, ai cũng tu được.

Chương Đại Thế Chí Viên Thông chép: *‘Tịnh niệm tương tục’, ‘tự được tâm khai’,* chính là tâm phàm phu khai tri kiến Phật. Đến như kẻ căn khí

cạn cọt chỉ cần chí tâm tin ưa, nguyện sanh cõi kia, dẫn rằng mười niệm, lúc mạng sắp hết, được Phật nhiếp thọ, liền sanh Cực Lạc. Hoa nở gặp Phật, ngộ nhập vô sanh, kỳ diệu nhanh chóng không chi hơn nổi. Hết thấy chúng sanh do pháp này đặc độ, xứng hợp bốn hoài của mười phương Như Lai.

Kinh này lại tuyên dương pháp chọn thật thuần nhất của Như Lai chẳng quyền biến, cong queo nên gọi là **Chánh Thuyết**. Lại nữa, Thế Tôn xứng hợp bốn tánh trao bày hết cả ra, chẳng chút mảy may giấu diếm nên gọi là **Xứng Tánh**. Hết thấy hàm linh đều nhân đây được độ thoát, thật là bàn luận xứng tánh đến cùng tốt nên gọi là **Xứng Tánh Cực Đàm**.

### 1.2. Tam căn phổ bị, thánh phàm tề thâu

Căn khí của chúng sanh thiên sai vạn biệt nên Thế Tôn nói tám vạn bốn ngàn pháp môn nhằm thích ứng khắp các căn cơ:

Hoa Nghiêm Viên giáo chuyên tiếp độ kẻ thượng thượng căn. Trí huệ như Xá Lợi Phất, thần thông như Mục Kiền Liên đều được gọi là bậc nhất trong hàng Thanh Văn đệ tử của Phật, mà trong hội Hoa Nghiêm còn như đui, như điếc, huống là kẻ kém hơn họ. Vì vậy, hạ căn tuyệt chẳng có phần.

Đến như các giáo pháp Tiểu thừa là để tiếp độ căn cơ quyền, tiểu. Với bậc thượng căn, giáo pháp Tiểu thừa mắc phải lỗi ‘giáo cạn, căn sâu’ nên cũng chẳng ứng cơ.

Chỉ có pháp môn Trì Danh Niệm Phật trong kinh này: thâm trọn phạm thánh, thích hợp lợi, độn. Đến cùng tột thì như Phổ Hiền, Văn Thù còn phát nguyện cầu sanh Cực Lạc.

Bài kệ của đức Phổ Hiền có câu: *‘Nguyện tôi vào lúc lâm chung, trừ sạch hết thảy các chướng ngại, tận mắt gặp Phật A Di Đà, liền được vãng sanh cõi An Lạc’*.

Bài kệ của ngài Văn Thù là: *‘Nguyện lúc tôi lâm chung, trừ diệt các chướng ngại, tận mắt gặp Di Đà, vãng sanh cõi An Lạc’*. Lại như Đại kinh chép: *‘Phật bảo Di Lạc: Trong thế giới này có bảy trăm hai mươi ức Bồ Tát đã từng cúng dường vô số chư Phật, trông các cội đức sẽ sanh cõi kia’*.

Thấp nhất thì như bọn ngũ nghịch thập ác trong Quán kinh, lâm chung được gặp bạn lành, dạy cho niệm Phật. Mười niệm thành công cũng sanh cõi kia. Dù thấy kinh này rộng thâm vạn loại, độ khắp ba căn, là thuốc A Già Đà trị lành muôn bệnh. Vì vậy, Đại kinh chép: *‘Gặp gỡ kinh này, tùy lòng mong muốn đều được độ’*.

Trên đây đã giải thích kinh này rộng thích ứng các căn cơ, với bọn phàm phu ta ơn đức ấy thật sâu đậm. Nay đang là thời mật pháp, chúng sanh phước huệ cạn mỏng, cấu chướng sâu nặng, chỉ cậy pháp môn tiện dụng này, chỉ nhờ vào tin Phật, trì danh mới có thể công siêu lũy kiếp, vãng sanh Cực Lạc, chóng lên bất thoái. Nếu không có pháp môn vi diệu như thế, phàm phu làm sao thoát khỏi biển nghiệp sanh tử này lên nổi bờ kia?

Vì vậy, đấng Đại Từ Bi Phụ, đạo sư hai cõi nghĩ thương chúng ta, mở ra pháp môn Tịnh Độ này, khéo chỉ rõ hai cõi khổ, vui, để khích động chúng sanh đang trầm luân: Cõi này: đồng lửa lớn, cõi kia: ao trong mát. Sen báu trước mặt, non đao sau lưng. Khi ấy, tự nhiên sanh khởi nguyện thù thắng, chán nhàm Sa Bà, cầu sanh Cực Lạc; đã sanh lòng tín nguyện liền trì danh hiệu ắt được độ thoát. Sanh cõi kia xong, gặp Phật nghe pháp, đắc vô thượng ngộ. Dùng hữu niệm nhập vô niệm, do vãng sanh khế hợp vô sanh. Đón ngộ tâm này vốn sẵn bình đẳng. Sư Hải Đông Nguyên Hiếu đời Đường nói:

*“Bốn mươi tám nguyện trước hết vì phàm phu, sau kiêm vì thánh nhân thuộc tam thừa”*

Đủ thấy cái màu nhiệm của Tịnh Độ tông: trước hết là nhằm làm cho phàm phu đắc độ vậy.

### 1.3. Diệm pháp tha lực, khéo hộ trì hành nhân

Các pháp môn khác hoàn toàn cậy vào tự lực. Đòi mạt tu hành lắm nỗi chướng nạn, chẳng hạn như kinh Lăng Nghiêm đã giảng rộng về năm mươi thứ ám ma quấy nhiễu hành nhân tu Thiền quán. Hành nhân chỉ mất chánh kiến đôi chút liền bị vướng lưới ma.

Vì vậy, kinh ấy dạy: *‘Chẳng khởi thánh tâm thì là thiện cảnh giới. Nếu cho là thánh giải liền lạc quần ma’*, đủ thấy hành nhân hơi chấp trước liền bị mất chánh kiến, liền vào đường ma, cầu thăng hóa giáng, thậm chí đọa Nê Lê (địa ngục). Vì vậy, các pháp khác gọi là **đạo khó hành**.

Chỉ có pháp môn Niệm Phật cũng như Mật pháp là Tha Lực Môn, thuộc về Quả Giáo (3). Hành nhân phát tâm niệm Phật, nhờ vào bốn nguyện của Phật Di Đà nhiếp thọ, oai thần gia bị hộ trì hành giả, ma chẳng dám quấy nhiễu. Kinh Thập Vãng Sanh chép:

*‘Phật dạy: Nếu có chúng sanh niệm A Di Đà Phật nguyện vãng sanh, đức Phật kia liền sai hăm lăm vị Bồ Tát ủng hộ hành giả, dù đi hay ngồi, dù đứng hay nằm, dù ngày hay đêm, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ chẳng cho ác quỷ, ác thần có cơ hội làm hại’.*

Do bởi chương Đại Thế Chí Viên Thông Niệm Phật của kinh Lăng Nghiêm có dạy: ‘*Nay con ở cõi này nhiếp người niệm Phật quy về Tịnh Độ*’, nên sách Tịnh Tu Tiệp Yếu viết: ‘*Đại Thế Chí Bồ Tát hiện ngự trong cõi này làm lợi ích lớn, nhiếp thủ người niệm Phật chẳng bỏ khiến họ lìa tam đồ được vô thượng lực*’.

Kinh A Di Đà lại dạy: ‘*Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe kinh này thọ trì và nghe danh hiệu chư Phật thì các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đều được hết thấy chư Phật hộ niệm*’. Người niệm Phật còn được quang minh xa đến bốn mươi dặm chiếu vào thân, mà chẳng phạm nổi.

Do những điều trên, thấy được rằng: người niệm Phật có hăm lăm vị Bồ Tát được Phật Di Đà sai đến, trong hết thấy thời, chốn, ủng hộ gia trì. Lại có các vị như Đại Thế Chí... oai đức nhiếp thọ, lại được hết thấy chư Phật hộ niệm nên xa lìa được ma nạn, yên ổn tu trì. Do nhờ vào tha lực hóa hiểm thành lành, thật là đạo dễ hành.

Nếu bảo nhờ cậy tha lực là chấp tướng thì phải biết rằng tha lực cũng là tự tâm. Ta, người chẳng hai; tự, tha cũng vậy. Do tha lực mà hiển hiện tự tâm, từ hữu niệm nhập vô niệm, đây đúng là điểm thâm diệu của pháp này. Vì thế, sách Di Đà Yếu Giải viết:



*“Điểm cốt yếu của pháp môn này là thấu rõ tha chính là tự. Nếu báng rằng đó là Phật khác thì là tha kiến chưa mất. Nếu đặt nặng tự Phật (vị Phật của chính mình) lại thành ra ngã kiến điên đảo”.*

#### **1.4 Thâm hợp diệu đạo, khéo nhập vô sanh**

Vô niệm và vô sanh thật xa vời đối với khả năng của phàm phu. Bát Địa Bồ Tát của Viên giáo đã lià hết thấy phân biệt tâm ý thức mới gọi là thật sự được Vô Sanh Pháp Nhẫn. Đủ thấy: với thánh giả còn khó, huống hồ là phàm phu còn đầy ắp phiền não. Vì vậy, Thiện Đạo đại sư viết trong Tứ Thiếp Sớ rằng:

*‘Nay các quán môn này chỉ phương lập tướng, trụ tâm để đạt cảnh, trọn chẳng thể vô tướng ly niệm. Như Lai thấy trước rằng phàm phu tội trước đời mặt lập tướng sanh tâm còn khó làm nổi, huống hồ ly tướng vô niệm! Khác nào kẻ không có thuật thần thông lại toan xây nhà trên không’.*

Bởi vọng tâm của chúng sanh niệm niệm tiếp nối như nước chảy xiết, chưa từng tạm ngơi; nay nếu miễn cưỡng đè nén, thô niệm tuy hơi được ngừng, tế niệm chưa hề ngưng dứt. Hành nhân nếu hiểu lầm liền cho là đã được tương ưng thì thật là sai lầm lớn.

Vì vậy, Đại Từ Bi Phụ khởi lòng Vô Duyên Từ ban cho pháp môn tiện dụng kỳ diệu này, chỉ

phương lập tướng để nhiếp tâm chuyên chú. Ngay nơi vọng tâm này trì danh hiệu Phật. Niệm một Phật danh, hoán trừ trăm ngàn vạn ức vọng tướng tạp niệm. Niệm tới thuần thục bèn mất cả năng, sở, vô tâm mà trụ, Phật hiệu phân minh, thàm hợp diệu đạo liền khế hợp sự thật màu nhiệm ‘vô trụ sanh tâm’ của kinh Kim Cang Bát Nhã.

Tâm sanh diệt của chúng sanh chỗ nào cũng duyên được, chỉ riêng chẳng duyên nổi Bát Nhã. Phải đạt đến địa vị Địa Thượng Bồ Tát (4) của Biệt giáo mới khế nhập nổi: lúc vô trụ liền sanh tâm, lúc sanh tâm liền vô trụ. Còn thì các bậc Địa Tiền Bồ Tát (5) vẫn còn tách rời thành hai: một thời sanh tâm, thời khác vô trụ. Đủ thấy rõ phàm phu tuyệt chẳng có phần.

Nay pháp môn Tịnh Độ này dạy chúng sanh trì danh niệm Phật khiến chúng sanh ngay nơi niệm ly niệm, ngầm thông Phật trí, thàm hợp đạo màu, khéo nhập vô niệm, ngay nơi phàm thành thánh. Vì vậy, sách Số Sao viết: *‘Vượt ba a tăng kỳ kiếp trong một niệm, ngang với chư thánh trong một câu’*. Thật là diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn! Các pháp môn khác phải thâm nhập ngay vào vô sanh nên là đạo khó hành. Nay Tịnh nghiệp này lại khéo nhập vô sanh nên là đạo dễ hành.

Pháp môn Niệm Phật là đường tắt tu hành mà một pháp Trì Danh lại là đường tắt trong pháp niệm Phật, nên gọi là đường tắt nhất trong các đường tắt.

Hơn nữa, kinh này chẳng đề xướng ‘nhất tâm bất loạn’ mà dùng ngay phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm A Di Đà Phật làm Tông. Chỉ cần phát tâm chuyên niệm đều được vãng sanh. Vì vậy, pháp này lại càng minh xác, đơn giản, quan trọng. Do đó, kinh này được xưng tụng là kinh bậc nhất của Tịnh tông. Đó là do kinh này là đường thẳng nhất trong các đường thẳng, là phương tiện bậc nhất trong các phương tiện, dứt bật đối đãi một cách viên dung chẳng thể nghĩ bàn.

Các đại đức Tịnh tông Nhật Bản lại xem trọng kinh này hơn Trung Hoa rất nhiều. Sớ giải Đại Kinh của Hắc Cốc Pháp Nhiên thượng nhân viết:

*‘Trong giáo pháp vãng sanh vừa có giáo pháp căn bản, vừa có giáo pháp cành nhánh. Kinh này là căn bản giáo, các kinh khác là kinh cành nhánh. Kinh này còn gọi là chánh vãng sanh giáo, các kinh khác là bàng vãng sanh giáo... Kinh này còn gọi là giáo pháp vãng sanh trọn vẹn, các kinh khác là giáo pháp vãng sanh chưa trọn vẹn’.*

Cứ theo nghĩa trên, Tịnh Độ tông ví như đỉnh ngọn núi Diệu Cao mà kinh này chính là chót đầu đỉnh núi. Kinh này dạy: hết thấy hàm linh đời

tương lai đều do nương vào kinh này mà được độ thoát. Kinh này lợi ích khắp chúng sanh bậc nhất như vậy. Pháp Trì Danh thâm hợp diệu đạo thật dễ thực hành.

### **1.5. Đại thánh rủ lòng từ, riêng lưu lại kinh này**

Kinh chép: *‘Đời tương lai, kinh đạo diệt hết, ta vì từ bi thương xót riêng lưu lại kinh này tồn tại trong đời một trăm năm. Nếu có chúng sanh gặp được kinh này, tùy lòng sở nguyện đều được độ thoát’.*

Thêm nữa, kinh Chánh Pháp Diệt Tận cũng nói về tình cảnh pháp diệt tối hậu giống như kinh Vô Lượng Thọ. Điều này hiển lộ nhân duyên thù thắng hưng khởi kinh này.

Diệu dụng của pháp môn Trì Danh ví như thức ăn ngon lại giàu chất dinh dưỡng tăng cường sức khỏe, lại như linh dược linh nghiệm thân hiệu trừ sạch được bệnh trầm kha khó chữa, trị khắp các bệnh, khắp ban bố lợi ích. Vì vậy, bảo rằng: *‘Diệu dụng lớn lao thay chẳng thể nghĩ bàn’.*

Đến khi đời mạt, ác trược càng sâu, các căn kém cõi, tuổi thọ chỉ còn mười năm, cấu nặng chướng thâm. Khi đó, sóng ác ngập tràn, lửa độc dậy đất, Thế Tôn rủ lòng từ riêng lưu lại pháp này

đề làm thuyền từ, xối mưa cam lộ. Ôn Phật sâu nặng nát thân khó đền.

## 2. Thể tánh của kinh

Hết thấy các kinh điển đại thừa đều dùng **Thật Tướng** làm chánh thể. Cổ đức nói: *‘Các kinh đại thừa đều dùng một Thật Tướng làm ấn’*.

Thật Tướng là tướng chơn thật cũng là Bình Đẳng Nhất Tướng. Thật Tướng không có tướng nhưng chẳng phải là bất tướng. Có tướng mà vô tướng nên gọi là Thật Tướng. Vô tướng là lìa hết thấy tướng hư vọng nên vô tướng chính là ly tướng.

Hơn nữa, Thật Tướng chẳng phải là bất tướng do chẳng phải là ngoan không, đoạn diệt như lông rùa, sừng thỏ, hết thấy hư vô! Kinh Kim Cang dạy: *‘Phàm cái gì có tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng thì thấy Như Lai’*. Nghĩa là: Ngay nơi tướng lìa tướng, lìa sạch tướng hư vọng thì thấy Thật Tướng, nên nói là *thấy Như Lai*, đây là chỉ Pháp Thân Như Lai.

Pháp thân Như Lai lìa hết thấy tướng, nên nói: Thật Tướng vô tướng, nhưng không phải là không có Pháp Thân nên nói: Thật Tướng chẳng phải là bất tướng. Pháp sanh diệt toàn là hư vọng nhưng trong cái sanh diệt có cái chẳng sanh diệt. Các pháp

sanh diệt là tướng sai biệt, nhưng trong cái sai biệt có cái chẳng sai biệt. Chẳng sanh chẳng diệt, chẳng có sai biệt nên nói **Thật Tướng là bình đẳng nhất tướng.**

Thật Tướng nghĩa lý sâu xa. Nếu hiểu rõ Thật Tướng thì ngộ được lý Đại Thừa.

Nay tôi dùng thí dụ cho dễ hiểu: Ví dụ như dùng vàng chế ra tháp, tượng, bình, chén, xuyên, vòng, các thứ tướng sai biệt rõ ràng. Nếu đem các vật đó bỏ vào lò nung lại hóa thành vàng. Các tướng vốn có đều tiêu diệt hết, nhưng vàng là bản thể các vật vẫn còn như cũ. Dù thấy tướng sai biệt của các vật có sanh có diệt, đều thuộc về hư vọng, nhưng bản thể các vật là vàng, bình đẳng nhất tướng, bất sanh bất diệt, chẳng tăng, chẳng giảm.

Trên đây, dùng vàng để ví cho Thật Tướng chơn thật bình đẳng, các vật bằng vàng ví cho các tướng sai biệt. Do ví dụ trên, thấy được rằng: ‘Nếu phá tướng hư vọng sai biệt của các vật bằng vàng: tháp, tượng, bình, xuyên, vòng... thì thấy vàng chơn thật bình đẳng nơi các vật. Dùng điều này để ví **liu tướng hư vọng của hết thấy pháp thì thấy Thật Tướng.** Do liu tướng hư vọng sai biệt nên nói là vô tướng. Trong các tướng hư vọng sai biệt có bản thể chơn thật bình đẳng nên bảo là chẳng phải bất

tướng. Ngay nơi tướng lìa tướng, có tướng mà vô tướng bèn thấy rõ Thật Tướng.

Thật tướng lìa ngôn thuyết đúng như ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng nói: *‘Nếu nói dường như có một vật thì chẳng trúng’*, nên chẳng thể dùng thí dụ thế gian nào chỉ rõ được Thật Tướng. Trong thí dụ trên, nếu ngộ nhận thật có một tướng vàng cụ thể để đạt được thì lại vướng vào tướng, không còn là Thật Tướng của vô tướng nữa! Vì vậy, bảo rằng: “*Hễ có ngôn thuyết đều chẳng phải là thật nghĩa*”.

Hơn nữa, kinh Viên Giác dạy: *‘Các huyền diệt tận, giác tâm chẳng động’*, *‘Vi cái huyền diệt bị diệt, cái chẳng phải là huyền (phi huyền) chẳng bị diệt. Vi như mài gương (6) hết chất dơ thì ánh sáng hiện’*.

Cái giác tâm sau khi huyền bị diệt vừa được nói trong kinh cùng với cái sáng suốt hiện ra khi hết cấu như đều chỉ cho cái Thật Tướng bình đẳng nhất vị được hiển lộ do lìa vọng. Mài gương thật ra là mài bỏ chất nhờn. Tánh gương vốn sáng, chẳng phải tự bên ngoài mà có. Như hết, sáng hiện, lìa vọng tức là chơn. Do vậy, bảo: *‘Chẳng nhọc cầu chơn, chỉ cần dứt cái Thấy’*. Cái Thấy của chúng sanh đều là cái thấy hư dối. Cái Thấy chơn thật là tri kiến của Phật.

Sách Yếu Giải lại viết:

*‘Tâm tánh của một niệm hiện tiền của chúng ta chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở khoảng giữa, chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai, chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, dài, ngắn, vuông, tròn, chẳng phải hương, chẳng phải vị, chẳng phải xúc, chẳng phải pháp. Tìm thì chẳng thể được, nhưng chẳng thể bảo là Không. Nó tạo đủ bách giới, thiên như (7) nhưng chẳng thể bảo là Có. Lià hết thấy tướng duyên lự, phân biệt, ngữ ngôn, nhưng chẳng phải ngoài những thứ ấy riêng có tự tánh (như trong thí dụ ở phần trên, hết thấy các vật đều chẳng ngoài vàng).*

*Nói tóm lại, lià hết thấy tướng chính là hết thấy pháp. Do lià nên vô tướng. Cũng do vậy nên chẳng phải là bất tướng. Do chẳng thể được nên cưỡng gọi là Thật Tướng’.*

Rõ ràng Thật Tướng chính tên cưỡng gọi của một niệm tâm tánh hiện tiền của chúng ta. Tánh của một niệm nơi tâm được cưỡng gọi là Tự Tánh. Nhị Tổ tìm tâm chẳng được nên ‘đã an tâm rồi’, nhưng chẳng thể bảo là không. Tuy Lục Tổ nói: ‘Nào ngờ tự tánh hay sanh vạn pháp’, cũng chẳng thể chấp là có. Lià tứ cú, tuyệt bách phi, chẳng thể dùng suy lường, phân biệt để hiểu nổi. ‘Linh minh đồng triệt, trạm tịch thường hằng’ ‘riêng sáng vắng vặc’, ‘rạng ngời hư không’, ‘linh quang độc diệu thoát



*sạch căn trần*'. Vì thế, Liên Trì đại sư khen ngợi rằng:

*'Lớn thay chơn thể! Chẳng thể nghĩ bàn nổi thì chỉ có mỗi tự tánh mà thôi!'*

Bản chất của Thật Tánh đã được bàn thô thiển như trên. Còn như thể tánh của Đại kinh vì sao lại bảo là Thật Tướng? Dưới đây sẽ bàn. Vãng Sanh Luận của Thế Thân Bồ Tát viết:

*'Trang nghiêm cõi Phật công đức thành tựu, trang nghiêm Phật công đức thành tựu, trang nghiêm Bồ Tát công đức thành tựu. Nên biết ba thứ thành tựu nguyện tâm trang nghiêm này có thể nói gọn trong một pháp cú. Một pháp cú là thanh tịnh cú. Thanh tịnh cú là chân thật trí huệ vô vi Pháp Thân'.*

Luận này thật đã hiển thị nhất chơn pháp giới sự lý vô ngại: ngay nơi tướng chính là đạo. Các thứ y báo, chánh báo trang nghiêm nơi thế giới Cực Lạc, mỗi thứ đều là Pháp Thân vô vi trí huệ chơn thật, mỗi thứ chính là Thật Tướng. Do vậy mới nói kinh này lấy Thật Tướng làm thể. Cừ Am đại sư đời Minh nói: *'Rừng quỳnh, ao ngọc hiển hiện trực tiếp nguồn tâm. Thọ lượng, quang minh phơi bày trọn vẹn tự tánh'*.

U Khê đại sư viết trong bộ Viên Trung Sao như sau:

*‘Rừng quỳnh, ao ngọc, thọ lượng, quang minh vốn là tướng của hết thảy pháp. Chúng đã hiển lộ trực tiếp nguồn tâm, phô bày trọn vẹn tự tánh thì lấy tướng nào để đạt được! Đấy chính là tướng mà vô tướng, tuy là tướng mà là chánh thể của vô tướng. Tâm tánh của bọn ta lượng đồng pháp giới, linh minh đồng triệt, trạm tịch thường hằng. Theo bề dọc thì suốt cả ba đời, theo bề ngang thì trọn mười phương’.*

Cõi nước Cực Lạc chẳng ở ngoài tâm, tâm ta sẵn đủ bách giới thiên như. Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh, cõi tịnh thì tâm ta tịnh, nào có một pháp ở ngoài tâm ta. Pháp được kinh này phô diễn là để hiển thị trực tiếp bản tâm, phô bày trọn vẹn tự tánh. Ngay nơi tướng chính là đạo, chẳng phải là không có Thật Tướng. Sách Di Đà Yếu Giải viết:

*‘Thật Tướng không hai, cũng chẳng phải là bất nhị. Vì vậy dùng toàn thể làm y báo, chánh báo, làm pháp, làm báo, làm tự, làm tha, nhân đến năng thuyết, sở thuyết, người độ, kẻ được độ, người tin, pháp được tin, người phát nguyện, điều được nguyện, người trì, danh hiệu được trì, năng sanh, sở sanh, người khen ngợi, pháp được khen ngợi, không chi chẳng được Thật Tướng chánh ấn in vào’.*

Do đoạn văn trên, thấy được rằng toàn kinh này gói trọn trong một Thật Tướng, nên nói: Thật Tướng là thể tánh của kinh này vậy.

Lại nữa, phẩm Đức Tôn Phổ Hiền trong kinh này chép: *‘Khai hóa hiển thị chơn thật tế’*. Phẩm Đại Giáo Duyên Khởi chép: *‘Muốn cứu vớt quần sanh, ban cho lợi ích chơn thật’*. Phẩm Tích Công Lũy Đức chép: *‘Trụ chơn thật huệ dũng mãnh tinh tấn, một dạ chuyên chí trang nghiêm cõi nhiệm màu’*.

Chơn thật tế là Chơn Như Thật Tướng bản thể. Đó chính là điều kinh này khai thị. Cõi nhiệm màu Cực Lạc được trí huệ chơn thật trang nghiêm thành tựu. Di Đà Thế Tôn thâm nhiếp cõi nhiệm màu ấy, tuyên dương pháp môn này, muốn ban cho bọn chúng sanh ta cái lợi chơn thật. Ba thứ chơn thật này (chơn thật tế, chơn thật huệ, và lợi ích chơn thật), một chính là ba, ba chính là một, là phương tiện rất ráo chằng thể nghĩ bàn. Toàn thể của y báo, chánh báo cõi Cực Lạc, pháp môn Tịnh Độ đều là chơn thật tế. Vì vậy, ta nói kinh này lấy Thật Tướng làm thể tánh vậy.

### **3. Tông thú của kinh này**

Điều được kinh đề cao gọi là Tông. Tông là trọng yếu, là tông chỉ của toàn bộ kinh. Tông lại là

đường trọng yếu để tu hành. Vì vậy, Tông là cương lĩnh của toàn bản kinh. Lưới (cương) được giở lên thì mắt lưới trương ra. Nắm cổ áo (lĩnh) thì thân áo xuôi theo. Vì vậy sau khi phán định thể, trước hết phải xác định Tông.

Thể là lý, Tông là hạnh. Thể là cái thể để Tông nương vào. Tông là cái Tông để hiển thị cái thể.

Ngoài ra, tông và thể là hai mặt hỗ tương. Tông là hạnh trọng yếu để lãnh hội thể nên phải đề cao.

Sớ giải Tâm kinh của ngài Hương Tượng giảng: *‘Điểm được coi trọng là Tông, chỗ quy hướng của tông thì gọi là Thú’*. Ngài Khuê Phong đại sư viết trong sách Viên Giác Lược Sớ rằng: *‘Thú có nghĩa là hướng đến, tức là chỗ quy hướng của tâm ý thức’*.

Đủ biết: **thú là quy thú** (hướng đến, quay về). Vì vậy, dựa vào tông chỉ của kinh để tỏ rõ việc làm, biết điều mong cầu, thấu đáo tột cùng chỗ kinh đạt đến thì gọi là Thú vậy.

Từ xưa đã có nhiều thuyết bàn về tông thú của bản dịch kinh Vô Lượng Thọ đời Ngụy.

Bản sớ giải của ngài Gia Tường Cát Tạng viết: *‘Tông chỉ của kinh này thường có hai thuyết:*

*một là Di Đà tu nhân cảm quả Tịnh Độ. Hai là khuyến vật (chỉ cho chúng sanh) tu nhân, vãng sanh cõi kia’.*

Ngài Hải Đông Nguyên Hiểu viết trong sách Tông Yếu rằng: *‘Kinh này đúng là dùng nhân quả Tịnh Độ làm tông thể, lấy nhiếp chúng sanh vãng sanh làm ý chỉ’.*

Đàm Loan pháp sư bảo: *‘Lấy danh hiệu Phật làm thể của kinh’.*

Ngài Thiện Đạo nói: *‘Niệm Phật tam muội là tông, nhất tâm hồi nguyện vãng sanh Tịnh Độ là thể’* (thể ở đây chỉ cho thú).

Bộ Hợp Tán của thầy Thích Quán Triệt người Nhật viết: *‘Kinh này: niệm Phật là tông, vãng sanh là thể. Kinh này tôn trọng niệm Phật nên lấy niệm Phật làm tông, chỗ quy thú của tông là cốt được vãng sanh nên lấy vãng sanh làm thể’.*

Tịnh tông coi kinh Vô Lượng Thọ là Đại kinh, kinh A Di Đà là Tiểu kinh vì hai kinh này chỉ rộng, lược sai khác. Do vậy, trong Sớ Sao, ngài Liên Trì gọi Đại kinh là Đại Bản, tiểu kinh là Tiểu Bản, vì thật ra hai kinh chỉ là cùng một kinh.

Tông thú của kinh A Di Đà cũng có nhiều thuyết, ở đây chỉ chọn lấy những thuyết quan trọng.

Sách Sớ Sao cho rằng: ‘*Y, chánh thanh tịnh, tín nguyện vãng sanh là tông thú*’.

Sách Viên Trung Sao bảo: ‘*Dùng tín, nguyện, tịnh nghiệp làm tông trí của kinh*’.

Sách Di Đà Yếu Giải cho rằng: ‘*Dùng tín nguyện trì danh làm tông*’.

Tổng hợp những ý kiến về tông thú hai kinh Đại, Tiểu nói trên của các vị trong nước và hải ngoại, ta thấy tất cả đều lấy tín nguyện trì danh, vãng sanh Tịnh Độ làm gốc. Tham khảo khắp ý kiến các vị đã chú giải kinh cũng như căn cứ trên kinh văn kinh này, tôi minh xác tông thú kinh này như sau:

**Kinh này dùng phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm làm Tông; sanh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ, chóng lên địa vị bất thoái làm Thú.**

### **3.1 Giảng về Tông**

Người vãng sanh trong ba bậc thượng trung hạ nói trong phẩm Ba Bậc Vãng Sanh kinh này, ai chẳng lấy phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm làm nhân. Hơn nữa, nguyện thứ mười chín của Phật Di Đà là:

*‘Nghe danh hiệu ta, phát Bồ Đề tâm, tu các công đức, phụng hành sáu ba la mật kiên cố chẳng thoái. Lại đem thiện căn hồi hướng nguyện sanh cõi ta, nhất tâm niệm ta ngày đêm chẳng dứt. Lúc lâm chung, ta cùng các Bồ Tát hiện đến đón trước mặt, trong khoảnh khắc liền sanh cõi ta, làm Bồ Tát a duy việt trí’.*

Nguyện thứ mười tám: *‘Nghe danh hiệu ta chí tâm tin ưa, bao nhiêu thiện căn, tâm tâm hồi hướng nguyện sanh cõi ta, nhẫn đến mười niệm, nếu chẳng sanh về chẳng lấy Chánh Giác. Chỉ trừ kẻ ngu nghịch, phi báng chánh pháp’*

Rõ ràng: nguyện thứ mười chín chú trọng phát Bồ Đề tâm, một lòng niệm Phật. Nguyện 18 nhấn mạnh ‘chí tâm tin ưa, nhất hướng chuyên niệm’. Vì vậy, ta biết rằng ‘**phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm**’ là tâm tủy của bốn nguyện Phật Di Đà, là tông yếu của toàn bộ Đại kinh, là chánh nhân ắt đủ để vãng sanh, là thuyền từ phương tiện độ sanh. Điều được Đại kinh tôn sùng hoàn toàn là điểm này. Đường trọng yếu tu hành chỉ có điểm này là thiết yếu, nên nó là tông của Đại kinh vậy.

Đàm Loan pháp sư viết trong Vãng Sanh Luận chú rằng:

*‘Ba bậc vãng sanh trong kinh Vô Lượng Thọ tuy hạnh có ưu, liệt, nhưng không ai chẳng phát*

*tâm Bồ Đề vô thượng. Tâm Bồ Đề vô thượng này chính là tâm nguyện thành Phật, chính là tâm độ chúng sanh. Tâm độ chúng sanh chính là tâm nhiếp thủ chúng sanh về cõi có Phật.*

*Vì vậy, nguyện sanh cõi An Lạc Tịnh Độ thì cần phải phát tâm Bồ Đề vô thượng. Nếu ai chẳng phát tâm Bồ Đề vô thượng, chỉ nghe cõi kia hưởng vui không gián đoạn, do vui thích mà nguyện sanh thì cũng chẳng được vãng sanh’.*

An Lạc Tập viết:

*‘Theo Tịnh Độ Luận của ngài Thiên Thân, phàm muốn phát tâm lãnh hội Vô Thượng Bồ Đề thì có hai nghĩa:*

*Một là trước hết phải rời bỏ ba pháp trái nghịch Bồ Đề môn, hai là cần biết ba pháp thuận Bồ Đề môn.*

*Những gì là ba?*

*Một là nương theo trí huệ môn: chẳng cầu tự mình vui vì xa lìa ngã tâm tham trước tự thân.*

*Hai là nương từ bi môn: dẹp hết thấy khổ cho chúng sanh vì xa lìa tâm khiến chúng sanh chẳng an vui.*

*Ba là phương tiện môn: tâm xót thương hết thấy chúng sanh vì xa lìa tâm cung kính, cúng*



*dường tự thân. Ấy gọi là xa lìa ba pháp trái nghịch Bồ Đề tâm.*

*Thuận Bồ Đề môn là Bồ Tát xa lìa ba pháp trái nghịch Bồ Đề môn như trên liền được ba pháp tùy thuận Bồ Đề môn. Những gì là ba?*

*Một là tâm vô nhiễm thanh tịnh chẳng vì thân mình cầu an vui. Bồ Đề là chốn thanh tịnh vô nhiễm, nếu vì tự thân cầu vui là trái với Bồ Đề môn. Vì vậy tâm vô nhiễm thanh tịnh là thuận Bồ Đề môn.*

*Hai là tâm an thanh tịnh vì dẹp khổ cho hết thấy chúng sanh.*

*Ba là tâm vui thanh tịnh, muốn cho hết thấy chúng sanh được đại Bồ Đề vậy, vì nhiếp thủ chúng sanh sanh cõi kia vậy. Bồ Đề là chỗ thường vui rất ráo, nếu chẳng làm cho hết thấy chúng sanh được cái thường vui rất ráo thì trái nghịch Bồ Đề môn.*

*Cái thường vui rất ráo ấy dựa vào đâu để có được? Cần phải dựa vào đại nghĩa môn. Đại nghĩa môn là cõi nước An Lạc kia vậy. Thế nên, phải khiến họ nhất tâm chuyên chí nguyện sanh cõi kia, muốn cho họ chóng hiểu được vô thượng Bồ Đề’.*

*Ngài Hải Đông Nguyên Hiểu lại viết trong bộ Tông Yếu rằng: ‘Phát Bồ Đề tâm chính là chánh nhân’. Ngài lại bảo: Phát Bồ Đề tâm có hai loại:*

a. Một là theo sự phát tâm:

*‘Phiền não vô biên nguyện đều đoạn hết, thiện pháp vô lượng nguyện đều tu hết, chúng sanh vô biên nguyện đều độ cả. Quả báo của tâm ấy tuy là Bồ Đề mà hoa báo của nó là Tịnh Độ. Vì sao thế?’*

*Bồ Đề tâm lượng rộng lớn vô biên, xa rộng vô hạn nên cảm được y báo Tịnh Độ rộng lớn không ngăn mé, chánh báo thọ mạng lâu dài vô lượng. Ngoại trừ Bồ Đề tâm, không có gì làm được như thế cả’.*

b. Hai là thuận lý phát tâm: *‘Tin hiểu các pháp đều như huyễn mộng, chẳng phải có, chẳng phải không, dứt ngôn ngữ, bất suy nghĩ. Tin hiểu như vậy, phát tâm rộng lớn, tuy chẳng thấy có phiền não, pháp lành mà chẳng bài bác là không có gì để tu để đoạn’.*

Vì vậy, tuy nguyện đoạn hết, tu hết mà chẳng trái nghịch Vô Nguyện tam muội. Tuy nguyện độ hết vô lượng hữu tình mà chẳng có người hóa độ, kẻ được độ. Do vậy, có thể tùy thuận Không, Vô Tướng như kinh dạy:

*‘Diệt độ vô lượng chúng sanh như vậy, nhưng thật chẳng có chúng sanh được diệt độ. Phát tâm như vậy công đức vô biên, dẫu cho chư Phật trọn*

*kiếp diễn nói công đức người ấy còn chẳng nói hết nổi’.*

Quán kinh còn dạy: ‘*Muốn sanh cõi kia nên tu ba phước.... Ba là **phát Bồ Đề tâm**, tin sâu nhân quả, đọc tụng đại thừa, khuyến khích hành giả’.* Lại dạy: ‘*Nếu có chúng sanh nguyện sanh cõi kia, phát ba tâm liền được vãng sanh. Những gì là ba? Một là tâm chí thành, hai là thâm tâm, ba là hồi hướng phát nguyện tâm. Đủ ba tâm thì ắt sanh cõi kia’.* Phát ba tâm này cũng chính là phát Bồ Đề tâm.

Hơn nữa, Mật tông chú trọng nhất là phát đại Bồ Đề tâm. Giáo điển Bồ Đề Tâm Nghĩa dạy: ‘*Bồ Đề tâm là cái gốc để thành Phật. Đại sự nhân duyên không điều nào hơn được nó’.*

Sách Bồ Đề Tâm Luận lại giảng: ‘*Bồ Đề tâm này hàm chứa pháp công đức của hết thầy chư Phật. Nếu tu chứng xuất hiện thì làm đạo sư của hết thầy. Nếu quay về gốc thì là cõi Mật Nghiêm, chẳng đứng dậy khỏi tòa mà thành tựu được hết thầy Phật sự’.*

Lại khen ngợi Bồ Đề tâm như sau: ‘*Nếu ai cầu Phật huệ thông đạt Bồ Đề tâm thì ngay nơi thân do cha mẹ sanh ra mau chứng địa vị Đại Giác’.*

Thêm nữa, vua của các kinh là kinh Hoa Nghiêm dạy: ‘*Quên mất Bồ Đề tâm tu các pháp*

*lành thì là ma nghiệp*'. Phát tâm quan trọng chẳng thể ví dụ nổi.

Các vị như sư Nguyên Hiếu lấy phát Bồ Đề tâm làm chánh nhân, niệm Phật làm trợ nhân. Các vị như Thiện Đạo, Linh Chi của Trung Hoa và các sư Tịnh tông người Nhật cho Trì Danh là chánh hạnh, phát tâm là trợ hạnh. Hai thuyết nghịch nhau. Liên Trì đại sư nói một cách dung hội trong Sớ Sao rằng: *'Đã dùng Trì Danh làm chánh hạnh, lại lấy Trì Danh làm phát Bồ Đề tâm thì hòa hội được ý kiến của cả hai phái'*.

Tôi nay đề xướng **'phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm'** là tông của kinh này, thật là gộp trọn ý kiến cả hai phái, lại còn quy nhiếp về trì danh, thật phù hợp với ý tổ Liên Trì.

Vả lại, tám chữ trên, nói rộng thì chính như ý kiến của thiên sư Triệt Ngộ: *'Thật vì sanh tử phát Bồ Đề tâm, dùng thâm tín nguyện trì danh hiệu Phật'*. Nói gọn thì như đại sư Ngẫu Ích đề xướng: *'Tín nguyện trì danh'*.

Sách Di Đà Yếu Giải lấy tín nguyện trì danh làm tông, lại còn viết:

*'Tín nguyện trì danh là yếu chỉ của cả bộ kinh. Tín nguyện là huệ hạnh, trì danh là hành hạnh. Được vãng sanh hay không toàn là ở chỗ có*

*tín nguyện hay không. Phạm vi cao hay thấp toàn do trì danh sâu hay cạn. Vì thế, huệ hạnh để dẫn đường, hành hạnh là chánh tu, như mắt và chân liên quan với nhau’.*

Lại còn viết:

*‘Tín sâu phát nguyện chính là vô thượng Bồ Đề. Hợp tín nguyện ấy lại thì đích thật là chỉ nam của Tịnh Độ. Do vậy, chấp trì danh hiệu là chánh hạnh... Kinh Đại A Di Đà cũng lấy phát Bồ Đề nguyện làm trọng yếu, thật tương đồng với kinh này’.*

Rõ ràng: ‘tín nguyện trì danh’ và ‘phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm’ đúng là cùng một tông chỉ. Đại sư Ngẫu Ích lấy ‘tín nguyện trì danh’ làm tông cho kinh Tiểu Bản thì tông chỉ của hai bản Đại, Tiểu phải giống nhau. Vì vậy, bảo ‘phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm’ là tông của kinh Đại Bản thật đúng là tuân phụng lời dạy của đại sư Ngẫu Ích.

Chữ Hướng trong ‘Nhất hướng chuyên niệm’ có nhiều nghĩa:

- ngã theo một hướng mà tiến tới
- lệch hẳn về một phía
- một vị
- gộp chung lại

- một khoảng thời gian

Do vậy, ‘nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật’ có nghĩa là chuyên nương theo pháp môn Trì Danh Niệm Phật này. ‘Nhất hướng chuyên niệm’ vốn là chữ lấy trong nguyện thứ mười tám: mười niệm ắt sanh. Di Đà trong lúc tu nhân phát ra đại nguyện ‘mười niệm ắt vãng sanh’ nên hành nhân phát Bồ Đề tâm nhất hướng chuyên niệm ắt được vãng sanh Tịnh Độ, chứng trọn vẹn diệu quả bất thoái.

Người vãng sanh bậc thượng, bậc trung, bậc hạ trong kinh đều do phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật mà vãng sanh Tịnh Độ Cực Lạc. Ấy là do giác ngộ là quả, tâm làm nhân, phương tiện rất ráo phơi bày trọn vẹn nguyện hải nhất thừa của Di Đà, sáu chữ hồng danh oai thần công đức chẳng thể nghĩ bàn.

Hơn nữa, ‘nhất hướng chuyên niệm’ là như cổ đức dạy: *‘Thượng tận hình thọ, hạ thì mười niệm’*. Thượng tận hình thọ là từ ngày phát tâm niệm Phật trở đi, chung thân niệm Phật thẳng đến một niệm tối hậu lúc lâm chung. Đây là bậc thượng. Còn bậc hạ chưa làm nổi như vậy, hoặc bởi chướng nặng, hoặc do bận rộn chẳng rảnh niệm nhiều thì mỗi ngày hành pháp Thập Niệm cũng là ‘nhất hướng chuyên niệm’. Còn bết nhất như trong

Quán kinh nói: kẻ ngu nghịch, thập ác lúc mạng sắp dứt, được nghe thánh giáo, chí tâm hồi cải, mười niệm xưng danh cũng được vãng sanh, nên nói: mười niệm ắt sanh.

Hành giả nên biết: nhất hướng chuyên niệm là từ lúc bắt đầu phát tâm niệm Phật cho đến một niệm tối hậu, mà niệm quan trọng khẩn thiết nhất là niệm tối hậu. Như kẻ ác nghịch vừa nói trên đây, niệm Phật mười tiếng thì tiếng thứ nhất là sơ niệm, tiếng thứ mười là niệm cuối cùng, cũng là thẳng từ sơ phát tâm cho đến chết đều trì danh. Do vậy, phù hợp với tông chỉ nhất hướng chuyên niệm.

Trái lại, như có kẻ niệm Phật mấy mươi năm nếu lúc tối hậu bỏ lưng, khinh thị Trì Danh, đổi qua tu pháp khác, hoặc lúc lâm chung chẳng ưa Cực Lạc, luyến tiếc thế gian, chưa niệm Phật nổi thì chẳng gọi là nhất hướng chuyên niệm!

Nếu như ngờ rằng niệm Phật sao lại có công đức như thế, nên biết: do năng niệm, sở niệm đều là Thật Tướng vậy. Sách Di Đà Yêu Giải giảng:

*‘Quang là theo chiều ngang chiếu khắp mười phương. Thọ là theo chiều dọc khắp cả ba đời. Ngang dọc hỗ tương đều là pháp giới thể. Dem cả cái thể ấy làm thành thân và cội của Phật Di Đà, cũng đem cả cái thể ấy làm thành danh hiệu Di Đà. Vì vậy, danh hiệu Di Đà chính là bốn giác lý tánh*

*của chúng sanh. Trì danh là Bốn Giác hợp với Thi Giác. Thi, Bốn chẳng hai, chúng sanh và Phật chẳng hai, nên một niệm tương ứng đức Phật của một niệm. Niệm niệm tương ứng với đức Phật trong niệm niệm’.*

Do đoạn trên thấy được rằng: danh hiệu Di Đà là pháp giới thể nên công đức của danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, danh hiệu tức là bốn giác lý tánh của chúng sanh. Khởi tâm niệm Phật là Thi Giác. Đức Phật đang được mình niệm đây chính là Bốn Giác của ta. Do vậy, ta nói trì danh chính là Bốn Giác hợp với Thi Giác. Bởi vậy, niệm niệm tương ứng mà niệm niệm chính là Phật thì rõ ràng công đức trì danh chẳng thể nghĩ bàn.

Hơn nữa, theo Mật Điển, công đức của chỉ mình chữ A trong sáu chữ hồng danh đã là vô lượng. Đại sư Hưng Giáo người Nhật giảng:

*‘Từ chữ A lưu xuất hết thủy đà ra ni, từ hết thủy đà ra ni sanh ra hết thủy Phật’.*

Còn bảo: ‘Chon ngôn chữ A là tâm của mười phương Phật. Pháp thân chư Phật cùng gia trì’ và:

*‘Tỳ Lô Xá Na dùng chữ A này làm tạng bí mật’.*

Lại còn nói:



*‘Ba thân chỉ nói một pháp chữ A, các kinh rộng khen công đức của pháp này. Nghe tên thoảng qua tai, các tội băng tiêu. Xương âm, thấy mặt chữ, vạn đức như mây nhóm. Xem sơ qua mà tin thì đạo thẳng Tịnh Độ, tu sâu viên trí, chứng Phật đạo ngay hiện tại’.*

Công đức của chữ A đã như thế, hưởng hồ là công đức của toàn danh hiệu Phật. Một câu Phật hiệu đây hạ thủ thật dễ, chẳng luận nam nữ trẻ già, chẳng biết ngu trí, rảnh, bận, ai cũng niệm được, kẻ nào cũng hành được.

Danh chiêu vạn đức, cảm ứng màu nhiệm khó nghĩ nổi. Từ hữu niệm khéo nhập vô niệm, ngay nơi tâm phàm nhanh chóng hiển lộ quả đức, đúng như Sớ Sao viết: *‘Ngang với chư thánh trong một lời, vượt ba a tăng kỳ kiếp trong một niệm’.*

Cực viên, cực đốn, quá sức giản dị, nên biết ‘phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm’ chẳng chỉ là cương tông của kinh mà thật còn là chỉ quy của cả Đại Tạng giáo.

### 3.2 Giảng về Thú

Chỗ quy hướng của tông gọi là Thú. **Chỗ thú hướng của ‘phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm’ là vãng sanh Cực Lạc Tịnh Độ, chứng ba thứ bất thoái.** Vì vậy, kinh này lấy sanh trọn vẹn

bốn cõi Tịnh Độ, chóng lên địa vị bất thoái làm Thù.

Tịnh Độ có bốn cõi: Phàm Thánh Đồng Cư, Phương Tiện Hữu Dư, Thật Báo Trang Nghiêm và Thường Tịch Quang. Dưới đây sẽ giải thích sơ lược về tướng trạng vãng sanh bốn cõi.

\* Cõi Phàm Thánh Đồng Cư:

Cõi Phàm Thánh Đồng Cư của thế giới Cực Lạc là đồng cư Tịnh Độ. Thế giới Sa Bà ta đang ở đây cũng là cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Cõi này cũng có phàm, có thánh, như Văn Thù thường hiện Ngũ Đài, các A La Hán thường trụ Thiên Mục hoặc Nhạn Đãng. Họ đều là bậc thánh cõi này, nhưng cõi đồng cư chúng ta đang ở là đồng cư uế độ. Vì vậy, tuy cùng mang tên đồng cư mà thật ra chẳng giống nhau.

Sách Yếu Giải giảng về cõi Đồng Cư nơi đây như sau:

*‘Do thật thánh (chỉ cho ba thánh quả Tiêu thừa) quá khứ có lậu nghiệp, quyền thánh (đại quyền thị hiện Bồ Tát) đại từ bi nguyện, nên phàm phu được ở chung với thánh nhân. Đến khi thật thánh nát thân (niết bàn), cơ ứng hóa của quyền thánh hết (cơ duyên hóa độ đã hết) liền thăng, trầm*

*khác xa, khổ, vui khác biệt vời vợi. Tuy là tạm giống, rốt cuộc không giống.*

*Lại nữa, trong vòng trời đất, ít kẻ được thấy nghe. Nếu may mắn được gặp gỡ thì ít kẻ chịu thân cận, học hỏi. Hơn nữa, khi Phật tại thế thánh nhân dẫu đông, như của quý, như điềm lành, nhưng chẳng thể trọn khắp các cõi nước như các ngôi sao, như bụi trần. Và lại, tuy đồng cư mà việc làm, thành tựu trọn chẳng giống nhau’.*

Theo lời giải thích của sách Yếu Giải, cõi Phạm Thánh Đồng Cư của thế giới này kém Cực Lạc ở bốn điểm:

a. Tam đồng: cõi này, ba quả vị đầu của Tiểu Thừa chúng A La Hán xong liền nhập tịch diệt. Cơ độ sanh của Đại Quyền Bồ Tát đã hết thì liền chẳng thị hiện nữa. Do đó, phạm phu cõi này chỉ là tạm thời đồng cư, chẳng phải là rốt ráo. Còn đồng cư Tịnh Độ lại có thể cùng các Đại Bồ Tát hội chung một chỗ cho đến khi thành Phật.

b. Khó gặp: Tuy có thánh giả hiện sống trong cõi này nhưng chẳng dễ gặp gỡ, thân cận. Còn ở Cực Lạc đều như thầy, như bạn, sáng, chiều cùng ở.

c. Hiếm hoi: Thánh giả như của quý, như điềm lành, hy hữu khó gặp, còn Cực Lạc thì ‘*có nhiều nhất sanh bổ xứ, số ấy rất nhiều chẳng thể*

*dùng toán số để biết nói, chỉ có thể nói là vô lượng vô biên a tăng kỳ’.*

d. Việc làm chẳng đồng: Trong cõi này, thánh giả đều ở cảnh thánh, còn chúng sanh luân hồi sáu nẻo, thăng trầm vô định. Phạm thánh tuy cùng ở cõi này mà việc làm và thành tựu khác hẳn nhau. Ở Cực Lạc, cùng hết vô minh, cùng lên Diệu Giác, nên biết là đồng cư nơi Tịnh Độ vượt xa đồng cư cõi này vô lượng vô biên.

Hơn nữa, phạm ở cõi này gồm cả ba ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, còn đồng cư cõi kia ‘*chẳng còn có cái tên ác đạo, nữa là thật có!*’ Được vãng sanh, chẳng rớt vào ba ác đạo nữa, vĩnh viễn lìa nẻo ác, chẳng như chúng sanh cõi này trong biển sanh tử, thoát vào thoát ra, thoát chìm, thoát nổi, xoay vần trong ác đạo, hướng đến cái khổ đã lâu.

Về mặt thăng tấn thì như Yếu Giải nói: ‘*Nên biết đại sự nhân duyên của bọn ta: một ải đồng cư thật khó thoát qua nhất*’. Ấy là vì phạm phu cõi đồng cư này phải đoạn hai hoặc: Kiến, Tư mới đắc lậu tận thông, mới vượt khỏi dòng sanh tử, vượt thoát đồng cư tiến lên cõi Phương Tiện Hữu Dư. Đây là vượt tam giới theo chiều dọc, thật là việc khó.

Nay pháp môn vãng sanh bỏ đồng cư ứ độ sanh về đồng cư Tịnh Độ, được sanh Cực Lạc liền đoạn sanh tử nên gọi là “vượt ngang tam giới” (hoành siêu tam giới). Người vãng sanh chẳng đợi đoạn hai hoặc: Kiến, Tư, chỉ cần phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, liền được Phật nguyện ngầm gia bị, quyết được vãng sanh Tịnh Độ. Việc này rất dễ nên gọi đạo dễ hành.

Phương tiện vượt thẳng như thế rất thù thắng hy hữu, mười phương không đâu bằng nổi. Do vậy, cõi Đồng Cư của Cực Lạc vượt xa cõi Phật mười phương.

Lại còn đời nghiệp vãng sanh: dẫu còn là phàm phu chẳng bị thoái chuyển, một đời thành Phật. Thế nên, vãng sanh đồng cư cũng là sanh trọn vẹn bốn cõi vậy.

\* Phương Tiện Hữu Dư độ:

Nếu người niệm Phật dụng công sâu đậm: lia được tâm tạp loạn, chuyên niệm một câu danh hiệu, tâm, miệng tương ưng, từng chữ phân minh, tâm chẳng rời Phật, Phật chẳng rời tâm, niệm niệm tiếp nối chẳng có gián đoạn. Niệm Phật như thế gọi là Sự nhất tâm. Nếu đạt đến cảnh giới này tuy chẳng cầu đoạn hoặc mà kiến, tư phiền não tự nhiên đoạn mất. Từ Đồng Cư ứ độ cõi này sanh ngang sang cõi Phương Tiện Hữu Dư của Cực Lạc.

\* Thật Báo Trang Nghiêm độ:

Nếu nhớ Phật, niệm Phật rành rẽ phân minh, đi, đứng, nằm, ngồi chỉ có một niệm ấy, không còn niệm thứ hai, chẳng bị các niệm tham, sân, phiền não tạp loạn thì gọi là Sự nhất tâm. Trên mặt sự đã đạt nhưng về lý chưa thấu triệt, chỉ thuộc về Định môn, chưa có Huệ môn.

Nếu trên đầu sào trăm thước tiến thêm một bước, nơi bốn tánh mình chợt khế hợp, biết rõ năng niệm, sở niệm chỉ là nhất tâm, chẳng trụ hữu niệm, chẳng rớt vào vô niệm như Sớ Sao viết: *‘Nếu nói là có thì bốn thể của cái tâm năng niệm tự nó là không, đức Phật đang được mình niệm cũng trọn chẳng thể được. Nếu bảo là không thì tâm năng niệm sáng ngời chẳng làm lẫn, đức Phật được niệm phân minh rạng ngời’*.

Vô niệm mà niệm, niệm nhưng vô niệm. Nói, nghĩ dứt bật, chẳng thể gọi tên, mô tả; chỉ là nhất tâm, thể vốn sẵn thanh tịnh, nào có pháp gì tạp loạn được. Đây gọi là Lý nhất tâm, thuộc về Huệ môn, kiêm cả đặc định. Niệm Phật nếu đạt đến lý nhất tâm, phá một phần vô minh thì sanh trong Thật Báo Trang Nghiêm độ, đồng thời chứng một phần Thường Tịch Quang độ.

Thật Báo Trang Nghiêm độ là nơi cư ngụ của Pháp Thân Đại Sĩ. Các vị Đại Sĩ từ Sơ Địa trong Biệt giáo, Sơ Trụ trong Viên giáo trở lên mới được sanh cõi ấy. Phá một phần vô minh, chứng một phần Pháp Thân mới sanh được cõi này.

Bậc Đại Sĩ cõi ấy sắc tâm tự tại, thân và cõi ảnh hiện, trong một đầu lông hiện cõi Bảo Vương. Trong một hạt bụi chuyển đại pháp luân, xúng tánh trang nghiêm vô chướng, vô ngại. Bốn mươi địa vị Pháp Thân Đại Sĩ từ bậc Bồ Tát sơ trụ trong Viên giáo cho đến Đẳng Giác Bồ Tát đều thuộc cõi này. Mỗi địa vị đều chứng một phần Thường Tịch Quang độ.

\* Thường Tịch Quang độ

Cõi Pháp Thân của Phật ngụ được gọi là Thường Tịch Quang. Sách Yếu Giải viết:

*‘Thể của Thật Tướng chẳng tịch chẳng chiếu. Tịch mà hằng chiếu, chiếu nhưng luôn tịch, chiếu mà tịch cưỡng gọi là Thường Tịch Quang. Tịch mà chiếu cưỡng gọi là Thanh Tịnh Pháp Thân’.*

Vì vậy, thân và cõi chẳng hai; đều là cưỡng gọi. Tịch chiếu đồng thời chẳng phải là cảnh suy lường được.

Thêm nữa, ba chữ Thường Tịch Quang phơi bày trọn vẹn ba đức Niết Bàn của Như Lai bí tạng. Thường là Pháp Thân đức vì Pháp Thân thường trụ.

Tịch là Giải Thoát đức vì trần lao vĩnh viễn tịch tĩnh. Quang là Bát Nhã đức do trí quang chiếu khắp.

Đẳng Giác Đại Sĩ phá sạch bốn mươi một phẩm vô minh, liền phá một phẩm sanh tướng vô minh tối hậu, Pháp Thân hiển lộ hoàn toàn, chứng trọn vẹn ba đức, triệt ngộ ngọn nguồn bốn tâm, rốt ráo thanh tịnh, chứng nhập Thường Tịch Quang độ.

Phàm phu đời nghiệp vãng sanh cõi Đồng Cư, do gặp Phật dạy dỗ nên không thoái chuyển. Do thọ mạng vô lượng nên ngay trong một đời ấy đoạn trừ trọn vẹn các hoặc, thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ. Do vậy, sanh cõi Đồng Cư cũng chính là sanh ba cõi trên nên bảo là: “Sanh trọn bốn cõi”.

Lại nữa, trong cõi này (Sa Bà) tu hành khó khăn lắm duyên thoái thất, nên kẻ tu đạo nhiều như lông bò, người đắc đạo hiếm tựa vảy lân. Cự Lạc thành Phật dễ vì không thoái chuyển. Phẩm Vãng Sanh Chánh Nhân trong kinh dạy: *‘Những kẻ vãng sanh đều đắc a duy việt trí, đều đủ ba mươi hai tướng sắc vàng, đều sẽ làm Phật’*.

Cự Lạc hơn hẳn mười phương, trước hết là do phàm phu đời nghiệp: sanh cõi kia rồi liền đắc a duy việt trí. A Duy Việt Trí: Tàu dịch Bất Thoái. Bất Thoái lại có ba nghĩa:



- Vị bất thoái: nhập dòng thánh chẳng đọa địa vị phạm phu.

- Hạnh bất thoái: trừ kiến tư hoặc, dẹp sạch trần sa, luôn độ chúng sanh, chẳng đọa Tiểu thừa.

- Niệm bất thoái: Phá vô minh, hiển Phật tánh, niệm niệm lưu nhập Như Lai quả hải.

Với ba thứ bất thoái trên đây, nếu ở cõi này tu trì thì phải đoạn kiến hoặc như Sơ Quả của Tạng giáo, Kiến Địa của Thông Giáo, Sơ Trụ của Biệt Giáo, Sơ Tín của Viên giáo mới gọi là Vị Bất Thoái.

Bồ tát của Thông giáo, Thập Hương của Biệt giáo, Thập Tín của Viên giáo mới là Hạnh Bất Thoái.

Sơ Địa của Biệt giáo, Sơ Trụ của Viên giáo mới gọi là Niệm Bất Thoái.

Nhưng pháp môn Tịnh Độ hoành sanh siêu việt chẳng thể nghĩ bàn. Hễ vãng sanh rồi chẳng đọa lại địa vị phạm phu là chứng Vị Bất Thoái.

Cõi nước Cực Lạc chỉ có một Phật thừa nên chẳng đọa tiểu thừa, đó là Hạnh Bất Thoái.

Sanh cõi Đồng Cư xong liền cùng sanh ba cõi trên, viên tu viên chứng. Ở trong thế giới ấy, ắt phá vô minh, hiển Phật tánh, chứng Niệm Bất Thoái.

Do Niệm Bất Thoái vượt đủ bốn mươi một nhân vị, một đời thành Phật như sách Yêu Giải chép: *‘Ngũ nghịch thập ác, mười niệm thành tựu đời nghiệp vãng sanh. Kẻ thuộc hạ hạ phẩm đều được ba thứ bất thoái’*. Sách ấy lại viết:

*‘Hiểu như vậy mới có thể tin sâu nguyện lực của Phật Di Đà. Tin Phật lực rồi mới có thể tin công đức của danh hiệu. Tin trì danh rồi mới có thể tin sâu tâm tánh của chúng ta vốn là chẳng thể nghĩ bàn’*.

Hơn nữa, nhân duyên bất thoái nơi cõi Cực Lạc gồm năm điều:

- Một, được Di Đà đại từ nguyện lực nhiếp trì nên chẳng thoái.

- Hai, Phật quang thường chiếu, Bồ Đề tâm tăng tấn nên chẳng thoái.

- Ba, nước, chim, cây cỏ đều diễn diệu pháp, tăng thêm chánh niệm nên chẳng thoái.

- Bốn, thuần các Bồ Tát làm bạn thù thắng, ngoài không ma tà, trong không phiền não nên chẳng thoái.

- Năm, thọ mạng vĩnh kiếp ngang với Phật nên chẳng thoái.

Ôi, thánh đức khó lường, ơn Phật khó báo, Di Đà bi tâm cùng cực, thánh trí khôn tày, từ đây hiện ra cõi Đồng Cư Tịnh Độ dễ sanh về này cho phàm phu. Hành nhân chẳng cần đoạn hoặc, tiêu nghiệp, chỉ cốt tín nguyện trì danh, chí ít mười niệm đều được vãng sanh, vượt ngang tam giới, mãi lia các khổ, chứng địa vị bất thoái, nhất sanh bỏ Phật, siêu tình ly kiến chẳng thể nghĩ bàn. Mười phương thế giới thật không đâu bằng được như vậy nên Cực Lạc được ngàn kinh muôn luận cùng khen ngợi.

Vãng sanh cõi Đồng Cư tức là sanh ngang qua ba cõi trên. Chứng địa vị bất thoái cũng là chứng trọn vẹn ba thứ bất thoái. Niệm niệm phổ lợi quần sanh, tâm tâm lưu nhập biển giác, đó thật là chỗ quy thú của kinh này vậy.

#### **4. Phương tiện lực dụng**

Như kinh Đại Tỳ Lô Giá Na dạy: *‘Bồ Đề là nhân, đại bi là căn, phương tiện là cứu cánh’* thì biết rằng phương tiện độ sanh chính là chỗ kết quy của đại nguyện chư Phật, là điều được đại trí hiển thị, vạn đức trang nghiêm, là chỗ cứu cánh của quả giác. Vì vậy, tiếp sau phần nói về thể tánh, tông thú phải luận về đại lực, đại dụng của phương tiện thắng diệu.

Như kinh Quán Phật tam muội viết:

*‘Phật bảo phụ vương:*

*- Chư Phật xuất thế có ba điều lợi ích:*

*a. Một là miệng nói mười hai bộ kinh là pháp thí lợi ích, trừ được vô minh ám cấu của chúng sanh, mở mắt trí huệ, sanh trước chư Phật, chóng đắc vô thượng Bồ Đề.*

*b. Hai là chư Phật Như Lai có thân tướng quang minh tốt đẹp vô lượng. Nếu có chúng sanh xưng niệm, quán sát, dù là tổng tướng hay biệt tướng, chẳng luận là thân của Phật hiện tại hay quá khứ đều trừ diệt được tứ trọng, ngũ nghịch của chúng sanh, vĩnh viễn thoát khỏi tam đồ, tùy lòng ưa thích thường sanh Tịnh Độ cho đến khi thành Phật.*

*c. Ba là khuyên phụ vương hành Niệm Phật Tam Muội.*

*Phụ vương bạch Phật:*

*- Vì sao chẳng dạy đệ tử thực hành quả đức của Phật địa, Thật Tướng Chơn Như, Đệ Nhất Nghĩa Không?*

*Phật bảo phụ vương:*

*- Quả đức của chư Phật có vô lượng cảnh giới thâm diệu, thần thông giải thoát, chẳng phải là*

*cảnh giới phạm phu thực hành nổi. Vì vậy, ta khuyên phụ vương hành Niệm Phật Tam Muội’.*

Lại chép:

*‘Phật bảo phụ vương: Tâm niệm Phật của hết thầy chúng sanh trong sanh tử cũng giống như vậy, chỉ cốt hệ niệm chẳng ngơi, quyết định sanh ở trước Phật. Một khi được vãng sanh liền có thể cải biến hết thầy các điều ác thành đại từ bi’.*

Theo lời đấng Thích Tôn đại từ chí hiếu khuyên phụ vương trên đây, Phật chỉ khuyên niệm Phật, đủ thấy các hạnh môn khác không phải là không thù thắng, nhưng bọn phạm phu chẳng thể tu nổi. Chỉ có pháp môn dốc lòng niệm Phật thích ứng căn cơ nhất. Chỉ nên tuân lời dạy niệm Phật thì quyết định vãng sanh. Một phen vãng sanh rồi liền chuyển nổi ác thành thiện. Diệu dụng của phương tiện Niệm Phật đã được hiển thị không còn sót.

Theo đoạn kinh Thế Tôn khuyên phụ vương niệm Phật nói trên, hết thầy chúng sanh còn trong sanh tử tâm phải niệm Phật khẩn thiết chẳng ngơi. Ý Phật muốn nói đến cách Trì Danh Niệm Phật trong bốn cách niệm Phật. Niệm Phật có bốn cách: trì danh niệm Phật, quán tượng niệm Phật, quán tướng niệm Phật, và thật tướng niệm Phật.

\* Trì danh niệm Phật:

Chính là điều được kinh này đề cao: xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật. Thiện Đạo đại sư bảo: *‘Chỉ có con đường tắt tu hành là niệm Phật A Di Đà’*.

Các môn tu hành khác gọi là vượt tam giới theo chiều dọc như trùng sanh trong tre: đục dọc theo thân tre khó thoát ra, nên là đạo khó hành. Còn niệm Phật như trùng đục ngang ống tre thời dễ thoát ra, là vượt tam giới theo chiều ngang, gọi là đạo dễ hành. Pháp này được ví như đường tắt, vì phương tiện thẳng chóng, thành công nhanh chóng.

\* Quán tượng niệm Phật:

Bày biện tượng Phật, chú mục ngắm nhìn. Hiềm rằng có tượng mới quán được, rời khỏi tượng lại khó quán: Tịnh nhân dễ mất, giữ cho liên tục càng khó. Vì vậy, cổ đức bảo: *‘Tượng đi rồi lại là không, cho nên trở thành gián đoạn’*.

Vì vậy, cách này chẳng tiện dụng như trì danh niệm Phật, lúc nào, chỗ nào cũng tu được.

\* Quán tướng niệm Phật

Như các phép quán dạy trong Quán kinh: *‘Dùng con mắt trong tâm ta, tưởng đức Như Lai kia’*. Khở nổi, tâm phàm phu tạp loạn, phù động, hiếm có lúc tịnh định, khó nhập pháp quán vi diệu.

Vì vậy, mới nói: *‘Cảnh tế tâm thô, diệu quán khó thành’*.

Do đó, cách này chẳng bằng trì danh tiện dụng dễ hành, chẳng nề thượng trí, hạ ngu, nào luận khổ, vui, rảnh, bận, ai cũng niệm được, kẻ nào cũng hành được.

\* Thật tướng niệm Phật: xa lìa các tướng sanh diệt, có, không, năng sở, ngôn thuyết, danh tự, tâm duyên... chuyên niệm tự tánh vốn sẵn đức Phật thiên chơn. Khôn nổi, chúng sanh chưa thoát luân hồi, tâm sanh diệt niệm niệm tiếp nối như kinh Viên Giác dạy:

*‘Chưa thoát luân hồi mà bàn đến Viên Giác thì tánh Viên Giác ấy cũng bị xoay chuyển. Đã như vậy mà mong thoát được luân hồi thì quyết chẳng thể được’*.

Kinh còn dạy: *‘Huống hồ là tâm cấu trược sanh tử chuyển vẫn chưa từng thanh tịnh, quán Viên Giác của Phật làm sao lãnh hội được’*

Ví như loài trùng rất nhỏ chỗ nào cũng bu được, chẳng thể đậu trên lửa. Ví như tâm chúng sanh, duyên chỗ nào cũng được chỉ chẳng duyên nổi Bát Nhã. Bởi thế, ông Phật của Thật Tướng, tánh Viên Giác tuy chúng sanh sẵn đủ, nhưng bởi vọng tâm niệm niệm sanh diệt nên chẳng quán nổi. Vì vậy, trong kinh Quán Phật Tam Muội, Phật bảo

phụ vương: Bồn đức của chư Phật: chơn như thật tướng v.v... chẳng phải là cảnh giới phạm phu hành nổi nên Phật khuyên phụ vương niệm Phật.

Do những điều trên, thấy được rằng: trong các pháp, pháp môn Niệm Phật được xem là đường tắt, trong bốn phép Niệm Phật, Trì Danh Niệm Phật lại là phương tiện rất ráo nên được gọi là đường tắt nhất trong các đường tắt.

Hơn nữa, bốn cách Niệm Phật khó dễ khác xa nhau, dường như có sâu cạn khác biệt, nhưng thật ra sự-lý bất nhị: sâu chính là cạn, cạn chính là sâu. Nếu được người viên đốn dùng đến thì thâm hợp diệu đạo, còn với kẻ sơ cơ thì cũng về được nhà. Vì vậy, Trì Danh Niệm Phật khác chi Thật Tướng Niệm Phật. Sách Di Đà Sớ Sao viết:

*‘Nói đến Thật Tướng chẳng phải là diệt trừ các tướng, mà chính là ngay nơi tướng thấy được vô tướng. Kinh dạy: “Ngôn ngữ thế tục chẳng trái nghịch Thật Tướng”, lẽ nào vạn đức hồng danh chẳng bằng nổi một lời thế tục sao?’*

Hơn nữa, sách Viên Trung Sao viết:

*‘Ngài Tứ Minh nói: “Nơi quả viên cực, tất cả danh tự mỗi mỗi chẳng hư, rốt ráo thành tựu, vì mỗi điều được nó chiêu cảm đều là chơn thật tột cùng vậy”’.*



Vì vậy, Đại Kinh dạy: “Thế Đế chỉ có cái tên, không có thật nghĩa. Đệ Nhất Nghĩa Đế có cái tên, có thật nghĩa, vì Phật là đệ nhất nghĩa đế vậy”.

Đức Di Đà nay lại đã chứng được Đệ Nhất Nghĩa Đế, nên một phen xưng tụng gia danh (tức hồng danh A Di Đà Phật) vạn đức cùng phô bày. Di Đà vạn đức tuệ nhật đã phô bày trọn vẹn toàn thể thì tội lỗi hắc ám của chúng sanh ngay trong niệm ấy tự nhiên tiêu tan trần kiếp. Tội tánh vốn không, hư dối chẳng thật đã bị tiêu thì công đức xưng danh lớn như hư không tự nhiên sanh ra’.

Căn cứ theo diệu nghĩa trên, một phen xưng danh hiệu công đức còn đến thế, hướng là phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm như trong kinh này. Hơn nữa, trì danh chính là thậm thâm Bát Nhã: niệm đến thuần thục, vạn duyên cùng bỏ hết, năng, sở tiêu sạch thì chính là “vô trụ”. Ngay trong lúc ấy, một câu Phật hiệu rạng ngời, minh bạch, liên tục chẳng dứt thì chính là “sanh tâm”. Đấy vốn là chỗ chúng sanh chưa đạt đến, nay do niệm Phật thắm hợp diệu đạo, chẳng hành mà hành, chẳng đến lại đến. Câu nào cũng là Phật tri kiến, niệm nào cũng tỏa ánh sáng Bát Nhã.

Mật giáo nói: ‘Âm chữ đều là Thật Tướng’ nên niệm tên Phật chính là niệm Thật Tướng! Trì Danh Niệm Phật khác gì Thật Tướng Niệm Phật!

Lại nữa, trong hai kinh Đại, Tiểu, bản dịch Tiểu Bản đời Tần có câu ‘*nhất tâm bất loạn*’, còn Đại Bản không có câu ấy mà chuyên chú ‘*nhất hướng chuyên niệm*’. So sánh hai câu ấy thì điều được đề cao trong Đại kinh là minh xác, lại khế hợp căn cơ của chúng sanh, tỏ rõ ân đức vô cực của đấng Từ Tôn. Sách Di Đà Yếu Giải giảng:

*‘Nếu chấp trì danh hiệu chưa đoạn kiến - tư, do hoặc tán, hoặc định nên trong cõi Đồng Cư, chia làm ba bậc chín phẩm.*

*Nếu trì đến mức sự nhất tâm bất loạn, kiến hoặc hay tư hoặc tùy ý đoạn trước được một thứ thì sanh về cõi Phương Tiện Hữu Dư.*

*Nếu đến mức lý nhất tâm bất loạn, phá toang một phẩm vô minh, cho đến bốn mươi một phẩm thì sanh trong Thật Báo Trang Nghiêm Tịnh Độ, cũng chứng một phần Thường Tịch Quang độ’.*

Nghĩa là: **tán tâm trì danh liền được vãng sanh Đồng Cư Tịnh Độ**. Nếu niệm đến nhất tâm bất loạn liền vãng sanh ba cõi trên. Đây thật là cảnh hạnh của hiền thánh, nào phải khả năng của phàm phu!

Nếu cứ phải nhất tâm bất loạn mới được vãng sanh, thử hỏi chúng sanh trong biển khổ mấy kẻ đắc độ? Hóa ra pháp môn Trì Danh tiện dụng này

cũng là đạo khó hành ư? Sách Tịnh Độ Hợp Tán lại viết:

*‘Nương theo kinh này phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm mới được nhất tâm bất loạn. Chẳng thể chuyên niệm thì thật khó nhất tâm’.*

Tổng hợp hai ý kiến trên, thấy rằng kinh này lấy phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm làm Tông, hiển lộ trọn vẹn bốn tâm của bậc đạo sư hai cõi và thập phương Như Lai, nguyện thù thắng vô tận của đức Di Đà: phương tiện đại từ tốt bậc, lực dụng của quả đức khó lường thâm trọn phạm thánh, độ khắp lợi, đôn. Dưới đến thập ác ngũ nghịch, nga qui, súc sanh, chỉ cần phát tâm chuyên niệm ắt được độ thoát. Rộng độ hết thảy hàm linh, khắp ban cái lợi chơn thật.

Đại ân, đại đức, đại nguyện, đại lực, đại dụng độ sanh vi diệu khó suy nghĩ nổi. Có như thế mới xứng bốn hoài của Như Lai, mới là phương tiện rất ráo.

## **5. Các căn khí được kinh này hóa độ**

Phần trên đã nói kinh này rộng thâm vạn loại, phủ độ ba căn, nay sẽ giải thích rõ: trong vạn loài, loài nào là khí, trong ba căn, căn nào là đương cơ?

Căn khí có thị khí (căn khí thích hợp) và phi khí sai khác. Căn khí rò bề chẳng kham nhận nổi

mưa pháp thì gọi là phi khí (chẳng phải là căn khí thích đáng). Sách Sớ Sao viết: *‘Trước hết là ba loại phi khí: kẻ không có lòng tin, kẻ không có nguyện, kẻ không hạnh. Không phải ba thứ trên thì là khí’*.

Tín là tin rằng chúng sanh và Phật chẳng hai, tâm này là Phật, tâm này làm Phật, chúng sanh niệm Phật nhất định vãng sanh rốt ráo thành Phật. Nguyện là chán nhàm Sa Bà, ưa thích, hâm mộ Cực Lạc như con nhớ mẹ, quyết sẽ vãng sanh. Hạnh là từ nguyện khởi hạnh nhất hướng chuyên niệm chẳng gián đoạn.

Ba điều trên đây gọi là tư lương. Tư lương nếu khuyết khó bề tiến tới. Ba thứ: tín, nguyện, hạnh thiếu một thứ chẳng được, như ba chân của cái đỉnh: thiếu một chân, đỉnh phải đổ. Cái đỉnh thiếu một chân chẳng phải là Khí. Sách Sớ Sao lại viết:

*‘Lại nữa, người đời tuy hành các điều thiện mà với cõi kia không có tín, nguyện, hạnh, cũng chẳng phải là khí. Tuy có các làm lỗi mà với cõi kia có tín nguyện hạnh thì cũng gọi là khí’*.

Luận về cơ, có đương cơ và bất đương cơ sai khác. Trong ba căn, căn nào là đương cơ thích hợp nhất? Xưa có nhiều thuyết, nay sẽ xét rõ. Năm thời thuyết pháp của đức Thế Tôn đều là tùy cơ mà thiết

lập giáo pháp, theo bình cho thuốc. Nói chung, các vị Bồ Tát là đương cơ của kinh điển Đại thừa, Nhị Thừa là đương cơ của kinh sách Tiểu Thừa.

Chỉ có Tịnh Độ kỳ đặc, thù diệu, lập riêng phong cách. Từ xưa đã có nhiều thuyết, ở đây xin nêu ba thuyết:

### 5.1 Thượng bối vãng sanh chỉ là Bồ Tát

Trong kinh này, với ba bậc vãng sanh, mỗi bậc lại chia thành ba phẩm giống như chín phẩm trong Quán kinh. Chư sư cổ đức trước thời ngài Thiện Đạo đời Đường cho rằng thượng thượng phẩm vãng sanh Cực Lạc là Bồ Tát từ Tứ Địa đến Thất Địa; thượng trung phẩm là Sơ Địa cho đến Tứ Địa Bồ Tát; thượng hạ phẩm là Đại Thừa chủng tánh cho đến Sơ Địa Bồ Tát. Trung phẩm thượng sanh là Tiểu Thừa tam quả.

Nếu hiểu như vậy, trong chín phẩm, thượng phẩm chỉ có Bồ Tát, thánh chúng mới sanh nổi, Tiểu thánh sanh về trung thượng phẩm. Với bốn phẩm từ thượng thượng đến trung thượng, phàm phu tuyệt chẳng có phần.

### 5.2 Vốn vì phàm phu, kiêm vì thánh chúng

Thiện Đạo đại sư trong tác phẩm Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ (Quán Kinh Nghĩa Sớ) đã phá thuyết trên như sau: *Như Lai nói mười sáu pháp quán này chỉ vì độ thoát chúng sanh thường chìm đắm,*

*chẳng can hệ tới các bậc thánh Đại thừa, Tiểu thừa'. Ý ngài cho rằng: Phật giảng chín phẩm vãng sanh trong Quán kinh chỉ là vì chúng sanh trầm luân, chẳng vì Bồ Tát, A La Hán.*

Ngài còn viết:

*'Lại xét văn nghĩa phần Định Thiện và ba bậc vãng sanh thượng, hạ trong Quán kinh, ta thấy đều là vì bọn ngu trước phạm phũ sau khi Phật diệt độ. Chỉ do gặp duyên sai khác mà có chín phẩm sai biệt. Vì sao?*

*Ba bậc thượng phẩm là phạm phũ gặp duyên Đại thừa. Ba bậc trung phẩm là phạm phũ gặp duyên Tiểu thừa. Ba bậc hạ phẩm là phạm phũ gặp ác duyên'.*

Ngài còn viết thêm:

*'Nay với mỗi điều nêu kinh văn chứng minh rõ ràng ngộ hậu phạm phũ thiện ác hiện tại cùng được hưởng chín phẩm, sanh lòng tin vô ngại, nương nguyện lực Phật đều được vãng sanh'.*

Hơn nữa, trong phần Hành Quyển Kế khai thị căn cơ của kinh Đại Vô Lượng Thọ có viết: *'Căn cơ kinh này là hết thấy phạm ngu thiện, ác, đại, tiểu'.*

Thuyết của đại sư, trên: khế hợp thánh tâm, dưới: tương hợp các căn cơ, thật có công lớn với Tịnh Độ. Vì vậy, phần lớn các sư Trung Hoa, Nhật Bản đề cao thuyết này, như sách Hợp Tán của Nhật viết: *‘Mười phương chúng sanh, ba bậc chúng sanh trong nguyện thứ mười tám đều là cụ phước phạm phu. Bọn họ là căn cơ’*.

Sách còn viết rằng: *‘Như ngài Nguyên Hiếu viết: ‘Bốn mươi tám đại nguyện trước hết vì phạm phu, sau kiêm vì tam thừa thánh nhân’*, cho nên *tổng ý của Tịnh Độ vốn vì phạm phu kiêm vì thánh nhân’*.

Điểm diêu yếu của thuyết này là hiển thị trực tiếp bi nguyện độ sanh vô tận của Như Lai, quét sạch tâm khiếp lui của phạm phu, khắp làm cho họ chánh tín pháp này phát tâm niệm Phật, nương Phật nguyện lực đều được vãng sanh.

### 5.3 Chuyên tiếp thượng căn, bàng cập trung hạ

Thuyết này xét về mặt văn tự tựa hồ trái nghịch với thuyết thứ hai, tương đồng thuyết thứ nhất. Thật ra, nó tương đồng thuyết thứ hai, nhấn mạnh phạm phu chúng ta đều có thể thẳng lên chín phẩm, nên về căn bản, nó trái nghịch thuyết thứ nhất. Bảo rằng ‘chuyên tiếp thượng căn’ là sợ bọn kiến giải hời hợt trong đời thường nghĩ Tịnh tông là

hạnh của lũ ông già bà cả bèn xem thường, cho nên phải lập ra thuyết này để cứu vớt họ.

Sách Di Đà Sớ Sao nói:

*‘Lại nữa, Khởi Tín Nhân Duyên Phận Sớ nói rõ bậc Sơ Tâm của Tín Vị có bốn căn cơ: dùng lễ bái, sám hối diệt tội để độ sơ cơ, dùng tu tập Chỉ Quán độ trung cơ, dùng cầu sanh Tịnh Độ tiếp độ thượng cơ. Sơ cơ là chúng sanh nghiệp chướng, trung cơ là phàm phu Nhị Thừa. Vì vậy, biết rằng **Tịnh Độ là pháp tu của Đại Thừa Bồ Tát** vậy’.*

Sách Di Đà Yếu Giải còn cho rằng Trì Danh là *‘pháp môn thâm diệu, phá sạch hết thảy những hý luận, đoạn sạch hết thảy ý kiến, chỉ có những bậc như Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả mới triệt để gánh vác nổi’.*

Do một pháp Trì Danh là pháp môn vô thượng chí viên chí đốn chẳng thể dùng phân biệt suy lường để hiểu nổi, nên bảo là thâm diệu. Chỉ một bề mà niệm, chẳng cần đến phương tiện khác, chẳng vướng vào suy lường, trực khởi, trực dụng, tự được tâm khai, ngay khi ấy phá sạch hý luận, trừ sạch hết thảy phân biệt so đo, nên nói: pháp thâm diệu như vậy chỉ có hàng nhục thân Đại Sĩ như Mã Minh v.v... mới trực tiếp lãnh hội được, mới triệt để gánh vác nổi.



Đại sĩ Mã Minh người xứ Đông Thiên Trúc, truyền Phật tâm ấn, là tổ thứ mười hai của Thiên tông, trung hưng Đại Thừa, soạn Đại Thừa Khởi Tín Luận. Cuối luận, khuyên chúng sanh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Đại sĩ Long Thọ người Nam Thiên Trúc, là tổ mười bốn của Thiên tông, thân cận Kim Cang Tát Đỏa, lại thành tổ của Mật giáo. Ngài vào long cung đem kinh Hoa Nghiêm về nên thành tổ của tông Hoa Nghiêm. Lại rộng tạo các luận, cực lực hoằng dương Tịnh Độ. Kinh Lăng Già huyền ký rằng: ngài chứng Hoan Hỷ Địa vãng sanh Tịnh Độ, cho nên là tổ của Tịnh Độ tông. Trung Hoa gọi ngài là tổ của tám tông vì các tông Thiên Thai, Pháp Tướng, Nam Sơn, Tam Luận cũng đều coi ngài là tổ khai tông.

Trí Giả đại sư tụng Pháp Hoa, thân tâm rộng rang, được nhập Pháp Hoa tam muội, đích thân thấy một hội Linh sơn nghiêm nhiên chưa tan. Sau ngài trụ núi Thiên Thai, sáng lập Thiên Thai tông. Lâm chung nằm nghiêng trên hông phải, mặt hướng về tây, xưng niệm A Di Đà Phật và Quán Thế Âm mà tịch.

Vĩnh Minh đại sư được ngài Thiệu quốc sư của Thiên Thai tông phát minh tâm yếu, trở thành đích tôn của tông Pháp Nhãn. Sau đó, ngài chuyên chí nơi Tịnh tông: mỗi ngày tụng hồng danh mười

vạn câu, kiêm hành nhật khóa một trăm lễ tám việc, được Quán Âm Đại Sĩ dùng cam lộ rưới vào miệng, diệu huệ phát khởi, viết Tông Kính Lục gồm một trăm quyển và Tâm Phú Chú, Vạn Thiện Đồng Quy... giơ cao đuốc pháp chiếu sáng muôn đời. Năm bảy mươi hai tuổi, ngài thấp hương, giã biệt đồ chúng, ngồi mà quy Tây.

Bốn vị đại đức trên đều là nhục thân Đại Sĩ, là pháp môn long tượng. Sách Yếu Giải bảo chỉ có những người như vậy mới có thể triệt để đảm nhiệm pháp môn Tịnh Độ. Những học nhân gần đây há có nên dùng cái thấy biết thế tục để coi khinh pháp môn Tịnh Độ hay không?

Sách Yếu Giải còn viết:

*‘Vì vậy, một tiếng A Di Đà Phật chính là pháp để đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác trong đời ác ngũ trược của Bốn Sư Thích Ca, nay ngài đem toàn thể Quả Giác trao cho chúng sanh trược ác. Cảnh giới sở hành của chư Phật chỉ có Phật với Phật mới hiểu rõ ráo, chẳng phải tự lực của cửu giới tin hiểu nổi’.* Do câu này, ta thấy pháp môn Niệm Phật thật là pháp thâm diệu vô thượng, chỉ có bậc thượng căn mới có thể trực tiếp gánh vác.

Thêm nữa, phẩm Bồ Tát Vãng Sanh của kinh Vô Lượng Thọ có chép:

*‘Nếu chỉ nói ra danh tự của mười phương thế giới, danh hiệu chư Phật [trong các cõi ấy] và danh hiệu của Bồ Tát [trong cõi ấy] được vãng sanh thì hết cả kiếp cũng chẳng nói hết’.*

Phẩm Thọ Bồ Đề Kỳ lại chép: *‘Do chẳng nghe được pháp này, có một ức Bồ Tát thoái chuyển Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác’.*

Kinh Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới cũng nói: *‘Bồ Tát rõ thấu chư Phật và hết thấy pháp đều duy tâm lượng, đắc tùy thuận nhẫn hoặc nhập Sơ Địa, bỏ thân rồi mau sanh thế giới Diệu Hỷ hay cõi Phật Cực Lạc thanh tịnh’.*

Sách Di Đà Sớ Sao ghi: *‘Nên biết niệm Phật là cha của Bồ Tát sanh ra Pháp Thân, cho đến bậc Thập Địa từ đầu đến cuối chẳng lìa niệm Phật. Lẽ đâu bọn Sơ Tâm tự mãn chẳng nguyện vãng sanh’.* Đủ thấy pháp môn Tịnh Độ thật rất khế hợp căn cơ Bồ Tát.

Do những điều trên thấy được rằng: Trì Danh Niệm Phật là pháp quả giác nhân tâm, chỉ có Phật với Phật mới hiểu tột cùng thể dụng. Pháp ấy vô thượng thâm diệu rộng sâu như biển. Tắm gội trong đó: kẻ hạ căn lội chỗ cạn gần bờ, thân vẫn ở trong biển cả, cũng hưởng cái vui tắm nước biển. Nếu muốn tột cùng đáy biển chỉ đành cậy bậc thượng căn lợi trí. Có lặn xuống nước làm việc, thâm nhập

đáy biển mới biết nổi biển rộng sâu vô lượng. Vì vậy, mới bảo là chuyên tiếp thượng căn, kiêm tiếp độ trung căn, hạ căn.

Hai thuyết thứ hai và thuyết thứ ba cách hành văn tuy khác nhưng ý nghĩa tương đồng, khác nào Lô sơn: nhìn ngang thành răng, nhìn nghiêng thành ngọn. Tướng hiện ra có sai khác, bốn thể chỉ một. Nói chung, vẫn chỉ là một núi Lô sơn. Do đó, văn tự của hai thuyết tuy khác mà thật đều xiển minh bi trí vô lượng của đạo sư hai cõi, phước huệ đều viên mãn.

Nói “chuyên tiếp thượng căn” chính là hiển thị Như Lai đại trí đại huệ. Pháp môn Tịnh Độ này là do Di Đà trụ chơn thật huệ, từ chơn thật tế mà khai hóa hiển thị. Vì vậy, chỉ có Phật và Phật mới hiểu cùng tột.

Biển nguyện Nhất Thừa của Di Đà, sáu chữ hồng danh, viên dung đủ các đức, siêu tình, ly kiến, toàn thể là nhất chơn pháp giới sự lý vô ngại, sự sự vô ngại, nên chẳng thể dùng suy lường phân biệt biết nổi, lời nói, chữ nghĩa chẳng diễn tả nổi; cho nên nói: *‘Chẳng phải tự lực của cứu giới tin hiểu nổi’*. Hành nhân nếu có thể với pháp thậm thâm vô thượng vi diệu này sanh một chút tin hiểu, kẻ ấy đã là thượng căn nên nói là ‘chuyên tiếp thượng căn’.

Đồng thời, Như Lai từ nơi chơn thật huệ khai diễn pháp môn này là muốn ban cho chúng sanh cái lợi chơn thật, nên pháp môn này thật là phương tiện rất ráo, độ cả ba căn, trọn làm cho hết thấy phàm ngu ác trước chúng sanh trong hiện tại, tương lai đều lên được bờ kia. Vì vậy, pháp thậm thâm này cũng ‘kiêm tiếp độ trung căn, hạ căn’.

Nói “chuyên tiếp độ phàm phu” là để hiển thị đại từ đại bi của Như Lai. Thế Tôn nghĩ thương chúng kẻ phàm ngu đời mạt chướng sâu, khổ nhiều bèn phát đại nguyện sâu rộng vô thượng. Vì vậy, gọi là nguyện vương. Cốt lõi của đại nguyện chính là nguyện thứ mười tám. Kinh chép:

*‘Thập phương chúng sanh nghe danh hiệu ta, chí tâm tin ưa, tất cả thiện căn tâm tâm hồi hướng, nguyện sanh cõi ta, chỉ ít mười niệm, nếu chẳng sanh, chẳng lấy Chánh Giác. Chỉ trừ ngũ nghịch, phỉ báng chánh pháp’.*

Do phàm phu trong sanh tử tâm mê rong ruổi theo cảnh, trầm luân biển khổ, thoát vào, thoát ra, nếu không có đại nguyện mười niệm ắt được sanh này, họ còn biết do đâu thoát khỏi luân hồi? Vì vậy, đức Phật vì chúng sanh lắm chướng ban riêng phương tiện, khai pháp dễ hành này; thậm chí đến lúc kinh diệt, đặc biệt lưu lại kinh này để làm thuyền bè. Do đó, bảo là ‘chuyên vì phàm phu’.

Hơn nữa, kinh Tỳ Lô Giá Na trong Mật điển chép: *‘Đại bi làm căn, Bồ Đề làm nhân, phương tiện làm cứu cánh’*. Câu này chỉ rõ: pháp phải có phương tiện độ sanh rốt ráo mới là Quả Giác rốt ráo của Như Lai.

Vì vậy, phương tiện rốt ráo “mười niệm ắt vãng sanh” thật là do phương tiện xử tối cực thành tựu rốt ráo của đức Di Đà, chính là ý *‘đối với định huệ, Như Lai đã thấu suốt đến cùng cực’* trong kinh này.

Người đời nay sao nữ vì pháp này dễ hành mà khi dễ! Ví như máy ti vi màu, máy cassette, máy tính điện tử đều phải an toàn dễ dùng. Dẫu kẻ không biết tí gì về khoa học kỹ thuật, nhân nút một cái liền có thể hưởng thụ thành quả khoa học hiện đại nhất. Do an toàn dễ dùng, người đời liền khen là kỹ thuật tiên tiến. Cùng một lý đó, sao nữ vì Trì Danh dễ thực hành bèn coi rẻ pháp môn này!

Nên hiểu rõ điểm chú trọng của hai thuyết trên: Thuyết thứ hai khen ngợi pháp môn Tịnh Độ độ khắp các căn, nhưng đặt nặng việc tế độ phàm phu. Thuyết thứ ba nêu cái thâm diệu của pháp môn Trì Danh: chỉ có bậc thượng căn mới triệt để gánh vác nổi. Nên hiểu thấu suốt như thế, đừng chấp chặt văn tự.

Pháp môn đã khéo phù hợp ba căn như sách Yếu Giải viết: *‘Thượng thượng căn chẳng vượt ải này, hạ hạ căn cũng có thể đạt đến’*, gồm thâm thánh phạm, lợi, độn đều thích ứng.

Sách Di Đà Sơ Sao cho rằng pháp môn này *‘nhiếp trọn các căn lợi, độn, đều độ thoát cả’*. Lại bảo:

*‘Các pháp môn khác: cao thì hạ căn tuyệt phận, thấp thì chẳng tương hợp thượng căn. Vì thế, trong hội Hoa Nghiêm như đui, ánh lửa đóm rói rắm thêm. Chỉ có một pháp này thâm cả thượng, hạ, có thể gọi là thuốc A Già Đà trị vạn bệnh, lò đúc thành ngàn vật’*.

Lại viết: *‘Chỉ niệm tên Phật ắt sanh cõi ấy thì dù cao hay thấp, hoặc thánh hoặc phạm, cho đến hoặc tin, hoặc ngờ, hoặc khen, hoặc chê, hễ biết có đức Phật ấy liền thành thiện căn. Nhiều kiếp nhiều đời đều được giải thoát’*.

Còn trong hiện tại, nếu hỏi ai là kẻ đương cơ thì đáp rằng chẳng luận nam, nữ, già, trẻ, phú quý, bần tiện, thượng trí, hạ ngu, tu lâu, mới tu, túc căn lợi, độn, thiện ác sai biệt, chỉ cốt với pháp môn này sanh lòng tin thật sự, do tin phát nguyện, từ nguyện khởi hạnh, phát tâm Bồ Đề, nhất hướng chuyên niệm, những người như vậy đúng là đương cơ.

## 6. Tạng giáo sở nhiếp

Phàm nghiên cứu kinh điển, trước hết phải biết kinh này thuộc tạng nào, được nói trong thời nào, phán định thuộc giáo nào? Biết rõ các điều ấy sẽ giúp ích cho việc lý giải toàn kinh.

Về sự phán định một đời thánh giáo, ý kiến các nhà khác nhau. Nói tóm tắt là: tam tạng, nhị tạng, ngũ thời, nhị giáo và tứ giáo, ngũ giáo. Hề giải thích kinh, trước hết cần phải phán định rõ ràng: Kinh này trong tam tạng thuộc về Kinh tạng. Trong nhị tạng thuộc Bồ Tát tạng. Trong ngũ thời thuộc thời Phương Đăng, trong nhị giáo thuộc Đốn giáo, trong tứ giáo và ngũ giáo thuộc Viên giáo.

### 6.1. Tam tạng

Đại Thừa Nghĩa Chương giải thích chữ Tạng là: *'Bao hàm, chứa đựng sâu xa thì gọi là Tạng'*. Kinh điển bao hàm, chứa đựng hàm súc văn nghĩa nên gọi là Tạng.

Một là Kinh tạng, tiếng Phạn là Tu-đa-la, Tàu dịch là Khế kinh. Hai là Luật tạng, tiếng Phạn là Tỳ-nại-da, Tàu dịch là Điều Phục. Ba là Luận tạng, tiếng Phạn là A-tỳ-đạt-ma, tàu dịch là Đối Trị.

Trong ba tạng Kinh, Luật, Luận, kinh này thuộc Kinh tạng.



## 6.2. Nhi tạng

Trí Độ Luận chép:

*‘Tuy cùng là một môn giải thoát mà có tự lợi, lợi người sai khác, thế nên có Tiểu thừa, Đại thừa sai khác. Do vì có hai hạng người nên với lời Phật dạy, dùng văn tự, ngữ ngôn chia thành hai thứ’,* tức là Thanh Văn tạng và Bồ Tát tạng.

Thánh giáo tuy nhiều, chẳng ngoài hai loại này (Duyên Giác tính gộp vào Thanh Văn, nên chỉ có hai tạng).

Sớ giải của ngài Tịnh Ảnh Huệ Viễn viết:

*‘Ngài Long Thọ nói: Sau khi Phật diệt độ, Ca Diếp, A Nan ở thành Vương xá kết tập pháp tạng thành Thanh Văn tạng. Văn Thù, A Nan nơi núi Thiết Vy kết tập Ma Ha Diễn (đại thừa) thành Bồ Tát tạng.*

*Ngài Trì Địa cũng nói: Phật vì Thanh Văn, Bồ Tát hành đạo thoát khổ nói tu-đa-la. Người kết tập kinh chia thành hai tạng. Kinh nói về hạnh của Thanh Văn làm thì là Thanh Văn tạng. Kinh nói về hạnh Bồ Tát là Bồ Tát tạng’.*

Kinh này rộng diễn Đại thừa, trình bày tường tận về tín nguyện vãng sanh, nhân quả thù thắng, cõi Phật Tịnh Độ, y chánh trang nghiêm, nguyện

hải vô biên của Phật Di Đà, đạo phổ độ khắp các chúng sanh nên thuộc về Bồ Tát tạng.

### 6.3. Ngũ thời

Thiên Thai đại sư dựa vào kinh Niết Bàn, chia cả đời giáo hóa của Như Lai thành năm thời:

a. Một là trong hai mươi một ngày đầu tiên, nói kinh Hoa Nghiêm là thời Hoa Nghiêm.

b. Thứ hai, trong mười hai năm kế tiếp, nơi vườn Lộc dã v.v... giảng bốn kinh A Hàm của Tiểu thừa là thời A Hàm.

c. Thứ ba, trong tám năm kế tiếp, nói các kinh Duy Ma, Đại Tập, Lăng Nghiêm v.v... và kinh này, chỉ trích thiên giáo, bài trừ tiểu giáo, khen ngợi Đại thừa, cổ võ Viên giáo. Nói rộng (Phương) bốn giáo: Tạng, Thông, Biệt, Viên; bình đẳng (Đẳng) độ khắp các căn cơ, nên gọi là thời Phương Đẳng.

d. Thứ tư, lại trong hai mươi hai năm kế đó, nói các kinh Đại Bát Nhã, gọi là thời Bát Nhã.

e. Thứ năm, trong tám năm sau cùng, nói kinh Pháp Hoa, một ngày một đêm nói kinh Niết Bàn, cứu giới, tam thừa đều được thọ ký, chẳng luận Đại, Tiểu đều được thành Phật. Thời này gọi là thời Pháp Hoa - Niết Bàn.

Ta nói kinh này thuộc thời Phương Đăng thứ ba. Hơn nữa, kinh này được đức Thế Tôn nhiều phen tuyên thuyết nên chẳng thể hạn cuộc trong một thời nào.

#### 6.4 Phán giáo

##### 6.4.1. Tứ giáo và ngũ giáo

Các sư xưa nay phán định giáo tướng nói chung có 12 nhà, nhưng nổi tiếng nhất là thuyết Tứ Giáo của ngài Thiên Thai lập ra và Ngũ Giáo của tông Hiền Thủ.

Tứ Giáo theo Thiên Thai là Tạng, Thông, Biệt, Viên:

a. Một là Tạng giáo, cũng gọi là Tiểu thừa giáo.

b. Hai là Thông giáo, tức là trong Đại thừa nói thông cả ba thừa, độ chung ba căn.

c. Ba là Biệt giáo chỉ cho giáo pháp được nói trong kinh Đại thừa chẳng thông với Tiểu thừa.

d. Bốn là Viên giáo, tức là pháp giới tự tại viên mãn đầy đủ: một là hết thảy, hết thảy là một, vô ngại pháp môn v.v...

Tông Hiền Thủ phán giáo như sau: ‘*Thánh giáo muôn phần sai khác, nhưng chính yếu chỉ có*

*năm loại: Tiểu Thừa Giáo, Đại Thừa Thi Giáo, Chung Giáo, Đốn Giáo, Viên Giáo’.*

\* Tiểu thừa giáo: Chỉ nói về nhân không, dù có nói đôi chút về pháp không cũng chẳng minh xác, do chưa tột cùng nguồn pháp.

\* Đại thừa Thi giáo: chưa dạy nghĩa lý: tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, chẳng hứa khả định tánh xiển đề sẽ thành Phật, chưa bàn đến điểm cùng tột của Đại thừa; nên gọi là Thi (bất đầu).

\* Chung giáo: Do Trung Đạo diệu hữu, định tánh xiển đề đều sẽ thành Phật mới là nói đến chỗ cùng tột của Đại thừa; nên gọi là Chung (cuối cùng).

\* Đốn giáo: chỉ nói chơn tánh. Một niệm chẳng sanh thì gọi là Phật. Chẳng nương theo địa vị để nói theo thứ lớp, nên gọi là Đốn. Như kinh Tư Ích dạy: ‘*Đắc thuyết pháp chánh tánh là chẳng từ một địa vị này sanh lên một địa vị khác*’. Kinh Lăng Nghiêm dạy: ‘*Sơ Địa chính là Bát Địa, nhãn đến không có gì là thứ lớp cả*’.

\* Viên giáo: gộp chung cả bốn loại trên, viên mãn đầy đủ, giảng về vô tận pháp giới, tánh hải viên dung, duyên khởi vô ngại, tương tức, tương nhập, lưới Đế Thích trùng trùng (8), chủ bạn giao tham (9) vô tận, vô tận. Một địa vị chính là hết thầy

địa vị, hết thấy địa vị chính là một địa vị. Vì vậy, thập tín mãn tâm chính là gồm trọn hết thấy địa vị, viên thành chánh giác.

#### 6.4.2 Nhị giáo

Trên đây, tuy cách phán giáo khác nhau, nhưng ý kiến của các nhà chẳng ngoài hai giáo: Tiệm, Đốn. Hai thuyết Thiên Thai, Hiền Thủ cũng đều dùng Tiệm, Đốn để chia thành tứ giáo, ngũ giáo. Ngũ Giáo Chương chép:

*‘Hoặc chia làm hai, tức là: Tiệm, Đốn. Do trong hai giáo Thử, Chung, tất cả giải hạnh đều ở ngôn thuyết, địa vị có thứ lớp, nhân quả nương dựa nhau, từ nhỏ nhiệm đến phức tạp nên gọi chung là Tiệm. Ngôn thuyết đốn tuyệt, lý tánh đốn hiển, giải hạnh đốn thành, một niệm chẳng sanh chính là Phật v.v... thì gọi là Đốn’.*

Sư Huệ Viễn đời Tùy của Trung Hoa (tức ngài Tịnh Ảnh) phán định kinh này như sau:

*‘Nay kinh này, trong hai tạng thuộc về Bồ Tát tạng, là pháp môn Đốn Giáo dành cho người căn cơ chín mươi. Vì sao biết là Đốn? Kinh này chính vì người trong hàng phàm phu nhằm sợ sanh tử cầu chánh định, dạy họ phát tâm sanh về Tịnh Độ, chẳng từ Tiểu thành Đại, cho nên biết là Đốn’.*

Sư Đại Hựu đời Minh phán định kinh Tiêu Bản như sau: *‘Về phương diện Tiệm Đốn, kinh này*

*thuộc Đốn giáo*'. Các sư Trung Hoa đa phần phán định hai kinh Tiểu Bản, Đại Bản theo thuyết này. Vì vậy, trong hai giáo Đốn, Tiệm, kinh này thuộc Đốn giáo.

Trên đây, là dựa theo Đốn, Tiệm mà phán định.

Nếu theo thuyết Ngũ Giáo: Tiểu, Thi, Chung, Viên, Đốn của ngài Hiền Thủ để phán định giáo tướng của kinh này thì các bậc đại đức Tịnh Tông Trung Hoa và ngoại quốc xưa nay tuy nhân duyên chẳng giống nhau, nhưng ý kiến chỉ sai khác đôi chút. Theo họ, thật ra kinh này không những chỉ thuộc về Viên Đốn giáo, mà còn là đốn nhất trong các kinh Đốn giáo, viên nhất trong các kinh Viên giáo.

Cư sĩ Bàn Nhị Lâm (Tế Thanh) trong cuốn Khởi Tín Luận nhận định kinh này như sau: *'Kinh Vô Lượng Thọ là viên giáo xướng tánh của Như Lai'*. Thầy Thích Đạo Ân người Nhật trong tác phẩm Vô Lượng Thọ Kinh Bình Giải phán ngay rằng: *'Bốn nguyện Nhất Thừa đốn cực đốn tốc, viên dung viên mãn'*.

Đa số các vị đại đức người Nhật cũng nghĩ như vậy. Sách Đại Kinh Thích viết:

*‘Thiên Thai, Chơn Ngôn tuy mang tiếng là Đốn giáo, nhưng cần phải đoạn Hoặc rồi mới chứng lý nên còn là Tiệm giáo. Giảng rõ phạm phu chưa đoạn Hoặc, vượt thẳng khỏi tam giới thì chỉ riêng có giáo pháp này; nên giáo pháp này là đốn nhất trong Đốn giáo.’*

Ngài Nhật Khê lại bảo:

*‘Các giáo pháp của thánh đạo về lý thì viên dung, nhưng về mặt lợi ích còn cách ngại, thiên lệch; bởi khó tìm được căn cơ Đốn Giáo. Vì vậy, về giáo pháp thì viên dung, nhưng xét trên căn cơ lại thành Tiệm. Bảo Tịnh Độ là viên đốn vì lợi ích nhanh chóng viên mãn.’*

Nghĩa là:

Các thánh giáo khác tuy đủ lý viên dung, nhưng căn cơ chúng sanh thô thiển, chẳng rõ hiểu nổi ý chỉ, không cách chỉ lãnh hội, khởi hạnh để hưởng được lợi ích của pháp. Vì vậy pháp tuy là viên đốn, nhưng do căn cơ hành nhân cạn cợt, đốn pháp thành tiệm, viên pháp thành thiên lệch. Còn Tịnh Độ chẳng giống vậy, ai cũng hành được, đều được cái lợi chơn thật, chẳng nhọc đoạn hoặc vượt thẳng khỏi tam giới nên thật là giáo pháp viên mãn, đốn nhất trong Đốn giáo.

Thêm nữa, sách Viên Trung Sao chép:

*‘Pháp môn viên đốn trước hết cũng cần phải khai ngộ, viên giải, rồi kể đó mới tu hành viên mãn, phá tam hoặc mới chứng nôi viên quả để đạt đến bất thoái.*

*Nay pháp này chỉ nói hai báo: y, chánh cõi kia để khai giải sanh lòng tin, bảy ngày trì danh, nhất tâm bất loạn, dùng đây để làm phương cách tu hành. Lúc lâm chung liền được vãng sanh, được bất thoái chuyển.*

*Vì thế, thấy được rằng kinh này là đề hồ vô thượng trong đời ác ngũ trược’.*

Đủ thấy, ý của Viên Trung Sao cũng gần giống với ý kiến của các bậc đại đức người Nhật vừa dẫn ở phần trên.

Hơn nữa, gọi kinh này là vô thượng đề hồ, tự nhiên kinh này phải là giáo pháp khế lý, khế cơ, viên đốn cùng cực vậy. Vì vậy, bộ Ngốc Sao của Nhật viết:

*‘Vả lại, Đốn Giáo có nhị giáo, nhị siêu.*

*Nhị giáo thì:*

*- Một là Thật giáo là đạo khó hành, tức là các giáo pháp Phật tâm, Chơn Ngôn, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm v.v...*



- Hai là Tịnh Độ bốn nguyện là đạo dễ hành, như Đại Thừa Vô Lượng Thọ v.v... Về nhị siêu thì, một là thụ siêu (siêu theo chiều dọc), hai là hoành siêu (siêu theo chiều ngang)’.

Sách Bình Giải giảng rằng: ‘Do tự lực tu đoạn nên gọi là thụ siêu. Tịnh độ bốn nguyện là pháp thật sự do tha lực siêu việt thành Phật nên gọi là hoành siêu.... Trong các đốn pháp của hoành siêu, trì danh là đốn nhất trong các đốn’.

Các vị đại đức trên đây đều tuân theo thuyết của Thiện Đạo đại sư, phán định kinh này là giáo pháp đốn cực, đốn tốc, viên dung, viên mãn. Chẳng hạn như sách Bình Giải xưng tụng kinh này là ‘chuyên bậc nhất trong các chuyên, đốn bậc nhất trong các đốn, chơn bậc nhất trong các chơn, viên bậc nhất trong các viên’, là ‘giáo pháp dứt bật đối đãi bất nhị, là đạo Nhất Thừa chơn như’.

Sách Di Đà Yêu Giải chép:

‘Một đời giáo hóa của Phật Thích Ca chỉ có kinh Hoa Nghiêm nói lên nhất sanh viên mãn (một đời tu được trọn vẹn thành Phật), mà cái nhân của nhất sanh viên mãn ấy là mười đại nguyện vương dẫn dắt về An Dưỡng nằm trong phẩm cuối cùng là Phổ Hiền Hạnh Nguyện, đem việc ấy khuyến khích Hoa Nghiêm hải chúng.

*Than ôi! Phạm phu đạt ngay lên địa vị bồ xứ là một điều đẽ xướng, đàm luận lạ lắm, cao lắm, chẳng thể suy lường nổi. Chỗ phát khởi của kinh Hoa Nghiêm nằm ngay trong kinh này mà thiên hạ xưa nay ít kẻ tin, lắm kẻ ngờ. Càng viết lắm nghĩa càng mờ mịt, tôi chỉ còn cách mổ tim vấy máu [để giải bày] mà thôi’.*

Sách Yếu Giải còn viết:

*‘Vì vậy, đời tương lai kinh pháp diệt hết, riêng lưu lại kinh này tồn tại trong đời một trăm năm để rộng độ hàm thức. Thuốc a già đà trị chung muôn bệnh, dứt bật đối đãi một cách viên dung chẳng thể nghĩ bàn. Áo tàng Hoa Nghiêm, bí tủy Pháp Hoa, tâm yếu của hết thầy chư Phật, kim chỉ nam cho muôn hạnh Bồ Tát đều chẳng ra ngoài kinh này. Muốn khen ngợi, trình bày đầy đủ thì dầu cả kiếp cũng chẳng nói hết được’.*

Kinh Pháp Hoa được tông Thiên Thai tôn sùng là thuần viên, không kinh nào mâu nhiệm bằng. Kinh Hoa Nghiêm được tông Hiền Thủ coi là biệt giáo Nhất Thừa, sự sự vô ngại, là giáo pháp hoàn toàn viên mãn. Nay đại sư Ngẫu Ích chỉ rõ: cái thuần viên của tông Thiên Thai, cái toàn viên của Hiền Thủ, cái bí tủy và áo tàng của những tông ấy đều chẳng ra ngoài kinh này, đủ thấy kinh này đúng là toàn viên.

Hơn nữa, điểm cốt tủy của kinh Pháp Hoa là thuần viên nên nói rằng: kinh này thật là viên nhất trong các pháp viên mãn. Đây thật là dị khẩu đồng thanh với lời phán giáo của các vị đại đức Nhật, thật đúng như lời thường nói trong nhà Thiên: *‘Thở cùng một lỗ mũi’* vậy.

Cận đại, bậc đại đức trong Tịnh tông là đại sư Ấn Quang khen ngợi sách Yếu Giải rằng:

*‘Lý sự đều đạt đến chỗ tuyệt diệu, kể từ khi Phật thuyết kinh này đến nay, [Yếu Giải] là bản chú giải bậc nhất, khéo léo nhất, xác thực nhất. Ví dù cổ Phật xuất thế chú giải lại kinh này cũng chẳng thể hay hơn được nữa’*. Dù thấy lời phán giải về kinh này của sách Yếu Giải giống như là của đích thân Phật phán định vậy.

Ngoài ra, sách Sớ Sao viết:

*‘Căn cứ theo năm phần phán giáo của Hiền Thủ, tức là: Tiểu, Thủy, Chung, Đốn, Viên, nay kinh này thuộc về Đốn giáo mà cũng kiêm thuộc cả hai giáo trước và sau (tức là Chung và Viên). Viên giáo nhiếp trọn kinh này, kinh này nhiếp một phần Viên giáo’*.

Lại viết:

*‘Tứ pháp giới là:*

*Một là sự pháp giới, hai là lý pháp giới, ba là sự lý vô ngại pháp giới. Ba giới này các giáo pháp khác cũng có.*

*Bốn là sự sự vô ngại pháp giới chỉ một mình kinh Hoa Nghiêm là có nên gọi là Biệt Giáo Nhất Thừa.*

*Với cái toàn viên của kinh Hoa Nghiêm, kinh này (kinh A Di Đà) được ít phần. Viên giáo nhiếp trọn kinh này, kinh này nhiếp được một phần Viên giáo'.*

Do Liên Trì đại sư đã phán định kinh Tiểu Bản là phần viên, ngài bèn nêu lên mười điều về sự sự vô ngại pháp giới của hai kinh Tiểu Bản, Đại Bản để chứng minh rằng kinh A Di Đà có ít phần thuộc về Viên giáo.

Rõ ràng Liên Trì đại sư cũng phán định kinh A Di Đà là giáo pháp viên đốn, đây là điểm tương đồng giữa các đại đức Trung Hoa, Nhật Bản. Điểm khác biệt là: hoặc có vị đề cao kinh này là giáo pháp viên mãn nhất trong các pháp Viên giáo, hoặc khiêm nhường cho rằng nó chỉ có đôi phần thuộc Viên giáo. Đây là do cơ duyên khác biệt nên thiện xảo chẳng đồng, chứ bản hoài của ngài Liên Trì và Thiện Đạo, Ngẫu Ích với các đại đức Nhật Bản nào có khác nhau mấy may!

Chẳng qua, lúc trước tác bộ Sớ Sao, đúng là lúc Cuồng Thiên sôi nổi nên đại sư Liên Trì chẳng thể không dùng phương tiện thiện xảo quyền nghi để diu dắt các căn cơ; cho nên phương tiện mà nói thế. Thật đúng như lời cư sĩ Trầm Thiện Đăng bảo:

*‘Áy là bậc đại quyền Bồ Tát thuận theo căn cơ của đương sự để tùy bệnh cho thuốc nhằm thích ứng với thời tiết nhân duyên mà thôi’.*

Trong bộ Sớ Sao, Liên Trì đại sư dẫn đủ các đoạn kinh sự sự vô ngại pháp giới của Tịnh tông thật là ngụ ý sâu xa đủ chứng tỏ nỗi khổ tâm của ngài. Vì sự sự vô ngại chỉ là điều kinh Hoa Nghiêm chuyên có, ta thấy được rằng: đại sư rộng dẫn các chứng cứ từ kinh [Vô Lượng Thọ] để chứng minh kinh này thật sự nói về sự sự vô ngại pháp giới thì ngài cũng đã chứng minh được kinh này thuộc về Viên giáo thật chẳng còn ngờ vực gì nữa.

Nay tôi cũng noi bước đại sư, chuyên luận về huyền nghĩa sự sự vô ngại pháp giới của kinh này.

Tông Hoa Nghiêm lập ra mười huyền môn để chỉ bày pháp giới vô ngại. Gọi là “huyền môn” vì nếu thông đạt những môn này thì có thể nhập được biển Viên giáo huyền diệu của Hoa Nghiêm nên gọi là huyền môn.

Nay tôi sẽ dựa theo thứ tự của Thập Huyền nói trong sách Thám Huyền Ký, dẫn chứng kinh

văn đề chỉ rõ kinh này thật sự đủ cả Thập Huyền. Nhân đó, xác chứng kinh này thật sự thuộc về Viên giáo, thật sự là kinh Hoa Nghiêm bản trung, nhằm chứng minh các thuyết được nêu ở phần trước là lời chơn thật, chứ chẳng phải do hành nhân Tịnh Tông đối trá tự tôn tự đại vậy.

a. Đồng thời cụ túc tương ưng môn

Giáo lý Hoa Nghiêm lấy duyên khởi làm chủ. Toàn bộ hết thảy các thứ trong pháp giới gộp thành một đại duyên khởi. Một pháp thành hết thảy pháp, hết thảy pháp khởi một pháp, cùng một lúc đầy đủ, viên dung hiển hiện, nên bảo là ‘cụ túc tương ưng’.

Phẩm Diệu Nghiêm của kinh Hoa Nghiêm chép: *‘Biển hết thảy pháp môn vô tận cùng hội trong một pháp đạo tràng’*. Đại Số giảng: *‘Như một giọt nước biển có đủ vị của cả trăm sông’*. Đó là huyền nghĩa của môn này.

Trong kinh Vô Lượng Thọ đây hiển thị đầy đủ huyền môn ‘đồng thời cụ túc tương ưng’ như trong phẩm Chí Tâm Tinh Tấn, Pháp Tạng tỳ kheo *‘với các sự trang nghiêm công đức của hai mươi một câu chi cõi Phật đó hiểu rõ thông đạt như một cõi Phật. Cõi nước Phật được ngài nhiếp thủ còn vượt xa hơn những cõi Phật nói trên’*.

Hai mươi một câu chi cỗi Phật đề cập trong kinh biểu thị vô lượng cỗi Phật. Pháp Tạng tỳ kheo nhiếp vô lượng cỗi Phật làm thành một Cực Lạc Tịnh Độ chính là nghĩa *‘hết thấy các pháp cùng thời, cùng chỗ’* của kinh Hoa Nghiêm, do một đại duyên khởi mà tồn tại ‘cụ túc tương ưng’. Đây là tổng môn của Thập Huyền, thật cũng là tổng tướng của kinh đây.

Kinh Vô Lượng Thọ đây cũng do cùng một đại duyên khởi mà xuất hiện vậy!

Hơn nữa, trong phẩm Tuyên Trì Công Đức chép: *‘Nước [nơi ao suối] đó mỗi việc đều tùy thuận ý của chúng sanh’*. Chúng sanh muốn nước lạnh, nóng, chảy nhanh, chậm, cạn, sâu, mỗi điều chẳng giống nhau, nhưng cùng một dòng nước ấy có thể cùng lúc đáp ứng ý muốn của từng chúng sanh một.

Nước là một pháp, ý muốn của chúng sanh là nhiều pháp, mà cũng một dòng nước đồng thời đáp ứng ý muốn của các chúng sanh. Đây đúng là huyền môn ‘đồng thời cụ túc tương ưng’ vậy.

Huống hồ nước ấy lại còn có thể đồng thời *‘sóng vỗ vô lượng âm thanh vi diệu: hoặc nghe tiếng Phật, Pháp, Tăng cho đến tiếng cam lộ quán đảnh thọ lãnh địa vị. Được nghe các tiếng như vậy rồi, tâm họ thanh tịnh, không có các phân biệt,*

*chánh trực, bình đẳng, thành thực căn lành. Điều họ được nghe đều tương ứng với pháp. Điều gì mong nghe, tai liền được nghe. Điều gì không muốn nghe, trợn không phải nghe. Trợn chẳng lui sụt tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác’.*

Chỉ cùng một dòng nước mà có thể cùng một lúc, cùng một chỗ thỏa mãn ước muốn của hết thảy người nghe: ai nấy được nghe pháp mình mong nghe, mà điều họ nghe được lại tương ứng với pháp. Đủ thấy toàn thể tổng môn của thập huyền nơi kinh Hoa Nghiêm được hiển thị trong kinh này vậy.

#### b. Quảng hiệp tự tại vô ngại môn

Đại Sớ giảng: *‘Nhu nơi cái gương dường kính một thước mà thấy cảnh cả mười dặm’.* Gương ví cho cái hẹp (hiệp), cảnh mười dặm ví cho cái rộng (quảng).

Phẩm Phát Đại Thệ Nguyên của kinh Vô Lượng Thọ chép: *‘Cõi Phật ấy rộng rãi nghiêm tịnh, sáng rực như gương, chiếu tột mười phương vô lượng vô số chẳng thể nghĩ bàn thế giới chư Phật’.*

Dùng lực dụng của một cõi soi tỏ khắp mười phương là Quảng. Tướng của một cõi chẳng hoại là Hiệp. Cái rộng rãi của lực dụng vô hạn và cái hẹp



của một pháp chẳng trở ngại nhau, mỗi thứ đều tự tại nên gọi là “quảng hiệp tự tại vô ngại”.

Lại nữa: ‘*Muốn thấy sự trang nghiêm của các cõi Phật thanh tịnh thấy đều thấy được nơi cây báu, ví như gương sáng thấy rõ khuôn mặt*’. Cũng giống như trên, câu này cũng minh thị quảng hiệp tự tại vô ngại môn.

### c. Nhất đa tương dung bất đồng môn

Đại Sớ viết: ‘*Như ngàn ngọn đèn trong một căn nhà, ánh sáng xen lẫn nhau*’. Trong một có nhiều, trong nhiều có một, đó là ‘tương dung’ (chứa đựng lẫn nhau), nhưng tướng của một và nhiều chẳng mất nên là ‘bất đồng’.

Phẩm Lô Xá Na Phật của kinh Hoa Nghiêm dạy: ‘*Dùng một cõi Phật choán đầy mười phương. Mười phương bỏ vào một cõi cũng chẳng dôi ra. Tướng vốn có của từng thế giới cũng chẳng bị hư hoại. Công đức không gì so sánh nổi cũng giống như vậy*’.

Một cõi đầy chập cả mười phương, mười phương vào trong một cõi là nghĩa ‘tương dung’. Tướng vốn có của từng thế giới chẳng bị hư hoại là nghĩa ‘bất đồng’.

Trong kinh Vô Lượng Thọ đây, lời nguyện hương báu xông khắp của Phật Di Đà như sau: ‘*Tất cả hết thảy vạn vật trong cõi nước đều dùng vô*

*lượng hương báu hợp thành. Hương ấy xông khắp mười phương thế giới’.*

Bất cứ một vật gì trong muôn vật ở cõi Ngài cũng đều dùng vô lượng hương báu hợp thành. Dùng vô lượng hương báu gộp thành một vật, biểu thị hết thảy pháp vào trong một pháp, biểu thị ‘một và nhiều chứa đựng lẫn nhau’ (nhất đa tương dung). Tướng của mỗi một vật lại cùng tồn tại bên cạnh tướng của các thứ hương, biểu thị ý nghĩa hai tướng chẳng đồng. Hương ấy lại tỏa khắp mười phương thế giới còn minh thị rằng một pháp trọn có mặt trong tất cả pháp, đây lại là hiển thị diệu lý ‘nhất đa tương dung bất đồng’ vậy.

#### d. Chư pháp tương tức tự tại môn

Phần trên giải thích về ‘tương dung’, phần này nói về ‘tương tức’.

Phẩm Thập Trụ của kinh Hoa Nghiêm, bản dịch đời Tấn, chép: ‘*Một tức là nhiều, nhiều tức là một*’. Ví như nước với sóng, nước ví cho một, sóng ví cho nhiều. Sóng tức là nước, nước tức là sóng, cái này tức là cái kia (tương tức), mà mỗi thứ tự tại, nên nói là ‘tương tức tự tại’. Lại nữa, Đại Sớ viết: ‘*Như vàng và màu sắc của vàng, hai thứ chẳng rời nhau*’.

Trong phẩm Pháp Tạng Nhân Địa của kinh Vô Lượng Thọ đây có chép:

*‘Thế Tôn có thể diễn ra một âm thanh. Mỗi một hữu tình tùy theo loài của mình mà hiểu. Ngài lại có thể hiện ra một sắc thân màu nhiệm khiến khắp các chúng sanh tùy theo chủng loại của chúng mà thấy [sai khác]’.*

Câu này cũng chỉ rõ: hết thấy âm hàm chứa trong một âm, hết thấy thân trong một âm, hết thấy tức là một, một tức là hết thấy, nhiều tức là một, một tức là nhiều. Như sóng với nước, một nước nhiều sóng là nghĩa ‘tương tức tự tại’.

Lại như phẩm Tán Thán Phật Đức trong kinh đây có chép: *‘Hoa được rải lên ấy liền ở trong không trung hợp thành một hoa. Hoa ấy chẳng rơi xuống, tròn trịa đầy đặn, hóa thành một lọng hoa’.* Nhiều hoa thành một hoa, nên nhiều tức là một. Trong một hoa hàm chứa nhiều hoa, nên một tức là nhiều. Như vậy, kinh này đã hiển thị huyền môn thứ tư.

e. Ân mật hiển liễu câu thành môn

Đại Sớ viết: *‘Như một mảnh trăng trong vắt trên không, tối và sáng cùng có’.* Ý nói: trong âm có hiển, trong hiển có âm.

Phẩm Lễ Phật Hiện Quang trong kinh này chép:

*‘A Di Đà Phật liền từ bàn tay phóng ra vô lượng quang, chiếu khắp hết thủy thế giới chư Phật. Khi đó, các cõi nước Phật thấy đều hiện rõ như trong khoảng một tâm’.*

Lại chép:

*‘Cho đến Nê Lê, khe, hang, chỗ tối tăm đều sáng bừng lên, đều cùng một màu. Ví như kiếp thủy đầy ngập thế giới, mọi vật trong ấy đều chìm lấp chẳng hiện, mênh mông, bát ngát, chỉ thấy nước lớn. Quang minh của đức Phật ấy cũng như thế, hết thủy quang minh của Thanh Văn, Bồ Tát đều bị trùm lấp, chỉ thấy Phật quang sáng lòà rực rỡ’.*

Đoạn này biểu thị hết thấy pháp chính là một pháp trong Phật quang, một pháp (Phật quang) hiển thị hết thấy pháp (vạn vật trong cõi này, quang minh của hiền thánh) đều ẩn. Đó là tướng của huyền môn thứ năm: ẩn hiển câu thành.

#### f. Vi tế tương dung an lập môn

Đại Sớ viết: *‘Như bình lưu ly đựng nhiều hạt cải’*. Các môn nói trên đều minh thị ý nghĩa: rộng hẹp vô ngại, một, nhiều dung chứa lẫn nhau; còn môn thứ sáu này, lại chỉ rõ vô luận trong vật gì nhỏ nhất đến đâu cũng có thể dung chứa hết thấy các pháp. Trong một sợi lông, một hạt bụi, có vô biên

sát hải, hết thấy các pháp đồng thời cùng hiện ra như trong tấm gương hiện bóng muôn hình tượng.

Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện chép:

*‘Trong một hạt bụi có cõi nước nhiều như số hạt bụi. Trong mỗi một cõi có chẳng thể nghĩ nổi đức Phật’. ‘Trong đầu một sợi lông nhỏ bé nhất, xuất hiện cõi trang nghiêm ba đời’* chính là nói đến ý nghĩa này.

Nay trong phẩm Tích Công Lũy Đức của kinh Vô Lượng Thọ đây có nói: Pháp Tạng tỳ kheo trong lúc tu nhân, *‘thân, miệng thường tỏa ra vô lượng diệu hương ví như chiên đàn, hoa ưu bát la. Hương ấy thơm ngát khắp mười phương vô lượng thế giới... Trong tay thường tuôn ra vô tận các báu, vật trang nghiêm, hết thấy các vật cần dùng tốt đẹp nhất để lợi lạc hữu tình’*.

Phẩm Bảo Liên Phật Quang lại chép: *‘Trong mỗi một hoa hiện ra ba mươi sáu trăm ngàn ức ánh sáng. Mỗi một ánh sáng hiện ra ba mươi sáu trăm ngàn ức Phật’*.

‘Trong mỗi một ánh sáng’ là một tia sáng trong số ba mươi sáu trăm ngàn ức ánh sáng phóng ra từ hoa sen, biểu thị ý nghĩa chí cực vi tế. Trong ánh sáng lại hàm chứa ba mươi sáu trăm ngàn ức Phật, biểu thị trong cái nhỏ nhiệm nhất lại chứa đựng hết thấy các pháp.

g. Nhân Đà La võng pháp giới môn

Môn vi tế tương dung nói trên chỉ minh họa các tướng tương nhập, tương tức mới có một tầng, chưa minh thị nổi nghĩa lý trùng trùng vô tận, tương tức tương nhập, nên phải mượn cái lưới của Nhân Đà La (Indra) làm thí dụ để minh họa nghĩa này.

Lưới Nhân Đà La là cái lưới châu treo ở thiên cung của Đế Thích. Cái lưới ấy có nghìn hạt châu chiếu rọi lẫn nhau. Trong mỗi hạt châu hiện hình bóng của hết thấy các hạt châu, đây là tầng thứ nhất: mỗi hạt châu ảnh hiện. Nhưng hết thấy các hạt châu được hiện bóng trong một hạt châu, mỗi hạt ấy lại hiện bóng của chín trăm chín mươi chín hạt châu kia. Đó là sự ảnh hiện ở tầng thứ hai.

Các hạt châu trùng trùng ảnh hiện như thế ấy chẳng có cùng tận, dùng để thí dụ các pháp tương tức, tương nhập, trùng trùng vô tận. Sách Đại Sớ viết: *‘N hư dùng hai tấm gương đặt đối nhau, chiếu rọi, hiện bóng lẫn nhau’*.

Phẩm Bảo Liên Phật Quang trong kinh đây chép:

*‘Các hoa sen báu đầy ấp khắp cả thế giới... Trong mỗi một hoa hiện ra ba mươi sáu trăm ngàn ức ánh sáng. Trong mỗi một ánh sáng, xuất hiện ba*

*mười sáu trăm ngàn ức Phật... Mỗi một vị Phật lại phóng trăm ngàn quang minh, vì khắp mười phương thuyết pháp vi diệu. Các đức Phật như thế mỗi vị đều an lập vô lượng chúng sanh nơi Phật chánh đạo’.*

Ở trên, trong phần nói về huyền môn thứ sáu, đã chỉ ra ‘*trong mỗi một ánh sáng xuất hiện ba mươi sáu trăm ngàn ức Phật*’ là vi tế tương dung môn, đây là một tầng tương tức tương nhập.

Xét kỹ đoạn trước và phần sau của đoạn kinh ấy, ta thấy rõ được diệu nghĩa trùng trùng vô tận tương tức tương nhập:

Trong một cõi Phật A Di Đà có vô số hoa sen báu. Mỗi một hoa lại phóng ra số quang minh khó tính biết nổi. Trong mỗi một quang minh lại có số Phật khó tính biết nổi. Mỗi một đức Phật lại phóng quang thuyết pháp, an lập vô lượng chúng sanh nơi Phật chánh đạo. Như vậy, trong cõi Cực Lạc có vô số sen. Sen phóng quang. Quang hiện Phật. Phật hiện cõi nước. Trong cõi nước lại có vô số hoa sen, sen lại phóng quang, hiện Phật.

Mỗi một hoa sen ví như một hạt châu nơi lưới Đế Thích, hoa sen như thế khắp đầy cả cõi Phật, đủ thấy kinh này thật sự hiển thị huyền môn ‘*nhân đà la võng trùng trùng vô tận, sự sự vô ngại*’ của Hoa Nghiêm.

#### h. Thác sự hiển pháp sanh giải môn

Do trùng trùng vô tận như trên nên vi trần, pháp nào cũng đều là sự sự vô ngại pháp giới. Vì vậy, có thể tùy ý lấy một hạt bụi, một sự để hiển lộ toàn thể pháp giới như Đại Sớ viết: *‘Tượng đứng giơ tay, mắt nhìn đều là đạo’*.

Phẩm Bồ Đề Đạo Tràng trong kinh đây chép:

*‘Lại nữa, đạo tràng ấy có cây Bồ Đề.... Lại do trông thấy cây ấy mà được ba thứ nhãn: một là âm hưởng nhãn, hai là nhu thuận nhãn, ba là vô sanh pháp nhãn. Phật bảo A Nan: - Cõi Phật như vậy, hoa quả, cây cối và các chúng sanh đều làm Phật sự’*.

Một phen nhìn cây ấy chứng được vô sanh thì đúng là huyền chỉ ‘thác sự hiển pháp sanh giải’. Hoa quả, cây cối đều làm Phật sự cũng có cùng ý nghĩa như vậy.

#### i. Thập thể cách pháp di thành môn

Môn này biểu thị sự kéo dài hay rút ngắn vô ngại. Tám môn trước biểu thị tướng viên dung theo chiều ngang (không gian), còn môn này biểu thị theo chiều dọc (thời gian).

Thập thể là đời quá khứ, vị lai, hiện tại, mỗi đời lại có quá khứ, vị lai, hiện tại nên thành chín



thể. Chín thể nhập vào nhau thành một tổng thể. Tổng thể hợp với chín thể trên thành thập thể.

Mười thể này là pháp khác biệt về thời gian, nhưng đồng thời hiển hiện trọn vẹn, nên gọi là cách pháp dị thành (các pháp sai khác cùng một lúc thành tựu nên gọi là “dị thành”).

Phẩm Sơ Phát Tâm Công Đức trong kinh Hoa Nghiêm, bản dịch đời Tấn, chép: *‘Biết vô lượng kiếp là một niệm, biết một niệm tức là vô lượng kiếp’*.

Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên lại chép: *‘Trọn hết thấy kiếp là một niệm’, ‘ta trong một niệm thấy ba đời’* đều là nghĩa kéo dài, rút gọn trong cùng một lúc, tam thể nhất như. Vì vậy, Đại Sớ viết: *‘Như giấc mộng một đêm kéo dài cả trăm năm’*.

Trong kinh Vô Lượng Thọ đây cũng có nhiều đoạn hiển thị môn này, như trong phẩm Đại Giáo Duyên Khởi chép: *‘Có thể trong khoảng một niệm, trụ vô lượng ức kiếp’*. Phẩm Đức Tuân Phổ Hiền chép: *‘Trong khoảng một niệm qua khắp hết thấy cõi Phật’*. Phẩm Tấn Thán Phật Đức cũng chép: *‘Trong khoảng một bữa ăn, lại đi qua mười phương vô biên cõi’*.

#### j. Chủ ban viên minh cu đức môn

Vạn pháp ngang dọc thành một đại duyên khởi, pháp pháp thấu tột lẫn nhau, nên hãy nêu lên

một pháp thì hết thấy các pháp khác thành bạn để làm duyên khởi, cũng tức là lấy một pháp làm chủ thì hết thấy pháp khác đều là bạn để tương ứng với pháp ấy. Lấy pháp khác làm chủ thì các pháp kia thành bạn để cùng nhóm hết cả lại. Vì vậy một pháp viên mãn công đức của hết thấy pháp. Đây gọi là viên mãn cụ đức. Đại Sớ viết: *‘Như sao Bắc Đẩu ngự ở đâu, các tinh tú đều châu về’*.

Nay kinh này lấy ‘phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm’ làm tông, dùng nguyện ‘mười niệm át vãng sanh’ làm gốc của đại nguyện, chuyên trọng trì danh niệm Phật thì là ‘đầy đủ vạn đức’.

Một câu danh hiệu Phật này viên mãn đầy đủ công đức của hết thấy pháp. Toàn thể đều là nghĩa lý của Hoa Nghiêm huyền môn ‘viên minh cụ đức’.

Phẩm Tam Bối Vãng Sanh của kinh này chép:

*‘Nhân đến đạt được một niệm tịnh tâm, phát một niệm tâm niệm đức Phật kia, người ấy đến lúc lâm chung như ở trong mộng thấy A Di Đà Phật, quyết định sanh cõi kia, được bất thoái chuyển vô thượng Bồ Đề’*.

Câu này chỉ rõ tịnh tâm niệm Phật một tiếng, công đức vô lượng chẳng thể nghĩ bàn. Hơn nữa, trong các đại nguyện có nguyện: “nghe tên được phước”. Thập phương chúng sanh do nghe tên ngài

*‘sau khi thọ hết, sanh nhà tôn quý, các căn chẳng khuyết, thường tu phạm hạnh thù thắng’.*

Lại có nguyện nghe tên đặc nhãn, Bồ Tát phương khác do nghe tên ngài, ngay khi ấy đạt được một, hai hoặc ba thứ nhãn, chứng bất thoái chuyển, đủ chứng minh rằng diệu đức của danh hiệu A Di Đà khó nghĩ lường nổi.

Như sách A Tự Quán của Đông Mật viết: *‘Từ chữ A sanh ra hết thấy đà ra ni, từ hết thấy đà ra ni sanh ra hết thấy Phật’.* Chữ A là vua, hết thấy đà ra ni và hết thấy chư Phật là bạn. Trong một chữ, chủ bạn công đức vô lượng vô biên thì chính là huyền ý ‘viên minh cụ đức’ vậy.

Hơn nữa, trong cõi nước ấy, sắc, thanh, hương, vị, xúc mỗi thứ đều viên minh cụ đức. Vì vậy, hiện quang, thấy cây, nghe tiếng, ngửi hương, không điều gì là chẳng tăng trưởng thiện căn.

*‘Nếu có chúng sanh thấy quang minh của ta chiếu chạm đến thân không ai chẳng an lạc, từ tâm làm lành’.* *‘Sóng vỗ vô lượng âm thanh vi diệu... Được nghe các thứ âm thanh như vậy rồi, tâm họ thanh tịnh, không có các phân biệt, chánh trực bình đẳng, thành thực thiện căn’.* *‘Tỏa khắp nơi muôn thứ hương ôn nhã muôn đức, có ai ngửi thấy, trần lao cấu tập tự nhiên chẳng khởi. Gió chạm vào*

*thân, an hòa vừa phải, khoan khoái như là tỳ kheo  
đắc Diệt Tận Định’.*

Lại còn:

*‘Nếu có chúng sanh thấy cây Bồ Đề, nghe  
tiếng, ngửi hương, nếm vị của trái, chạm phải ánh  
sáng, nghĩ đến công đức của cây, sáu căn đều được  
thanh tịnh, không có các não loạn, trụ bất thoái  
chuyển cho đến khi thành Phật đạo’.*

Trong nguyện hương báu xông khắp lại nói:  
*‘Hương ấy xông khắp mười phương thế giới, chúng  
sanh ngửi thấy đều tu hạnh Phật’.* Đủ thấy, một hạt  
bụi, một sợi lông, không thứ gì chẳng viên minh cụ  
đức.

Sách Hoa Nghiêm Huyền Đàm giải thích các  
pháp là sự sự vô ngại, là do duy tâm sở hiện.  
Nguồn gốc của các pháp chẳng phải là có chủng  
loại riêng, chỉ là pháp sai biệt duyên khởi của Như  
Lai Tạng Tâm của chính mình. Vì vậy, chúng ắt  
phải có cái lý có thể dung hòa được nhau.

Sách Hoa Nghiêm Kim Sư Tử Chương viết:  
*‘Hoặc ẩn hoặc hiển, hoặc một, hoặc nhiều, đều  
không có tự tánh. Do tâm xoay chuyển nói sự, nói  
lý, có thành, có lập thì gọi là duy tâm hồi chuyển  
thiện thành môn’.* Duy tâm thiện thành môn chính  
là chủ bản viên minh cụ đức môn.

Phẩm Tích Công Lũy Đức trong kinh này đây có thuật Pháp Tạng tỳ kheo *‘trụ chơn thật huệ, dũng mãnh, tinh tấn, một bề chuyên chỉ trang nghiêm cõi nước màu nhiệm’* nên biết được rằng y báo, chánh báo thanh tịnh trang nghiêm của cõi Cực Lạc đều do Chơn Thật Huệ hiện ra. Như Vãng Sanh Luận cho rằng ba thứ trang nghiêm vào trong một pháp cú, một pháp cú là thanh tịnh cú, thanh tịnh cú là chơn thật trí huệ vô vi Pháp Thân thì biết được rằng trang nghiêm cõi nhiệm màu chính là thanh tịnh Pháp Thân, không hai, không khác.

Phẩm Thọ Lạc Vô Cực của kinh đây chép:

*‘Một phen tâm khai ngộ, liễu đạt, minh bạch, thấu triệt (khai đạt minh triệt) tương tự nhiên của tự nhiên, trong tự nhiên tự có căn bản, tự nhiên quang sắc nhập lẫn vào nhau, chuyển biến tối thắng, Uất Đan thành thất bảo, trong hư không tự nhiên thành vạn vật’ (\*)*.

Kinh nói ‘một phen khai minh’ thì cái được khai minh đó chính là tự tâm của ngay đương sự. Bảy báu cùng muôn vật là chỉ cho cõi Phật. Do một tâm của chính mình mà hiện ra cõi nước màu nhiệm, do tâm xoay vần thành ra thế giới. Thế nên, sự sự vô ngại, viên minh cụ đức. Vì vậy, kinh dạy: *‘Khai hóa hiển thị chơn thật tế’*.

Chơn thật tế là bốn tế Chơn Như thật tướng. Vì thế, điều được hiển thị ở đây là: **Ngay nơi tướng chính là Đạo, ngay nơi sự chính là Chơn. Không thứ gì chẳng phải là Chơn Như, Thật Tướng. Cũng có nghĩa là không một thứ gì chẳng phải là tự tâm.** Vì thế, siêu tình, ly kiến, đầy đủ trọn vẹn Thập Huyền.

Sự thù thắng độc đáo của kinh Hoa Nghiêm chỉ cốt ở Thập Huyền mà kinh Vô Lượng Thọ này cũng có đủ, đủ chứng minh rằng kinh này chẳng khác gì kinh Hoa Nghiêm. Cuối kinh Hoa Nghiêm dùng mười đại nguyện vương để dẫn dắt quy về Cực Lạc. Kinh này đây hoàn toàn hiển thị Tịnh tông, dẫn dắt phàm thánh cùng quy Cực Lạc, nên gọi kinh này là kinh Hoa Nghiêm bản trung thì thật là có căn cứ vậy.

Lại theo như sách Yếu Giải phán định kinh Tiểu Bản: *‘Hoa Nghiêm áo tàng, bí tửy Pháp Hoa, tâm yếu của hết thầy chư Phật, kim chỉ nam của muôn Bồ Tát hạnh đều chẳng ngoài kinh này’* thì Cực Lạc chẳng rời Hoa Tạng thế giới, Di Đà chính là Tỳ Lô Giá Na. Vì vậy, phán định kinh này thuộc Viên giáo ai dám bảo là chẳng đúng.

Nhưng cách phán giáo này cũng chỉ là tướng sai biệt của bình đẳng. Nếu là người căn cơ viên mãn thì pháp nào cũng đều là viên, *‘pháp này bình*

*đẳng, chẳng có cao, thấp*'. Đây là tướng bình đẳng trong sai biệt.

## 7. Bộ loại sai biệt

Để hiểu sâu kinh này, cần phải biết các kinh luận cùng bộ loại và kinh điển nói kèm pháp Tịnh Độ để tiện việc nghiên cứu, tham khảo.

### 7.1. Đồng bộ

Kinh này là kinh điển đồng bộ với kinh Tiểu Bản Di Đà. Bản dịch đời Ngô của kinh này cũng được đặt tên là A Di Đà kinh, trùng tên với bản dịch kinh Tiểu Bản của ngài La Thập đời Tần. Vì vậy, tục gọi kinh này là Đại Bản, kinh A Di Đà bản dịch đời Tần là Tiểu Bản. Sách Sớ Sao cho rằng hai bản Đại, Tiểu *'văn dẫu chi tiết hay giản lược, nhưng nghĩa không ưu, liệt, cho nên phán định là đồng bộ'*.

Hiện tại, Tiểu Bản Di Đà có ba thứ:

- \* A Di Đà kinh, do ngài tam tạng pháp sư Cưu Ma La Thập dịch vào đời Diêu Tần.

- \* Xung Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ kinh của ngài Huyền Trang dịch đời Đường.

- \* A Di Đà kinh Tần Đường lưỡng dịch hội tập bản do Bồ Tát giới cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập thời hiện đại.

Hai bản dịch đời Tần và Đường đại thể tương đồng, chỉ sai biệt đôi chút. Bản dịch đời Tần tinh yếu, lưu loát, được mọi người coi trọng. Bản Đường dịch thì chuẩn xác, tường tận, tận lực giữ trọn nguyên tác. Thầy tôi hội tập hai bản dịch này, gạn hết những điểm tinh yếu, lại dựa vào bản kinh khắc đá thời Lục Triều bổ túc hai mươi chữ bị sót mất trong bản dịch đời Tần.

Xét theo bản kinh đá ở Tương Dương và bản chép tay của người thời Lục Triều để khắc đá, sau chữ *‘nhất tâm bất loạn’* còn có dòng chữ *‘chuyên trì danh hiệu, dĩ xưng danh cố chư tội tiêu diệt, tức thị đa thiện căn phước đức nhân duyên’* gồm hai mươi một chữ.

Sư Nguyên Chiếu đời Tống cũng chép như vậy trong tác phẩm Linh Chi Sớ. Đại sư Cừ Am đời Minh cũng đề cao bản Thạch kinh. U Khê đại sư trong tác phẩm Viên Trung Sao còn lớn tiếng hô hào: *‘Bản được lưu truyền hiện tại (chỉ bản dịch đời Tần) bị sai sót, phạm đọc tụng, tu tập, nên dựa theo cổ bản để bổ túc cho đúng’*.

Hội bản nương theo ý các vị tiên đức, thu nhập thêm hai mươi một chữ đó. Trong hội bản này gồm đủ ưu điểm của hai bản dịch, lại bổ khuyết chỗ thiếu sót của bản dịch đời Tần. Thánh ý được hiển lộ trọn vẹn, dễ được hiểu thấu đúng đắn. Như vậy,



nguyên văn của bản dịch đời Tần phải là ‘*nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu*’ (tám chữ này phải nên đọc một hơi) thật tương đồng bản dịch đời Đường ‘*hệ niệm bất loạn*’, cũng tương đồng ý chỉ ‘*nhất hướng chuyên niệm*’ của kinh này, chỉ bày tỉ mỉ diệu pháp Trì Danh từ quả khởi tu, quả giác nhân tâm, tha lực thâm gia hộ chẳng thể nghĩ bàn.

Sách Yếu Giải viết: ‘*Nếu chấp trì danh hiệu chưa đoạn kiến, tư thì tùy theo là tán hay định, chia thành ba bậc, chín phẩm nơi cõi Đồng Cư*’, đủ thấy chúng sanh chỉ cần tín, nguyện, trì danh, quyết được vãng sanh cõi Phạm Thánh Đồng Cư của Cực Lạc. Thật chẳng đợi phải đạt đến sự nhất tâm bất loạn hoặc lý nhất tâm bất loạn. Diệu dụng của pháp môn Trì Danh được giải bày hết ra, đủ chứng minh hội bản thật có công với thánh giáo vậy.

## 7.2 Đồng loại

Hễ kinh điển nào xưng xuất: *ngĩ, niệm Di Đà, nguyện sanh Cực Lạc*, đều được coi là đồng loại. Trong các kinh ấy cũng có thân, sơ. Kinh nào trì danh niệm Phật là thân, đề cao pháp khác là sơ.

\* Phật thuyết Quán Vô Lượng Thọ kinh: kinh này cùng với hai kinh Đại Bản, Tiểu Bản ở trên được gọi chung là Tịnh Độ Tam Kinh, là kinh điển cơ bản của Tịnh tông. Kinh này giảng đầy đủ về

mười sáu diệu môn, khuyên dạy quán tưởng niệm Phật và trì danh niệm Phật.

\* A Di Đà Phật Cổ Âm Thanh Vương Đà Ra Ni kinh: khuyên dạy trì danh và kiêm trì chú.

\* Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên của kinh Hoa Nghiêm: mười đại nguyện vương dẫn dắt quy về Cực Lạc.

\* Hậu xuất A Di Đà Phật kệ kinh: Từ đầu đến cuối chỉ là kệ, gồm năm mươi sáu câu. Trong ấy có câu: *‘Phát nguyện giống như chư Phật, thệ hai mươi bốn chương’* tương đồng với hai mươi bốn điều nguyện trong hai bản dịch đời Ngô và Hán.

\* Chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông của kinh Thủ Lăng Nghiêm: khuyên dạy chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật. Dùng tâm niệm Phật nhập vô sanh nhẫn.

\* Bát Châu Tam Muội kinh: do tam tạng pháp sư Chi Lôu Ca Sấm người xứ Nhục Chi dịch vào đời Hậu Hán. Ngoài ra, Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ kinh là bản dịch khác của kinh này. Kinh chú trọng dùng chín mươi ngày làm kỳ hạn, chẳng ngồi, chẳng nằm, tu Phật lập tam muội, Thiên Thai tông gọi là Thường Hành Tam Muội, xưng danh, quán niệm A Di Đà Phật.

\* **Vãng Sanh Luận**: do Bồ Tát Thiên Thân soạn, đề xướng ngũ môn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ (Nhất luận trong ‘Tịnh tông tam kinh nhất luận’ là chỉ cho luận này).

\* **Vãng Sanh Luận Chú** của đại sư Đàm Loan đời Bắc Ngụy soạn, là một bộ sách cổ của Tịnh tông.

\* **Du Tâm An Lạc Đạo**: do đại sư Đạo Xước đời Đường soạn là một trong những bộ sách cổ.

### 7.3 Kinh, luận nói kèm về Tịnh Độ

Lại có các kinh, luận tuy chẳng chuyên luận về Tịnh Độ, nhưng cũng kiêm xưng tán Cực Lạc, khuyên lơn vãng sanh.

Các kinh ấy như: kinh Pháp Hoa, kinh Bi Hoa, kinh Tùy Nguyện Vãng Sanh, kinh Văn Thù Sở Thuyết Bát Nhã, kinh Mục Liên Sở Vấn, kinh Thập Vãng Sanh, kinh Quán Phật Tam Muội (Phật thọ ký cho ngài Văn Thù sẽ sanh về Cực Lạc), kinh Văn Thù Phát Nguyện (Văn Thù nguyện cầu sanh Cực Lạc), kinh Nhập Lăng Già (Phật thọ ký cho Long Thọ sanh cõi Cực Lạc), Tỳ Bà Sa luận (do Long Thọ Đại Sĩ soạn), Đại Trí Độ luận (cùng tác giả), Đại Thừa Khởi Tín Luận (Bồ Tát Mã Minh soạn) v.v...

Kinh, luận Tịnh Độ có đến trăm mấy mươi bộ. Trên đây chỉ lược nêu các kinh sách thuộc cùng bộ

loại và kinh, luận đề cập đến Tịnh Độ. Còn như số lượng các kinh điển trong Mật bộ có liên quan đến Tịnh Độ còn nhiều hơn nữa nhưng chẳng kể ra.

## 8. Dịch, hội hiệu, thích

‘Dịch’ chỉ cho bản dịch gốc. ‘Hội hiệu’ chỉ các bản do căn cứ vào các bản dịch gốc để hội tập (tổng hợp, khảo đính những bản dịch của cùng một kinh để chọn ra những điểm trọng yếu), hiệu đính. ‘Thích’ chỉ cho các bản chú giải kinh này.

### 8.1 Các bản dịch kinh này

Kinh này *‘được đức Phật thường nói, các sư đua nhau dịch, được truyền đến Trung Hoa rất sớm, riêng mình nó có rất nhiều bản dịch’* (xem lời tựa kinh này của cư sĩ Mai Quang Hy). Từ Đường đến Tống có 12 dịch bản. Bản đời Tống, Nguyên đã mất, nay chỉ còn lại được năm bản dịch.

a. Vô Lượng Thọ Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác kinh do sa môn người xứ Nhục Chi là Chi Lô Ca Sấm dịch ở Lạc Dương vào đời Hậu Hán (từ đây gọi tắt là bản Hán dịch).

b. Phật thuyết Chư Phật A Di Đà Tam Đà Tam Phật Tát Lô Phật Đàn Quá Độ Nhân Đạo kinh, tên khác là Vô Lượng Thọ kinh, tên khác nữa là A Di Đà kinh, do ưu bà tắc Chi Khiêm tự Cung

Minh người xứ Nhục Chi dịch vào đời Ngô (gọi tắt là bản Ngô dịch).

c. Vô Lượng Thọ kinh do sa môn người Ấn Độ là Khang Tăng Khải dịch ở chùa Bạch Mã, Lạc Dương vào đời Tào Ngụy (gọi tắt là bản Ngụy dịch).

d. Vô Lượng Thọ Như Lai hội do tam tạng Bồ Đề Lưu Chí người Nam Ấn Độ dịch vào đời Đường, bản này trích từ kinh Đại Bảo Tích (gọi tắt là bản Đường dịch).

e. Phật thuyết Đại Thừa Vô Lượng Trang Nghiêm kinh do sa môn Pháp Hiền người xứ Tây Vực dịch vào đời Tống (gọi tắt là bản Tống dịch).

Bảy bản dịch, hiện đã mất, căn cứ theo Khai Nguyên Thích Giáo Lục, liệt kê như sau:

a. Vô Lượng Thọ kinh, hai quyển, do sa môn An Thế Cao người nước An Tức dịch vào đời Hán.

b. Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác kinh, hai quyển, do sa môn Bạch Diên dịch ở chùa Bạch Mã, Lạc Dương vào đời Tào Ngụy.

c. Vô Lượng Thọ kinh, hai quyển do sa môn Trúc Đàm Ma La Đa (Pháp Hộ) dịch vào đời Tấn.

d. Vô Lượng Thọ Chí Chơn Đẳng Chánh Giác kinh, hai quyển, tên khác là Lạc Phật Độ Lạc Kinh,

một tên nữa là Cực Lạc Phật Độ kinh, do sa môn Trúc Pháp Lục người Tây Vực dịch vào đời Đông Tấn.

e. Tân Vô Lượng Thọ kinh, 2 quyển, do sa môn Phật Đà Bạt Đà La (Giác Hiền) người nước Ca La Vệ La dịch ở chùa Đạo Tràng vào đời Đông Tấn.

f. Tân Vô Lượng Thọ kinh, 2 quyển, do sa môn Bảo Vân người Kinh Châu dịch ở chùa Đạo Tràng vào đời Tống.

g. Tân Vô Lượng Thọ kinh hai quyển, sa môn Đàm Ma La Mật Đa (Pháp Tú) người nước Kế Tân dịch vào đời Tống.

Bảy bản bị thất lạc trên đây và năm bản còn giữ được được gọi là ‘thập nhị thế dịch’ (các bản dịch trong mười hai đời). Thật ra là 8 đời, mười hai lần dịch: Đời Hán hai bản dịch, đời Ngô một bản, đời Tào Ngụy hai bản, đời Tây Tấn một bản, Lưu Tống hai bản, Đường một bản, Triệu Tống một bản. Như vậy, về thời gian dịch thuật là trong 8 triều đại, số lượng bản dịch là mười hai.

Sách Bình Giải viết: ‘*Phàm trong các kinh, không có kinh nào được lưu truyền, dịch thuật thịnh hành như kinh này. Đó là do kinh này giảng thẳng lẽ xuất thế, lợi ích vô biên vậy*’.

Sách Hội Sớ viết: *‘Trong hết thấy các kinh được nhiều người lưu truyền, dịch thuật không kinh nào được như kinh này. Đó là bởi đạo lý thâm sâu, lợi ích tối thượng vậy’*. Cả hai bộ sớ có cùng một nhận định.

So sánh năm bản dịch còn lưu truyền trong đời thì chẳng giống với trường hợp của hai bản dịch kinh A Di Đà hay sáu bản dịch của kinh Kim Cang: kinh văn tuy chi tiết hay giản lược khác nhau đôi chút nhưng nội dung thật sự tương đồng. Năm bản dịch của kinh đây, chẳng những kinh văn chi tiết hay giản lược khác nhau rất nhiều mà ngay cả nội dung mức độ rộng lược cũng rất khác.

Lấy ví dụ, với đại nguyện của Phật A Di Đà khi còn tu nhân, hai bản Hán dịch và Ngô dịch nêu hăm bốn nguyện, bản Tống ghi băm sáu nguyện, bản Ngụy, Đường ghi bốn mươi tám nguyện. Ngay nội dung mỗi nguyện cũng dịch khác nhau, đủ thấy sự khác biệt khá lớn.

Được lưu truyền phổ biến nhất hiện thời là bản Ngụy dịch. Sách Bình Giải chỉ ra rằng: Đem hai bản dịch đời Ngô và Hán so với bản Ngụy dịch, chỉ kể những điểm chính yếu đã có tám điểm khác nhau. Còn nếu so với bản Đường dịch, đại khái có bảy điểm khác nhau. Ở đây, tôi không thuật rõ. Còn đến bản dịch đời Tống so với các bản dịch khác, sự sai biệt còn lớn hơn nữa.

Các bản dịch vì sao sai khác? Cư sĩ Trâm Thiện Đăng đời Thanh viết trong sách Báo Ân Luận rằng:

*‘Lược khảo các kinh, sở dĩ có sự bất đồng, nói tóm lại là do ba nguyên nhân:*

*- Người dịch khéo, vụng chẳng giống nhau.*

*- Phạm bản truyền chép khác biệt*

*- Đức Bốn Sư trước sau tuyên nói nhiều lượt chẳng giống nhau. Đức Bốn Sư thuyết pháp hơn ba trăm hội, nhiều lần chỉ dạy quy hướng Tịnh Độ thì tự nhiên mỗi lần nói không dùng cùng một bài giảng, phải tùy thời, tùy cơ, khai triển đại ý.*

*Phải căn cứ theo ý chẳng chấp mặt chữ, lẽ hiển nhiên là như vậy’.*

Vì vậy, ta thấy rằng kinh Vô Lượng Thọ được Phật giảng nhiều lần nên chẳng phải chỉ có một Phạm bản. Do kinh vẫn được dùng để dịch đã khác nhau nên bản dịch có mức độ khéo vụng khác nhau. Bởi vậy, lời văn của các bản dịch tự nhiên sai khác.

Ông Trâm lại còn chỉ ra nguyên nhân Phạm bản dễ bị sai lạc:

*‘Các bản kinh tiếng Phạm đều là bản chép tay nên dễ bị chép sai, sót. Như bản Hán dịch của kinh*



*Đại Bản* trải bao đời đến nay, bị chép lầm hay sót đến vài mươi chữ, văn nghĩa không nhất quán.

Lại như tàng bản của kinh *Tứ Thập Nhị Chương* so với bản khắc đá do *Triệu Văn Mân* viết và các bản được lưu thông ngoài *Đại Tạng* thì chương, tiết trước sau, nhiều ít, đều bất đồng. So với những đoạn trích dẫn trong sách *Pháp Uyển Châu Lâm* cũng khác. Hơn nữa, những chữ [trong kinh ấy] được chọn ra [để giải thích] trong sách *Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa* đều không thấy trong các bản lưu hành.

*Đại để* là do kinh được tụng trì, tu tập nhiều thì được lưu truyền, chép lại nhiều nên lỗi đắc, thất, dị, đồng cũng nhiều’.

Sách *Bình Giải* của *Nhật* cũng viết: ‘*Thẩm định* các kinh thì là do quá nhiều bản *Phạn* đến nỗi văn nghĩa được truyền dịch thành ra có chỗ tương tạn hay sơ lược chẳng đồng’.

Rõ ràng, tác giả sách *Bình Giải* đồng ý với ông *Tràm*, cùng cho rằng kinh này được *Phật* nói nhiều lượt. Như vậy, tụng tập nhiều, truyền chép *Phạn* bản nhiều lượt, *Phạn* bản có nhiều bản còn, tỉ mỉ, hay sơ lược sai khác. Các thẻ kinh tiếng *Phạn* lại dễ bị lạc mất, thành ra hiện tại các bản dịch thật khác biệt xa nhau.

Thuyết của sư Nhật Khê người Nhật cũng giống thuyết ông Trâm. Ngài nói:

*‘Câu văn của bản dịch khác so với kinh đây (chỉ bản Ngụy dịch) có chút sai khác chẳng phải là ít. Xét ra, lầm dị bản, truyền thọ lại chẳng phải một lần nên thành ra sai khác như thế. Hoặc là do chẳng phải chỉ nói có một lần, chẳng hạn như các kinh Bát Nhã. Do kinh này là bốn hoài của Như Lai, mỗi chỗ ngài nói khác nhau nên có nhiều bản. Đây là do lòng đại bi cùng cực vậy’.*

Các vị đại đức trên đây đều cho rằng kinh này là pháp được đức Thế Tôn nhiều lần tuyên nói, điều này thật có chứng cứ. Ví dụ như, bản Đường dịch mang tên Vô Lượng Thọ Như Lai hội là một hội của kinh Bảo Tích, đủ chứng minh rằng khi Phật nói kinh Đại Bảo Tích cũng nói ra kinh này. Ông Trâm lại bảo:

*‘Bản Ngụy dịch văn từ tường tận, nghĩa lý trọn vẹn nên từ xưa đến nay các vị giảng sư hay dùng bản này. Bản Đường dịch không sai khác mấy do dịch từ cùng một bản Phạn. Bản Tống dịch rất lưu loát, rõ ràng, nhưng câu cú, chữ nghĩa so với các bản trên khác nhau rất lớn nên phải xuất phát từ bản Phạn khác. Hai bản dịch đời Hán và Ngô, văn từ thô tháp, trúc trắc, nhưng nghĩa lý bổ sung*

*cho nhau nên ắt phải là được dịch theo một Phạn bản khác nữa'*

Ông Tràm tuy chưa thể trực tiếp đem Phạn bản ra so sánh để chứng minh, nhưng nếu nghiên cứu năm bản dịch còn tồn tại, ta có thể suy ra rằng hiện tại có ít nhất ba bản Phạn. Vì vậy, thuyết của ông Tràm rất đáng tin.

Còn như ý kiến của các sư khác cho rằng *'Năm bản dịch chỉ là các bản dịch khác nhau từ cùng một Phạn bản, nhưng có sai biệt là do ý thích của dịch giả khác nhau'* thật chưa đủ sức thuyết phục! Chẳng hạn như, so hai bản dịch đời Tần và Đường của kinh Tiểu Bản, do người đời Tần còn đơn giản nên ngài La Thập gom mười phương Phật thành sáu phương Phật, đây thật là chỗ khéo léo ứng cơ của dịch giả: Văn giản lược để thích ứng căn cơ, nhưng nghĩa lý của kinh chẳng mất. Đó mới là ý thích và sự khéo léo của dịch giả.

Còn xét về sự sai biệt giữa các bản dịch của kinh này, sự sai biệt lớn nhất là chẳng những giản lược, chi tiết sai khác mà nghĩa lý cũng sâu rộng khác hẳn. Vì vậy, chẳng thể bảo là do ý thích của người dịch sai khác.

Lấy ví dụ, Di Đà đại nguyện là duyên khởi của Tịnh tông, là cương tông của kinh này mà cái nguyện 'mười niệm ắt vãng sanh' là cốt tủy của Di

Đà đại nguyện. Nguyện này thấy trong hai bản Ngụy dịch, Đường dịch, nhưng không có trong phần đại nguyện của hai bản dịch Hán và Ngô.

Nếu cho rằng bốn mươi tám đại nguyện của hai bản Đường, Ngụy đem so với hăm bốn đại nguyện của hai bản Ngô, Hán chỉ là cách dịch mở rộng hay nói gọn khác nhau thì thật khó bề thuyết phục. Trong đời có người dịch nào lớn mật như thế, dám dựa theo ý riêng, tự tiện lược đi đại nguyện tâm tủy. Vì vậy, nguyên bản để dịch phải khác nhau thì dịch bản mới sai khác đến như vậy.

Lại như trong hăm bốn đại nguyện của bản Ngô dịch, có hai nguyện thù thắng: ‘Nước không nữ nhân’ và ‘liên hoa hóa sanh’, mà trong hai bản dịch Đường và Ngụy tuy đủ bốn mươi tám nguyện lại chẳng hề có hai nguyện ấy. Nếu bảo rằng “cùng một bản gốc, các bản dịch chỉ dịch đủ hay tóm gọn chẳng đồng”, thử hỏi hai nguyện ấy của bản Ngô dịch lấy từ đâu ra? Vì sao trong hăm bốn nguyện thì có, còn trong bốn mươi tám nguyện lại hoàn toàn chẳng có? Rõ ràng, các Phạn bản dùng để dịch không phải chỉ là một bản. Thật đúng như thuyết của cư sĩ Trầm Thiện Đăng: kinh này được đức Thế Tôn tuyên thuyết nhiều lần, lại do các thẻ kinh Phạn dễ bị thất lạc, thành ra có các bản gốc sai khác vậy.